

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

TRÊN ĐƯỜNG TÂN HÓA

Thành giả Thiên chi Đạo
Thành chi giả Nhân chi Đạo

(TRUNG DUNG)

Soạn Giả

TIẾP PHÁP TRƯỞNG VĂN TRÀNG

TIẾT LẬP XUÂN NĂM QUÍ MÃO
1963

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ TIẾP PHÁP TRƯƠNG VĂN TRÀNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 07/02/2013

Tâm Nguyên

TRÊN ĐƯỜNG TÂN HÓA

Soạn Giả: TIẾP PHÁP TRƯƠNG VĂN TRÀNG

Nhà sách MINH TÂM

Xuất bản lần thứ nhất

- 1963 -

TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA
Nhà sách MINH TÂM
Xuất bản lần thứ nhất – 1963
Giấy phép số: 1435/HĐKDTU/P1/XB
Ngày 01 tháng 7 năm 1963

MỤC LỤC

❖ PHẦN GIỚI THIỆU.....	13
Tặng quyển “TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA” của Ông TIẾP PHÁP	
TRƯƠNG VĂN TRÀNG	15
TÂM NIỆM	17
TÁN THƯỞNG Của Ông Hiến Pháp TRƯƠNG HỮU ĐỨC	19
LỜI PHI LỘ Của Ông Bảo Thế LÊ THIÊN PHƯỚC	21
LỜI GIỚI THIỆU Của NGUYỄN ĐĂNG THỰC Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa SAIGON.....	23
LỜI TỰA của SOẠN GIẢ	25
❖ PHẦN THỨ NHẤT	
VỖ TRỤ THIÊN ĐỊA	29
VỖ TRỤ THIÊN ĐỊA.....	31
CHƯƠNG THỨ NHẤT: ĐẰNG TẠO HÓA	33
Tham Cứu Kinh Điển Xưa	33
Tham Cứu Lễ Nghi Thờ Phụng	33
Tham Cứu Thực Tế.....	34
CHƯƠNG THỨ HAI: LUẬT NHƠN QUẢ, LUÂN HỒI	37
I. Nhơn Quả.....	37
II. Luân Hồi	38
Luân Hồi Của Nhục Thân	40
Luân Hồi Của Chơn Thân	40
Luân Hồi Của Chơn Linh.....	41
❖ PHẦN THỨ HAI	
VỖ TRỤ DỊCH LÝ	43
VỖ TRỤ DỊCH LÝ.....	45
Tiên Thiên Đại Đạo.....	45

Hậu Thiên Đại Đạo.....	47
THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN.....	53
❖ PHẦN THỨ BA	
PHƯƠNG CHÂM NHẬP THỂ.....	57
PHƯƠNG CHÂM NHẬP THỂ.....	59
CHƯƠNG THỨ NHẤT: ĐỨC TIN.....	61
Đức Tin Là Gì?.....	61
Chánh Tín.....	62
Mê Tín.....	63
CHƯƠNG THỨ HAI: BỐN THƯỢNG ĐỨC.....	65
Ngươn, Hanh, Lợi Và Trinh.....	65
Nhân, Nghĩa, Lễ Và Trí.....	65
Minh Minh Đức.....	66
CHƯƠNG THỨ BA: LẬP CÔNG.....	69
A. Vệ Sinh Trong Sự Ăn Uống.....	69
B. Vệ Sinh Trong Việc Làm Hàng Ngày.....	70
C. Thể Dục.....	72
D. Cấm Dâm Dục.....	74
Tránh Nghiệp Quả.....	74
Tội Phong Bại Tục.....	75
Tích Tinh Dưỡng Khí.....	75
E. Kiên Sát Hại Sanh Mạng.....	75
F. Kiên Tham Lam Trộm Cấp.....	76
G. Giao Thiệp Với Bằng Hữu.....	77
CHƯƠNG THỨ TƯ: LẬP NGÔN.....	79
A. Lời Nói Đối Với Luật Nhơn Quả.....	79
B. Lời Nói Trong Khi Xử Kỷ, Tiếp Vật.....	80
C. Cẩn Ngôn.....	84

D. Nói Hai Đầu	85
E. Thủ Tín	86
Tóm Luận	87
QUAN NIỆM SỰ TU THÂN	89
❖ PHẦN THỨ TƯ	
PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ	91
PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ	93
CHƯƠNG THỨ NHẤT: VẬT	95
Ngũ Uẩn	95
Danh Từ Của Sự Vật	98
CHƯƠNG THỨ HAI: THẦN TRÍ	101
Khai Trí	101
Dịch Hóa Tư Tưởng Lãng Mạn Và Bài Trừ Dục	
Tĩnh Thấp Hèn	102
Học Hành	104
Định Trí	106
Dưỡng Thần	110
A. Đường Triết Học	111
B. Đường Sùng Đạo	112
CHƯƠNG THỨ BA: TÂM Ý	117
I. Thành Ý	117
Ý Thức Là Thức Thứ Sáu	118
Mạt Na Thức Là Thức Thứ Bảy	119
A Lai Da Thức Là Thức Thứ Tám	121
II. Chánh Tâm	126
Trai Tâm Tiêu Cực	128
Trai Tâm Tích Cực	128
CHƯƠNG THỨ TƯ: TỈNH KHÍ	133

Bốn Tánh.....	135
Tồn Tánh Dưỡng Khí.....	137
Trai Giới.....	138
Công Học.....	139
Tâm Học.....	139
Hành Động.....	141
Vọng Động.....	141
Phép Dưỡng Sinh.....	143
Tóm Tắt.....	145
❖ PHẦN TỔNG KẾT.....	147
HỌC LÝ.....	149
Giáo Lý Để Học.....	150
Phương Pháp Thực Hành Đạo Đức Theo Ngũ Chi Đại Đạo.....	152
Đốc Hành.....	152
TAM ĐẠT ĐỨC.....	155
GIÁC THA.....	159
Công Truyền.....	159
Tâm Truyền.....	160



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

Thành giả Thiên chi Đạo
Thành chi giả Nhân chi Đạo
(TRUNG DUNG)

PHẦN GIỚI THIỆU

- Lời giới thiệu của Cao Thượng Sanh
- Tâm niệm của Soạn giả
- Lời tán thưởng của Hiến Pháp Trương Hữu Đức
- Lời phi lộ của Bảo Thế Lê Thiện Phước
- Lời giới thiệu của Nguyễn Đăng Thục Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn
- Lời tựa của Soạn giả

**TẶNG QUYẾN “TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA” CỦA ÔNG TIẾP PHÁP
TRƯƠNG VĂN TRÀNG**

*Trên Đường Tấn Hóa, bút Trương Quân,
Rừng Đạo thêm hoa thật đáng mừng.
Trau hạnh, giúp người vun thiện quả,
Tu tâm, dìu khách thoát mê tân.
Rọi đường chơn lý khêu đèn huệ,
Nâng bước quần sinh tỉnh mộng trần.
Tam giáo sư tâm rành luận thuyết,
Công phu quý trọng sánh ngàn cân.*

24/04/1963

CAO THƯỢNG SANH

Hiệp Thiên Đài

TÒA THÁNH TÂY NINH

TÂM NIỆM

Chúng tôi thành tâm đội ơn các Đấng Trọn Lành lưu truyền giáo lý và các vị Tiên bối dày công chú thích, phiên dịch giáo lý thành kinh điển, chúng tôi nhờ đó để nghiên cứu, học tập và tham bác với Thánh Ngôn của Đức THƯỢNG ĐẾ, biên thành quyển sách nhỏ.

Nam mô CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

Soạn giả kính dâng.

TÁN THƯỜNG CỦA ÔNG HIỂN PHÁP TRƯƠNG HỮU ĐỨC

Tôi rất hân hạnh được xem quyển «TRÊN ĐƯỜNG TÁNHÓA» do bạn Tiếp Pháp Trương Văn Tràng sáng tác.

Trong lúc Đạo CAO ĐÀI đang thiếu sách phổ thông, quyển sách này ra đời rất là cần ích cũng như bất luận sách nào, thuộc loại khảo sát về đạo lý, hà huống *tác giả là một Chức Sắc cao cấp trong Đạo thì giá trị của tác phẩm ấy xứng đáng là đường nào!*

Điều nên nhớ là “*Đặng chức cầu minh, đọc thơ cầu lý*”. Cái hay của quyển sách không phải chỉ xem qua rồi nhận xét được, mà cần phải suy nghiệm ý tứ và lời lẽ. Bất luận trong một quyển sách nào cũng vậy, cái yếu lý của nó chỉ quy vào một điểm mà thôi, chớ không phải ở toàn bộ cuốn sách, cho nên mới có câu “*Đọc thơ cầu lý*” là vậy.

Một lần nữa, tôi rất hân hạnh được giới thiệu tác phẩm này cùng bạn đọc.

Hiển Pháp H. T. Đ.

TRƯƠNG HỮU ĐỨC

LỜI PHI LỘ CỦA ÔNG BẢO THẾ LÊ THIỆN PHƯỚC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Tam Thập Bát Niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

LỜI PHI LỘ

CỦA ÔNG BẢO THẾ LÊ THIỆN PHƯỚC

Trần tục là cõi sâu than khổ lụy dành cho các Đấng vô hình vì bị tội lỗi, lạc lầm mà phải sa đọa đặng tìm phương giải thoát trầm luân qui hồi cứu phẩm. Trần tục cũng là trường thi công đức, dành cho khách phàm trả nợ tiền khiên, dứt đường oan trái đặng lập vị thiêng liêng khỏi luân hồi chuyển kiếp.

Khái niệm như trên thì bao nhiêu khổ trần, là bấy nhiêu bài học, mặc dầu mặn đắng chua cay, nhưng cứu cánh là cảnh tỉnh người trí, rút lấy kinh nghiệm, quay về đời sống thuận theo Thiên lý, bỏ đời sống dựa theo nhục dục. Thiên lý là Đạo, nhục dục là tội tình. Đạo thì mãi còn, tội tình thì sớm mất.

Vả lại, Đạo không xa người, duy người xa Đạo, nên sách rằng: “Đạo giả dã bất khả tu du ly dã. Khả ly phi Đạo dã”. Bởi đó:

- Người không Đạo thì xử sự không hợp lý, hợp tình.
- Nhà không Đạo thì luân thường đảo ngược.
- Nước không Đạo thì chơn trị không còn.

Vậy thì ngày nào con người còn mạnh tranh trên thị trường cơm áo đất đai; ngày nào thiên hạ còn nhị phân

lý tưởng, chưa hòa đồng trên một độc nhứt kế hoạch tồn sinh, thì khó trông mong tái lai ngày quang đặng.

Ánh Thái Dương rọi sáng khắp nơi, nẻo Đạo Đức dễ tìm khắp chốn, nhưng nơn tâm còn lằm say sưa trong phần hoa ảo mộng, thì phương tối hậu để vén màn hắc ám là nhờ năng lực tinh thần của Tôn giáo.

Từ thử nhiều Tôn giáo đã đem hết thiện chí trợ khốn cho đời, nay ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ cũng cùng theo một chí hướng.

Với mục phiêu ấy và thể theo những nhà khảo cổ tiền nhân Việt Nam trong thế kỷ XX, Trần Trọng Kim (Phật Giáo), Phan Bội Châu (Khổng Học Đấng), Đạo huynh Tiếp Pháp Trương Văn Tràng góp nhặt tài liệu tinh hoa của TAM GIÁO soạn thành quyển TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA giải rành phương châm nhập thế và xuất thế. Cả hai phương châm đều thích hợp với sở cầu của các giới trong đại chúng, từ bậc ưu thời, mẫn thế; bậc tu sĩ phế đời, đến bậc thường nơn, không giới nào đọc sách này mà không thỏa chí, vui lòng.

Quyển TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA sẽ góp thêm một bửu vật trong kho tàng của TÔN GIÁO.

TÒA THÁNH, ngày 3 tháng 3 năm Quý Mão

(27 - 3 - 1963 d.l.)

BẢO THẾ

LÊ THIÊN PHƯỚC

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NGUYỄN ĐĂNG THỰC KHOA TRƯỞNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA SAIGON

Văn hóa Đông Nam Á vốn có khuynh hướng truyền thống là tinh thần hợp hóa; cái tinh thần mà một bài cổ thi Chà-và Autasoma đã toát yếu vào khẩu hiệu điển hình “*Bhinueka Tunggal Ika*” Đồng nhất trong sai biệt! Cái tinh thần mà năm thế kỷ Lý Trần trong lịch sử oanh liệt của dân tộc Việt Nam đã lấy làm Quốc học Tam giáo.

Cái tinh thần mà học giả danh tiếng Lê Quý Đôn (1726-1784) đã nhắc lại: “*Thù đồ đồng qui, nhất trí bách lự*”. Đường khác cùng về, trăm nghĩ đến một.

Cái tinh thần mà gần đây đã biểu hiện ra nơi nhân dân miền Nam, thành một Tôn giáo hàng triệu Tín đồ, nhất đán bỏ mặn; ăn chay.

Cái tinh thần ấy là một thực kiện nhân văn linh động, thâm sâu không phải một chủ nghĩa phù phiếm vậy.

Mới đây tác giả “TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA” là cụ Tiếp Pháp Trương Văn Tràng trong Tây Ninh, có nhã ý đem cho tôi đọc tập khái luận về Triết lý Tam giáo của cụ.

Vốn mộ Đạo lý từ lâu, và từ lâu mong mỗi phụng sự truyền thống văn hóa dân tộc, tôi lấy làm hân hạnh được giới thiệu với độc giả cái Triết lý uyên thâm sâu rộng của Tam giáo:

*Nho vì nhân sinh,
Lão vì thiên nhiên vũ trụ,
Phật vì tâm linh siêu nhiên.*

Tuy ba mà là một, nên tảng chung của triết học truyền thống Á châu, triết học ấy không phải là những hệ thống danh lý khái niệm lạnh lùng mà là những đường lối thực hiện nguồn sống vô hạn tràn ngập khắp hết các trình độ hiện sinh, vật lý, sinh lý, tinh thần và siêu tinh thần, cho nên nó đòi người ta phải thông cảm với cả tâm tình và lý trí.

Để trình bày cái *Triết lý Tam giáo* ấy là cơ sở của *Đạo Cao Đài* thì không ai đủ tư cách hơn là một nhà *Tiếp Pháp* đã đem đời sống cống hiến cho *Đạo*, cố thực hiện *Giáo lý của Khổng Tử*.

“Triều văn đạo, tịch tử khả hỷ”.

Nay giới thiệu

Saigon, ngày 6 tháng 12 năm 1962

(Ký tên)

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

LỜI TỰA CỦA SOẠN GIẢ

Dường như người ta, ai cũng có sẵn trong lòng một cái tinh thần tấn hóa. Chúng ta thấy mỗi người, mặc dầu, ở địa vị nào; hoàn cảnh chi, cũng đều chăm chỉ thực hiện sự tấn hóa của mình, với cách này; hoặc phương khác. Đứa học sinh cắp sách đến trường học, ngày qua, tháng lại, cứ miệt mài với đèn sách, gian lao khó nhọc không màng, miễn hậu nhứt thành tài hữu dụng. Anh nhạc sĩ lắm khi quên ăn, quên ngủ, tập dượt những bài đờn, tìm tòi những ngón hay, để đưa nghệ thuật của mình đến một trình độ tuyệt hảo. *Ngoài những sự tấn hóa thường thức nói đây, còn có một sự tấn hóa theo đạo tự nhiên Trời Đất, cao quý hơn, thâm trầm hơn, linh động hơn.* Ở đây, chúng tôi muốn nói đường tấn hóa ấy.

Trong quyển “TRÊN ĐƯỜNG TẤN HÓA” này, chúng tôi muốn nói sự tấn hóa của một cá nhân theo đạo tự nhiên Trời Đất, nghĩa là kẻ học phải bắt chước Đạo Trời để sửa đạo người, lần hồi tiến bộ: từ chỗ dở đến chỗ hay; từ chỗ tối đến chỗ sáng, làm cho mình có một tinh thần chí Chơn, Thiện, Mỹ, vượt lên trên những tục lụy, trần ai và chung qui cầu sự giải thoát kiếp Luân hồi ra ngoài vòng sanh tử, đặng trở về cảnh an nhàn tự tại, Phật gọi là Niết Bàn, hay Cực Lạc Thế Giới.

Vậy phải học hỏi cách nào để biết Đạo Trời mà làm theo?

Muốn học Đạo Trời, một mặt chúng ta phải quan sát sự vật ngoài thế giới vạn hữu, tìm biết luật tự nhiên tiềm tàng trong muôn loài. Khoa học thực nghiệm chứng minh

rằng trong vũ trụ có điện khí, nguyên tử v.v... Chúng ta nương theo khoa học thực nghiệm để tìm học về phương diện này.

Một mặt khác, chúng ta quay về nội giới, tìm hiểu cái dịch lý của tâm lý và sanh lý; ý hội nội giới và ngoại giới để biết Đạo Trời và đạo người rồi tận lực tu tập thân tâm của mình cho đến chí Chơn, Thiện, Mỹ.

Cổ nhơn quan niệm rằng thân tâm người ta là bầu Vũ trụ nhỏ, hàm súc đủ tất cả mọi khí chất và lẽ nhiệm mầu của Trời Đất. Ấy vậy, nên hễ biết Thiên Đạo thì biết được thân tâm mình, hoặc biết được thân tâm mình thì biết được Đạo Trời Đất.

Thầy Tử Tư nói rằng: «*Đạo chi bốn nguyên xuất ư Thiên, nhi bất khả dịch, kỳ thiết thể bi ư kỳ nhi bất khả ly*». Nghĩa là: “*Đạo gốc ở nơi Trời mà ra, người ta chẳng khá sửa đổi; còn cái thể của Đạo có đủ trong mình, người ta chẳng khá lìa xa*”.

Mạnh Tử nói: “*Tận kỳ Tâm giả, tri kỳ Tánh giả. Tri kỳ Tánh tất tri Thiên hỷ*”. Nghĩa là biết hết Tâm thì biết được Tánh; biết được Tánh thì biết được Trời.

Ông Socrate một vị Hiền Triết ở xứ Hy Lạp nói rằng: “*Connais toi toi même, tu connaitras l’Univers*”. Nghĩa là: «*Ông hãy tự biết mình trước đi, rồi sau ông sẽ biết được Vũ Trụ*».

Tự biết mình đây Phật giáo gọi là tự giác. Thế mà tự giác là sao?

Tự giác đây chẳng phải biết hình hài tốt xấu, cao thấp mập ốm, mà thật phải biết tột hư, nét xấu, đức tốt hạnh lành rồi cố gắng diệt trừ bên này; hàm dưỡng bên

kia, lần hồi tạo lập cho mình một tinh thần đạo đức cao siêu, linh động đúng theo cái hòa điệu của Trời Đất, vượt ra ngoài những tục lụy, trần ai và chung qui cầu sự giải thoát kiếp luân hồi ra ngoài vòng sanh tử. Công phu tu tập lấy Niết Bàn làm chuẩn đích.

Niết Bàn ra sao?

Chữ Niết Bàn có nhiều ý nghĩa khác nhau như: Hữu dư Niết Bàn, Vô dư Niết Bàn v.v... Ở đây, chữ Niết Bàn có nghĩa là diệt độ, tức một trạng thái tâm linh, quét sạch cả vô minh, nghiệp chướng, lâng lâng trong sạch, quyền năng của nó có thể cảm thông với Đức Chí Linh: Toàn tri năng, tận thiện mỹ, tức Đại Từ Phụ sanh dục muôn loài vạn vật. Người tu hành đạt tới trình độ này, thì sống theo đạo tự nhiên. Họ coi muôn loài là anh em một nhà. Họ coi vô trụ là đại gia đình của vạn vật. Họ là một phần tử của vô trụ: đời sống của họ luôn luôn khích lệ trên nền tảng: *“Giữ Thiên Địa đồng sanh, giữ vạn vật đồng thể”*. Học Đạo Trời để làm qui củ thể hiện đạo người, tức thực hành câu sách Trung Dung: *“Thành giả Thiên chi Đạo; Thành chi giả nhơn chi Đạo”*.

Để tiện bề giảng giải pháp môn tự giác, tự tu, chúng tôi tạm chia quyển sách này ra năm phần:

- I. VÕ TRỤ THIÊN ĐỊA
- II. VÕ TRỤ DỊCH LÝ
- III. PHƯƠNG CHÂM NHẬP THỂ
- IV. PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ
- V. KẾT LUẬN.

Năm phần này, đại cương nghị luận pháp môn tu tập. Còn giảng giải chi tiết, chúng tôi thể theo giáo lý của

Tam Giáo và Thánh Ngôn của Đức Thượng Đế mà thuật lại, chớ sự thật chúng tôi không bịa đặt điều gì cả.

Có điều chúng tôi xin thưa trước là: *Đạo pháp rộng mênh mông như biển. Người học Đạo pháp ví như chim uống nước biển.* Thử hỏi: Từ xưa có chim nào uống cạn nước biển chẳng? Ất không. Thì người học Đạo pháp cũng vậy. Trừ ra các vị Giáo chủ siêu phàm thì không nói, còn hạng thường như chúng ta chẳng qua tìm học một vài pháp môn sơ đẳng, cầu sự giải thoát tâm linh mà thôi. Chơn truyền của Đức Thầy chúng tôi dạy rất chu đáo, nhưng sự thực hiện đạo đức, chúng tôi còn khuyết điểm là tại sự giác hành của chúng tôi chưa viên mãn, nhưng, nghĩ vì bốn phận kẻ hành đạo chẳng phải tự độ mà còn phải độ tha nữa. Quyển sách nhỏ này ra đời chỉ vì soạn giả muốn góp chút công vào cơ phổ độ. Mặc dầu sự khuyết điểm không ít, mong rằng nó sẽ giúp bạn đồng môn một phần nhỏ mọn nào.

SOẠN GIẢ CẦN CHỈ

PHẦN THỨ NHẤT

VÕ TRỤ THIÊN ĐỊA

- **VÕ TRỤ THIÊN ĐỊA**
- **ĐẮNG TẠO HÓA**
- **LUẬT NHƠN QUẢ, LUÂN HỒI**
 - Nhơn Quả
 - Luân Hồi
 - Luân Hồi của Nhục thân
 - Luân Hồi của Chơn thân
 - Luân Hồi của Chơn linh.

VÕ TRỤ THIÊN ĐỊA

Đây chúng tôi muốn nói về Võ Trụ đạo đức tâm linh, nghĩa là chúng tôi muốn tìm hiểu đạo tự nhiên tạo lập Càn Khôn, hóa sanh vạn vật; lưu hành trong không gian, thời gian và có liên đới quan hệ với đời sống của người, để rồi theo đó chỉnh đốn lẽ sống của mình, hầu tránh khỏi hệ lụy trần ai; không vướng mắc trong luật Nhơn quả; chung quy, cầu sự giải thoát kiếp Luân hồi.

Thế đạo tự nhiên ra sao?

Chúng tôi đã giảng diễn trong quyển Đại Đạo Giáo Lý rồi, đây không nhắc lại, mà chỉ nghị luận thêm hai chương như sau, để giúp cho sự học hành được sáng tỏ thêm hơn.

- I. ĐẮNG TẠO HÓA
- II. LUẬT NHƠN QUẢ, LUÂN HỒI.

CHƯƠNG THỨ NHẤT ĐẲNG TẠO HÓA

Theo lẽ thường, hễ trông thấy một tòa nhà nguy nga, đồ sộ, chúng ta liền tưởng đến vị kiến trúc sư, phác họa và tạo tác ra nó. Trông thấy một đứa bé ngộ nghĩnh, chúng ta nghĩ ngay đến cha mẹ nó. Cũng như trông thấy võ trụ bao la, trên có trời che, dưới có đất chở, sơn xuyên thủy tú, thảo mộc muôn màu, lại ngẫm đến vạn vật, thiên hình vạn trạng, và mỗi mỗi đều an bày một cách tuyệt diệu thì chúng ta nghĩ ngay đến Đấng Sáng Tạo thể giải vạn hữu. Vậy thử hỏi Đấng ấy là ai?

Chúng tôi xin đáp ngay: Đó là Đấng Tạo Hóa. Mời quý ngài cùng chúng tôi tham khảo như sau:

THAM CỨU KINH ĐIỂN XƯA

Bà La Môn giáo có giảng cái thuyết: “*Tam vị nhất thể*”. (Brahma, Vishnou, Shiva). Đạo giáo có nói lẽ ứng hóa Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh). Thế thì đủ rõ một vị là Đấng Thượng Đế ứng hóa Tam Thế.

THAM CỨU LỄ NGHI THỜ PHƯỢNG

Tôn giáo nào cũng sùng bái một Đấng cao cả hơn hết trong Càn Khôn Võ Trụ, tức Đấng Tạo Hóa, nhưng mỗi Giáo, tùy cách lập ngôn mà xưng tụng một danh từ riêng biệt như: *Phật giáo Đại Thừa thờ A Di Đà Phật*, tức Đức Phật sanh trước muôn vàn Đức Phật khác. *Đạo giáo thờ Đức Thái Thượng*, tức vị Tiên tối cao. *Nho giáo thờ Đức*

Thượng Đế, tức vì vua Thượng giới, nay *Khai Đại Đạo*, Đức Ngài tá danh **CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT**. Danh từ tuy khác, song tựu trung chỉ có một Đấng Chí Linh.

THAM CỨU THỰC TẾ

Người thế nhơn, chưa mấy ai nghe lời của Trời nói; chưa mấy ai trông thấy Thiên thể của Trời, song, mỗi khi lâm nạn ai ai cũng kêu Trời cầu cứu. Vậy đủ biết lòng tín ngưỡng Đức Chí Tôn chẳng phải mới phát minh ngày nay, mà thật đã có từ ngàn xưa, nhơn loại vẫn còn truyền thống cho nhau.

Rất may cho nhơn loại, ngày nay Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Tiên gia, khai mở mối Đạo Trời. Nhờ đó, chúng ta xác nhận sự hiện hữu của Thái Cực Thánh Hoàng⁽¹⁾ được rõ ràng hơn. Xem như hai vị Đồng tử phò Ngọc cơ ở giữa đàn tế lễ trong giây lát Ngọc cơ chuyển động, viết ra chữ. Thử hỏi tại sao Ngọc cơ viết ra chữ: Ấy là khi tế lễ, người hầu đàn thành tâm cầu nguyện cảm ứng Đức Chí Tôn, rồi Đức Ngài dùng Thần lực, giáng điển linh, huy động Ngọc cơ viết ra chữ.

(1). Đức Thượng Đế ngự trên ngôi Thái Cực nên gọi là Thái Cực Thánh Hoàng. Hơn nữa, bài Ngọc Hoàng Kinh có câu: “*Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng*”.

Để minh xác rõ ràng thêm nữa, chúng tôi theo sách Ấn Độ, chép chuyện người con hỏi cha về chân lý như sau:

Người con nói: – *Thưa cha, xin cha giảng chân lý cho con nghe.*

– *Được, con lấy một nắm muối bỏ vào chậu nước, đến*

sớm mai ngày sau, con trở lại xem.

Người con cứ theo lời dạy mà làm. Và hôm sau người cha bảo nó:

– *Muối mà con bỏ vào nước hôm qua, con mang lại đây cha coi.*

Bây giờ người con vớt mãi mà chẳng thấy muối, vì muối đã tan rã và hòa với nước rồi.

– *Con hãy ném nước trong chậu, trên mặt xem thế nào?*

– *Thưa cha Ặn.*

– *Hãy ném nước ở giữa chậu.*

– *Thưa cha Ặn.*

– *Ném cho thật kỹ rồi lại đây cha bảo.*

Người con ném đi ném lại và nói:

– *Thưa cha, vẫn thế.*

Người cha bây giờ, trịnh trọng nói:

– *Thế đó con ạ! Con không phân biệt cái thực thể tinh vi tạo dựng vô trụ, sanh hóa vạn vật, vì nó đã hòa hợp với thể giải vạn hữu, cũng như muối tan rã và hòa hợp với nước kia vậy.*

Chuyện này đại ý cũng như câu Thánh ngôn Đức Chí Tôn nói rằng: “*Các con đủ hiểu rằng mỗi vật hữu sanh nơi thế gian nầy đều do chơn linh Thấy mà ra. Có sống Ắt có Thấy. “Thấy là Cha sự sống, vì thế mà lòng háo sanh của Thấy vô cùng tận”.*

Hoặc, cũng như kinh Upanishads nói rằng: “*Tất cả cái gì hiện hữu ở thế gian đều có Thượng Đế bao bọc. Cái thực thể ấy là nguồn sống tràn ngập Trời Đất. Từ các vì tinh*

tú vận chuyển bình hành trong vòng trật tự, cho đến các loài cầm thú, thảo mộc, đều nương nhờ nguồn sống vô biên đó”.

Có điều khó cho người thế nhân, là vì Đức Chí Tôn ngự trên ngôi Thái Cực tuyệt đối, im lìm lặng lẽ. Người ta không dùng trí phàm ngấm nghĩ được; không dùng ngôn ngữ nói rõ được, thành thử, nhiều người bán tín; bán nghi. Trái lại, người có đức tin thì mặc khải, cảm thông với Đức Chí Tôn một cách tinh tường. Các nhà chơn tu nhờ lòng tín ngưỡng ấy mà đạt được chơn lý hoàn toàn.

CHƯƠNG THỨ HAI **LUẬT NHƠN QUẢ, LUÂN HỒI**

Kể từ thuở Âm Dương tương hiệp, tạo thành Càn Khôn; hóa sanh vạn vật thì không gian vô tận, vô biên, không hình không sắc, tức Đạo, giữ vững cơ định quả; còn thời gian chịu luật định hình. Nghĩa là thời gian chiếu theo luật định của không gian rồi vận chuyển; chuyển vận định hình muôn vật. Vậy, sự sanh thành muôn loài không phải ngẫu nhiên, mà thật có Nhơn trước rồi sau mới có Quả.

Sau đây chúng tôi lược khảo Luật Nhơn Quả và Luân Hồi.

I. NHƠN QUẢ

Nhơn chỉ về hạt giống; Quả chỉ về trái mới sanh. Nhơn quả nghĩa đen là trồng cây nào thì hái trái ấy. Về Đạo pháp nhơn quả có nghĩa bóng là làm lành thì có phước trả lại; làm dữ thì họa đến chẳng sai. Luật báo ứng định: Hễ có Nhơn thì có Quả, cũng như trồng cây thì hái trái, như đã kể trên. Kinh Phật thường lấy sự trồng dưa, để cắt nghĩa luật báo ứng. Chúng tôi xin phân tách như sau, để rồi nương theo mà nhận thức Luật Nhơn Quả đối với kiếp người.

Hạt dưa gieo xuống đất là **Nhơn**.

Đất, nước, gió và hơi nóng mặt trời là **Duyên**.

Trái dưa mới sanh là **Quả**.

Nhơn, Duyên, Quả là ba yếu tố cấu sanh muôn loài vạn vật. Đối với kiếp người thì:

- Tư tưởng, lời nói, việc làm, sau khi động tác rồi,

còn lưu lại trong không gian một dấu vết ấy là **Nhơn**.

- Tinh thần của Võ Trụ là **Duyên**.
- Phước họa trả lại là **Quả**.

Theo lẽ này mà suy ra, chúng ta hiểu rằng: những điều phước họa bây giờ là kết quả của sự hành động trước, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc trong kiếp quá khứ. Còn những hành động bây giờ sẽ là Nhơn ngày sau, hoặc mau thì trong kiếp này; hoặc lâu thì trong kiếp vị lai. Kinh Phật thường ám chỉ sự báo ứng liên tục trong ba đời, cho nên nói rằng: kiếp hiện tại vừa trả quả cho kiếp quá khứ; vừa tạo nhơn cho kiếp vị lai, rồi Nhơn kia, Quả nọ; Quả nọ, Nhơn kia liên kết thành một đoàn dây duyên nghiệp, ràng buộc chúng sanh trong bánh xe luân hồi, hằng xoay mãi không lúc nào ngừng.

Đã hiểu như thế, nay muốn giải thoát Kiếp Luân Hồi thì tất nhiên phải tránh Luật Nhơn Quả, nghĩa là chẳng tạo ác nghiệp thì ắt chẳng có ác quả. Mà hễ không nghiệp quả tiện thị chẳng có kiếp luân hồi.

II. LUÂN HỒI

Người Phật tử ý thức rằng: một kiếp sống của người ta có hai giai đoạn: Sanh và Tử. Sanh là mối bắt đầu của tử. Tử là chỗ khởi thi của sanh, cũng như mùa xuân ngấm ngấm nẩy nở trong mùa đông. Kiếp sống ấy chẳng phải đến với người ta một đôi lần, mà nó đã trải qua nhiều lắm rồi và nó còn sẽ còn đến nữa mãi mãi và mãi mãi nếu người ta không giác ngộ.

Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy rằng:

THÁNH NGÔN: “Các con sanh trưởng nơi thế này, khi tử hậu các con đi đâu. Chẳng có một đứa nào hiểu cơ mẫu nhiệm ấy.

Thầy nói cả kiếp luân hồi của chúng sinh, Thầy đổi từ vật chất ra thảo mộc, từ thảo mộc ra côn trùng, từ côn trùng ra thú cầm. Loài người phải chuyển kiếp ngàn ngàn muôn muôn lần mới đến địa vị Nhơn phẩm.

Nhơn phẩm chia ra nhiều hạng: Bạc Đế Vương nơi địa cầu này chưa bằng bậc chót của Nhơn phẩm địa cầu 67. Nhơn phẩm chia ra nhiều cấp, số địa cầu càng cao, nhơn phẩm càng quý trọng; mãi đến đệ Nhứt cầu, Tam thiên Thế giới, Tứ đại Bộ châu, rồi mới vào Tam thập lục Thiên, qua Tam thập lục Thiên, còn phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới vào Bạch Ngọc Kinh, Phật gọi là Niết Bàn.

Một kẻ kia, tuy chưa có chơn trong Tôn giáo, song đã làm tròn Nhơn đạo, tức làm xong bốn phận Người, thì buổi chung quy, cứ theo nấc trên mà tiến lên. Trên đường về Thầy, các con thử nghĩ ngày nào mới đến? Vì vậy, Thầy ban cho nhơn loại một quyển hành rất rộng. Nếu các con sớm tỉnh ngộ, một đời tu cũng có thể trở về cùng Thầy. Nhưng tiếc thay, Thầy chưa từng thấy kẻ ấy”.

Sau đây, chúng tôi thể theo Thánh ngôn của các Đấng Trọn Lành giảng cơ dạy, lược giải Luật Luân Hồi đối với ba xác thân người ta là:

- Nhục thân
- Chơn thân
- Chơn linh.

LUÂN HỒI CỦA NHỤC THÂN

Cả cơ chuyển sanh, biến kiếp, đều do khí Âm Dương, Ngũ hành, diệp hợp mà nên thể chất và trưởng thành. Nghĩa là từ buổi thành hình trong thai bào, đến khi ra đời và nên vai, nên vóc, lúc nào cũng nhờ Âm Dương, Ngũ hành sanh hóa, trưởng dưỡng. Mãi đến khi thể xác mãn kỳ sanh thọ, thì thể xác tiêu tan. Lúc bấy giờ, các yếu tố lại hườn nguyên về bản chất tự nhiên của nó, để rồi chuyển hóa hình hài khác nữa.

Vậy, nhơn thân vốn tạm khí chất của năm hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ cấu thành. Cho nên người phải vay nợ của các giống ấy, gọi là nợ tiền khiên. Đó là Luật Nhơn Quả đã định cơ vay trả, trả vay, dầu ai muốn chối cũng không chối được. Mà Nhơn quả là nguyên nhân sanh kiếp Luân hồi. Tôn giáo thành lập ở thế gian, mục đích giúp phương tiện cho người thanh toán mỗi nợ tiền khiên đó.

LUÂN HỒI CỦA CHƠN THẦN

Chơn thần cũng gọi là Thần quang, cái thể bán hữu hình ấy có một sức mạnh thiêng liêng và có bốn phận điều dẫn nhục thân hành động theo Thiên lý.

Trong lúc sanh tiền, nếu Chơn thần kiềm chế được nhục thân hành động trọn vẹn theo Đạo thì Chơn thần sẽ được hiệp một với Chơn linh, tạo nên một thể khí vô vi, chẳng những khi tử hậu được siêu thoát ra ngoài vòng Càn Khôn tương đối, mà buổi sanh tiền cái thể khí ấy cũng có thể xuất ngoại vân du khắp cõi Ta bà nữa. Người tu đến đây gọi là đắc đạo. “*Thần ngoại hữu thân*”. Trái lại,

nếu trong lúc sanh tiền, Chơn thần không kiềm chế được nhục thân, để nó buông lung theo phàm trần; phóng túng theo vật chất, gây ra tội tình, ác nghiệp thì chung quy, khi nhục thân tan rã dưới mồ rôi, Chơn thần phải chuyển kiếp khác, để tạo dựng một nhục thân khác thô kệch thấp hèn hơn, đó gọi là *thối hóa*.

LUÂN HỒI CỦA CHƠN LINH

Chơn linh người ta là điểm sáng của Trời phú cho. Nó hằng nương theo Chơn thần đặng dự trường thi công quả tại thế gian. Chơn thần có phận sự chế ngự nhục thân. Chơn linh lại phải gìn giữ Chơn thần.

Trong kiếp hiện tại, nếu Chơn thần không chế ngự được nhục thân; Chơn linh không gìn giữ được Chơn thần chăm theo Luật pháp Chơn truyền thì sau khi nhục thân tiêu diệt, Chơn thần phải chuyển kiếp. Còn Chơn linh thì phải chờ mãi đến khi nào Chơn thần tạo được một nhơn hình khác; đầy đủ thiện quả thì Chơn linh mới đến cùng Chơn thần hiệp nhứt, tạo nên thể khí Vô vi như đã nói trên, tiếng thông thường gọi là đắc vị thiêng liêng.

Theo luật tự nhiên, người tu hành phải tạo kỳ được thể khí vô vi này, thanh khiết, diệu huyền, thì mới có thể siêu thoát ra ngoài vòng Càn Khôn tương đối và trở về với Thái Cực tuyệt đối, ấy là Luật Luân Hồi của Chơn linh.

Tóm lại, cõi thế gian là một trường học lớn và là một trường thi công quả của cả chúng sanh. Đắc thì về cõi thiêng liêng hằng sống; thất thì ở lại trần gian. Đắc thì giải thoát kiếp sanh tử; thất thì còn lăn lộn, chen lấn cùng các vật thể hữu vi trong cõi trần hoàn tương đối, để định cơ chuyển luân, tấn hóa; mà then chốt là Luật Nhơn Quả và Luân Hồi. Chữ

Nhơn quả và Luân hồi, thường đáp đối lẫn nhau mà cắt nghĩa cuộc sanh tử của chúng sanh. Bởi vì có Nhơn quả mới có Luân hồi. Hoặc có Luân hồi mới có Nhơn quả. Ấy vậy, nên hễ ngày nào, chúng sanh chẳng tạo Nhơn quả thì ắt chẳng có Luân hồi, mà hễ chẳng có Luân hồi thì cũng không gây ra Nhơn quả. Không Nhơn quả, không Luân hồi tiện thị là giải thoát kiếp sanh tử.

PHẦN THỨ HAI

VÕ TRỤ DỊCH LÝ

- **VÕ TRỤ DỊCH LÝ**
 - Tiên Thiên Đại Đạo
 - Hậu Thiên Đại Đạo
- **THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN**

VÔ TRỤ DỊCH LÝ

Khoa học và Đạo học, đều công nhận vạn vật dưới gầm trời thay đổi; đổi thay không ngừng. Cổ nhơn cho sự biến đổi ấy là do dịch lý của Vô Trụ, (tức Đạo) mà ra.

Chúng tôi thể theo giáo lý của Đạo giáo và Nho giáo tham bác với Thánh ngôn của Đức Chí Tôn để giảng diễn cơ tạo lập Trời Đất, hóa sanh muôn loài, do Đạo trải qua hai thời kỳ biến chuyển kể như sau:

- Tiên Thiên Đại Đạo
- Hậu Thiên Đại Đạo.

TIÊN THIÊN ĐẠI ĐẠO

Tiên Thiên Đại Đạo, là Đạo có trước Trời. Chỗ này Đạo Đức Kinh chương I có nói rằng: “*Vô danh Thiên Địa chi thủ*”. Cái vô danh có trước Trời Đất. Trong Đạo Đức Kinh, chương 42, Đức Lão Tử nói rằng: “*Đạo sanh nhứt; nhứt sanh nhị*”. Nghĩa là Đạo sanh Thái Cực; Thái Cực sanh hai khí Âm Dương, chỗ này Nho Giáo nói rằng: “*Vô Cực nhi Thái Cực*”. Thái Cực sanh Âm Dương nhị khí. Còn Đức Chí Tôn giảng cơ dạy rằng:

“Khi chưa có Trời Đất thì khí Hư vô sanh có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi; Lương Nghi sanh Tứ Tượng; Tứ Tượng biến ra Bát Quái; Bát Quái biến hóa vô cùng mà lập Càn Khôn Thế Giới”.

Vậy cái Vô danh, Vô cực, hay khí Hư vô, tuy có khác danh từ nhưng tựu trung vốn một, mà Đức Lão Tử tạm

gọi là Đạo. Còn Âm Dương do Thái Cực sanh ra là hai yếu tố tạo lập Càn Khôn Thế Giới.

Nay như hỏi cái Vô danh mà Đức Lão Tử tạm gọi là Đạo kia ra sao? Ngài nói rằng: *“Có vật tự nó sanh nó. Vật ấy có trước Trời Đất yên lặng trống không; đứng riêng một mình mà chẳng hề nghiêng chích; lưu hành khắp nơi mà chẳng hề mỏi mòn. Vật ấy khá gọi là nguồn sanh hóa thiên hạ. Ta chẳng biết tên, song mượn chữ gọi là Đạo”*. *“Hữu vật hỗn thành. Tiên Thiên Địa sanh, tịch hể, liêu hể, độc lập nhi bất cải, châu hành nhi bất đãi; khả di vi thiên hạ mẫu, ngô bất tri kỳ danh; tự chi vi Đạo”* (Đạo Đức Kinh, chương 25). Rồi Ngài nói tiếp rằng: *“Ta suy diễn thì thấy Đạo lúc nào cũng có một thể, không biết đầu là đầu đuôi; đầu là manh mối; thể mà nơi nào cũng có Đạo. Ta trông lên phía trên thì không thấy phản chiếu ánh sáng; xem xuống phía dưới thì không thấy ẩn khuất bóng tối, lảng lảng trong sạch, hỗn nhiên, giản dị, mà chính Đạo là bản thể của Vô trụ”*.

Muốn được rõ thêm, chúng ta nên xem lại lời của Chu Liêm Khê là một danh Nho đời Tống bên Tàu kể như sau:

“Vô cực nhi Thái cực”. Tại sao lại nói Vô cực mà Thái cực: Bởi vì Vô cực là cái thể *“Tĩnh”*; Thái cực là cái thể *“Động”*. Cái Động ở trong cái Tĩnh mà ra; cho nên nói rằng: Vô cực mà Thái cực. Đứng về mặt tham cứu, người ta không thể ngấm nghĩ luận bàn về được cái thể của Vô cực, thành thử người ta căn cứ vào Thái cực là cái động thể để nghiên cứu sự dịch lý.

Nên hiểu rằng: đối với Vô cực thì Thái cực là động thể, cho nên Thái cực hàm súc hai trạng thái là Tĩnh và Động. Tĩnh thì Thái cực sanh khí Âm. Tĩnh hết sức rồi lại Động, mà hể Động thì Thái cực sanh khí Dương. Âm

Dương là hai yếu tố biến hóa vô cùng, kể đại lược như sau:

Nguyên Âm Dương có tánh tương khắc mà lại tương hòa. Bởi tương khắc, cho nên Âm Dương gặp nhau thì xô xát, mà xô xát cùng cực rồi lại điều hòa. Chính sự hỗn độn điều hòa của hai khí Âm Dương là cơ định vị Trời Đất.

Theo sách Nho, trong lúc Âm Dương hỗn độn điều hòa thì khí nhẹ bay lên thành Trời; khí nặng chìm xuống thành Đất, và sau khi phân ngôi vị Trời Đất rồi, trong khoảng không gian ở giữa Trời Đất, khí Âm Dương lại hỗn độn điều hòa nữa mà hóa sanh muôn loài.

Nói rút lại, thời kỳ Tiên Thiên Đại Đạo biến hóa nói trên đây là thể hiện “*Hà đồ Bát Quái Tiên Thiên*” của vua Phục Hi phát minh từ Thượng cổ thời đại. Hà đồ vẽ HAI NGHỊ Âm Dương và cú MỘT biến ra HAI; HAI biến ra BỐN; BỐN biến ra TÁM; TÁM biến ra MUỖI SÁU, và CÚ THỂ MÀ BIẾN HÓA VÔ CÙNG. Lê nầy cũng giống như Đức Chí Tôn nói rằng: “*Thấy phân Thái Cực ra Lương Nghi; Lương Nghi sanh Tứ Tượng; Tứ Tượng biến ra Bát Quái. Bát Quái biến hóa vô cùng mà lập Càn Khôn Thế Giới*” như đã nói trên.

HẬU THIÊN ĐẠI ĐẠO

Nhắc lại, khi Trời Đất phân ngôi cao, thấp rồi, trong khoảng không gian ở giữa Trời Đất, khí Âm Dương hỗn độn điều hòa nữa mà hóa sanh vạn vật, chỗ nầy Đức Chí Tôn dạy rằng:

THÁNH NGÔN: “*Khi tạo lập Càn Khôn Thế Giới rồi, Thấy phân tánh Thấy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là chúng sanh. Vậy, các*

con đủ hiểu rằng, mỗi vật hữu sanh nơi thế gian này đều do Chơn linh Thấy mà ra. Có sống ắt có Thấy, Thấy là Cha sự sống. Vì vậy, nên lòng háo sanh của Thấy vô cùng tận”.

Câu Thánh ngôn trên đây đại ý nói rằng: “*Khi tạo lập Trời Đất rồi; Đức Ngài phân tánh mà sanh vạn vật. Tánh ấy, khi tách khỏi Đức Chí Tôn rồi, theo Đạo tự nhiên lưu hành khắp Vô trụ, và hễ đến đâu, thì nó tòng luật “hấp dẫn” thu hút những khí chất đồng loại với nó để rồi cấu thành vật thể của nó. Ấy vậy, nên Nhơn thân hàm xúc đủ khí chất và lễ nhiệm mẫu của Vô trụ.* Bởi vì người ta là một vật trong số muôn loài, cho nên người ta ai cũng phải ở trong công lệ hóa sanh của Đạo. Chỗ này Đạo Đức Kinh chương I nói rằng:

“*Hữu danh vạn vật chi mẫu*”. Chữ hữu danh đây chỉ về Tượng Trời Đất (Le ciel et la terre) là nguồn sanh hóa vạn vật.

Cũng đồng với lẽ này, chúng ta thấy Kinh Dịch chép rằng:

“*Thiên Địa như luân vạn vật hóa thuận, nam nữ cấu tinh vạn vật hóa sanh*”. Nghĩa là Trời Đất ngui ngút, vạn vật theo đó mà hóa thuận. Muôn loài, đến lượt nó, khi trưởng thành rồi, giống đực, giống cái, giao cấu mà sản xuất thêm ra mãi.

Đây là thể hiện Hậu Thiên Bát Quái của vua Võ đời nhà Hạ. Tiên Thiên Bát Quái của vua Phục Hi thì vẽ Âm Dương, Hậu Thiên Bát Quái của vua Võ thì thể theo Cửu trù mà định số Ngũ hành. Hai Bát Quái làm biểu lý nhau mà thành Dịch lý.

Tóm lại, Đạo có Thái cực sanh Âm Dương, Ngũ

Hành. Chung Ngũ Hành, Âm Dương trở về với Thái Cực. Dịch lý gồm hai trạng thái:

Một trạng thái bàng bạc trên cõi hư không; còn một trạng thái nữa thì trường lưu trong vạn vật. Một đàng thì phân tán, một đàng thì thu liễm, thành một đống; một mở máy huyền vi⁽¹⁾ là nơi xuất sanh; nhập tử của muôn loài vạn vật. Cái máy huyền vi nầy, nếu đứng ngoài xem, thì chúng ta thấy nó dường như mâu thuẫn; nhưng nếu thâm nhập vào trong để quan sát, thì chúng ta thấy nó điều hòa tuyệt đối. Tại sao? Bởi vì Âm Dương có tánh tương khắc mà lại tương hòa. Bởi tương khắc, cho nên hễ gặp nhau, thì xô xát, nhưng sự xung khắc đây chẳng phải để xâm hại lẫn nhau, mà thật để điều chỉnh cho đôi bên đều nhau. Có điều mới có hòa. Âm Dương có điều hòa mới có hóa sanh vạn vật. Như lẽ ấy, nên trong người chúng ta có hai khuynh hướng là: Thiên lý và Nhơn dục, dường như trái ngược nhau, nhưng tựu trung, đó là hai trạng thái của một bản thể mà thôi.

(1). **Máy huyền vi** tức Đạo biến hóa. Nguyên vạn vật do Đạo mà sanh ra thế gian, nên gọi là xuất sanh; vạn vật tử ở thế gian thì trở về với Đạo, nên gọi là nhập tử. Trong Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu có viết: “*Máy huyền vi mở đống không lường*”.

Dịch lý Võ Trụ vạn hành như đã nói trên và không lúc nào nghỉ. Một hôm Đức Khổng Phu Tử đứng trên bờ sông, ngắm nước chảy mà than rằng: “*Thệ giả tư phù, bất xá trú dạ*”. Nghĩa là: Ngày đêm cuộn cuộn chảy đi thế này ư! Đại ý câu nầy ám chỉ Đạo Trời Đất cứ tuần hườn, hễ mãn chu nầy thì bắt đầu chu khác. Vạn vật cứ theo đó mà diễn tiến không ngừng, nghĩa là muôn loài theo Đạo

mà sanh thành, trưởng dưỡng, già chết rồi cũng theo Đạo mà tái sanh lại nữa và cứ như thế mãi mãi.

Lẽ sanh tồn của vạn vật theo Đạo Trời Đất thay đổi; đổi thay như vậy, cho nên hôm nay chúng ta thấy nó thế này thì ngày mai nó lại biến ra thế khác, cũng như nước chảy dưới dòng sông. Chúng ta mới vừa thấy cái hiện tại, thì phút chốc nó đã biến thành cái quá khứ.

Nói tỉ: Nước chịu hơi nóng Thái dương. Nước thoát lên không gian thành mây. Mây tan rã rớt xuống trần gian thành nước. Còn những vật hóa sanh như: lá cây biến thành sâu, củ cỏ biến thành đế, chuột biến thành dơi, lươn biến thành chồn vân vân... Biết đâu những vật này còn biến hóa thế nào nữa, nhưng chúng ta chẳng hề biết được.

Chúng tôi thử tạm dùng hạt lúa là vật hữu hình chất, trông thấy được để minh xác dịch lý vạn vật như sau:

Thoạt kỳ thủy, Âm Dương vận hành một đờn tử phát xuất, lưu hành trong hoàn vũ và nương theo luật “*Đông khí tương cầu*” thu hút khí chất của Vô trụ, cấu thành hình chất hạt lúa thế nào, chúng ta không mục kích được; nhưng khi hạt lúa có đủ hình thể rồi, nó cũng vẫn còn thay đổi nữa.

Đại để như: hạt lúa được gieo xuống đất thì nó nương theo Tứ Đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) mà biến thành cây mạ. Cây mạ khi được cấy xuống ruộng thì cây mạ biến thành cây lúa. Cây lúa, đến lượt nó, đơm bông trở hạt lúa khác. Hạt lúa mới này, nếu được gieo nữa thì nó cũng biến hóa như trước. Có điều lạ là: khi hình thể này biến thành hình thể khác, thì cái nguyên thể của nó không còn nữa. Như hoa thành trái thì hoa tàn, trái lên

cây thì trái hư hại. Đó là tại vật nảy ăn sâu vào vật nọ; cho nên hễ nó sanh ở đây thì tử ở kia.

Nói tóm lại, *sự vật ở thế gian, tuy chúng ta trông thấy hình tướng thật; song nó chẳng có tánh thường trụ, mà vốn do Nhơn duyên cấu sanh. Hễ Nhơn duyên hiệp thì sanh, mà hễ Nhơn duyên tan thì tử.*

Ví dụ: Hạt lúa là Nhơn. Tứ đại là Duyên. Nhơn và Duyên hiệp nhau thì sanh ra cây mạ, cây lúa, và hạt lúa khác như đã kể trên. Hạt lúa mới nảy, nếu được gieo nữa thì nó cũng thay đổi như hạt lúa trước vậy.

Sự diễn tiến của vạn hữu không ngừng, cái giác quan chậm chạp của chúng ta chưa kịp nhận định trạng thái nảy thì nó đã biến thành trạng thái khác. Bởi sự vật vô thường như kinh Upanishad đã kể trên kia cho nên *Duy Thức Học cho sự vật là giải pháp.*

Sự vật giải pháp, thân thể của chúng ta cũng nằm trong công lệ ấy, nghĩa là nó cũng do Nhơn duyên cấu sanh, chớ chẳng có tánh thường trụ, cho nên Duy Thức Học cho là giả pháp ngã. Chúng tôi xin mượn cái thuyết “*Thập nhị Nhơn duyên*” của Phật Giáo để minh xác lẽ này.

THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN

Nguyên nhơn đời quá khứ	Vô minh (Avidya) mê muội
	Hành (Sanskara) xu hướng
Nguyên nhơn đời hiện tại	Thức (Vijnana) hay biết phân biệt
	Danh sắc (Nama Ruba) hình danh
	Lục nhập (Chadâyata) sáu giác quan
	Xúc (Sparsa) cảm xúc
	Thụ (Védana) nhận lãnh
	Ái (Tricha) ham muốn, thèm khát
Nguyên nhơn đời vị lai	Thủ (Upádâna) cố chấp
	Hữu (Bhava) có hình sắc
	Sinh (Jasa) tái sanh
	Lão Tử (Garamrana) già chết

Mười hai nhơn duyên cấu kết thành Kiếp Luân Hồi liên tục đến ba đời, như đã chỉ trong bảng thống kê trên đây. Theo sách Phật thì Vô minh sanh thành, nghĩa là vì mê muội, không biết luật Trời báo ứng cho nên mới xu hướng, động tác tội lỗi. Có xu hướng động tác tội lỗi mới sanh ra Thức, tức hay biết phân biệt; có hay biết phân biệt mới sanh ra Danh sắc, tức hình danh; có hình danh mới sanh ra Lục nhập, tức sáu giác quan là chỗ ỷ lại của Lục căn. Có sáu giác quan mới sanh ra Xúc; tức cảm xúc. Có cảm xúc mới sanh ra Thụ, tức nhận lãnh. Có nhận lãnh mới sanh ra Ái, tức ham muốn, thèm khát. Có ham

muốn, thèm khát, mới sanh ra Thủ, tức chấp lấy. Có chấp lấy mới sanh ra Hữu tức có thân thể vật chất. Có thân thể vật chất mới sanh ra Sinh, tức tái sanh. Có tái sanh mới sanh ra Lão, Tử, tức già chết.

Trong số 12 nhơn duyên kể xuôi như thế; còn như đảo ngược lại mà nói rằng: có già chết mới có Sinh; có Sinh mới có Hữu v.v... và cứ kể mãi.

Tổng số Thập Nhị Nhơn Duyên hoặc nói xuôi, hoặc kể ngược thế nào rồi chung quy cũng thấy Vô minh là cái đại nguyên nhơn sanh kiếp luân hồi. Ấy vậy, nên Phật Giáo chủ trương rằng: *Khi đã giác ngộ thì hết vô minh; mà hết vô minh thì các nhơn duyên kia cũng theo đó mà tiêu ma.* Tại sao? Bởi vì Thập Nhị Nhơn Duyên liên hệ lẫn nhau, cái này ăn sâu vào cái kia; cái kia ăn sâu vào cái này, thành thử chúng ta quét sạch Vô minh thì các nhơn duyên kia cũng theo đó mà hết. Đại khái như thế, nhưng chúng nó liên kết nhau, cho nên muốn hiểu Vô minh thì phải ý hội tất cả mười hai nhơn duyên mới được.

Giả pháp và Giả ngã, là hai danh từ để đánh thức lòng mê chấp của chúng ta, nói tĩ như chúng ta chấp cái “Ta” và sự vật ở đời là chơn thật, là trường tồn, như Linh hồn bất sanh, bất diệt, rồi lòng vật dục bắt chúng ta hóa theo vật và đồ mưu, định kế thâm đoạt những của quý, sắc đẹp để thỏa mãn mình, còn ai sao mặc kệ. Tật ích kỷ ấy dẫn chúng ta đến một cuộc sống tư phân, ngoài hệ thống của Thượng Đế; ngoài tình thương yêu của chúng sanh. Cái đời sống ấy gây phiền não cho kiếp hiện tại và kiếp luân hồi cho kiếp vị lai. Vậy, kẻ hành giả phải đặt tinh thần mình vào cảnh Hư vô tịch diệt, cầu sự giải thoát hoàn toàn. Đó là học lý của Phật giáo.

Nay, chúng ta thử quay về thực tế suy gẫm cái Giả pháp và Giả ngã, thì chúng ta nhận thấy rằng sự vật đối với thế nhơn, hay những người còn đương tìm học Đạo lý, như chúng ta chẳng hạn, có một phần thiệt và một phần hư. Hư là đối với chơn lý tuyệt đối; còn thiệt là thiệt tương đối với nhục thân. Nghĩa là nhục thân nhờ sự vật để di dưỡng sanh lực và làm tài liệu học hành, khai mở tinh thần, hoặc nói rõ ra là sự vật để cho người dùng; chớ không phải người làm nô lệ sự vật.

Ví dụ: Chúng ta dùng quyển sách để học Đạo lý mãi đến khi có kinh nghiệm rồi quyển sách trở nên vô dụng đối với chúng ta. Cổ nhơn bảo chúng ta “*Mượn giả tu chơn*” là lẽ như vậy.

Đến đây, chúng ta đã hiểu rằng *kẻ học giả phải thực hiện ngay cái thuyết «Vô thường» và «Vô ngã» của Phật giáo để cầu sự giải thoát kiếp sanh tử luân hồi*. Còn như muốn thực hành cái Pháp “*Tiệm tu*” mượn “*Giả tu chơn*” thì chúng tôi xin đề cập hai phương châm là nhập thế và xuất thế sau đây. Công phu một phần thì kết quả một phần; công phu hai phần thì kết quả hai phần, lần hồi rồi cũng đến viên mãn được.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG CHÂM NHẬP THẾ

- **PHƯƠNG CHÂM NHẬP THẾ**
- **ĐỨC TIN**
 - Đức tin là gì? | Chánh tín | Mê tín
- **LẬP ĐỨC**
 - Ngươn, Hanh, Lợi và Trinh | Nhân, Nghĩa, Lễ và Trí | Minh minh đức
- **LẬP CÔNG**
 - Vệ sinh trong sự ăn uống | Vệ sinh trong việc làm hằng ngày | Thể dục
 - Cấm dâm dục | Kiên sát hại sanh mạng | Kiên tham lam trộm cắp
 - Giao thiệp với bằng hữu
- **LẬP NGÔN**
 - Lời nói đối với Luật Nhơn Quả | Lời nói trong khi xử kỷ, tiếp vật
 - Cẩn ngôn | Nói hai đầu | Thủ tín
- **QUAN NIỆM SỰ TU THÂN**

PHƯƠNG CHÂM NHẬP THỂ

Trong phần thứ ba này, chúng tôi nghị luận phương pháp tu kỹ xử thế, là một pháp môn rất cần cho người còn ở tại gia và cũng là một con đường dẫn dắt đến đài vinh quang «*Chơn-Thiện-Mỹ*».

Theo lẽ đương nhiên, thiên hạ muốn phán đoán phẩm hạnh người nào, thì người ta căn cứ vào ba điểm chánh là: tư tưởng, lời nói và việc làm. Nghĩ như thế nên trong phần sách này, chúng tôi lấy phép «*Tam lập*» làm đề tài.

Tam lập là:

- Lập đức, tức trau dồi tư tưởng, hay tu đức.
- Lập công, tức trau dồi cách hành động hay tu dưỡng thân căn.
- Lập ngôn, tức trau dồi lời nói, hay tu dưỡng khẩu căn.

Nhưng trước khi bàn phép «*Tam lập*», chúng tôi xin lược thuật đức tin là một sức mạnh tinh thần vừa dắt đường, vừa đôn đốc nghị lực, giúp chúng ta chiến thắng giặc lòng trong lúc cải tà quy chánh.

Ấy vậy, nên phần «*Phương châm nhập thể*» gồm có bốn chương:

- I. ĐỨC TIN
- II. LẬP ĐỨC
- III. LẬP CÔNG
- IV. LẬP NGÔN

CHƯƠNG THỨ NHẤT ĐỨC TIN

ĐỨC TIN LÀ GÌ?

Đức tin là lòng tin tưởng sự gì như có thiệt một cách chắc chắn. Đức tin khó nói rõ, bởi vì nó xuất phát từ nơi tâm linh. Theo lẽ thường, mỗi người muốn đặt lòng tin tưởng vào điều chi, thì tự mình quan sát; tìm hiểu Chơn lý, rồi tự lập Đức tin của mình, chớ không ai bảo mình tin điều này, hay phủ nhận điều kia. Đức tin không thể trình bày bằng cơ rõ ràng; song Đức tin có một sức mạnh phi thường. Ngoài lòng tín ngưỡng Trời Phật, Đức tin còn giúp nhơn sanh nhiều việc trên đường sanh sống và Tấn hóa nữa. Đại để như:

- a. Nhà thông thái tin rằng: Sự tương khắc giữa nước và lửa phát xuất một sức mạnh, có thể dùng làm việc hữu ích. Tin như thế rồi họ cặm cụi thí nghiệm và phát minh nhiều cơ khí mạnh mẽ, tinh xảo như: tàu thủy, xe lửa v.v...
- b. Người nông phu tin rằng: Trồng lúa thì cuối mùa sẽ gặt được lúa. Nhờ lòng tin như thế, người nông phu mới chịu dãi nắng dầm mưa khi cày cấy.
- c. Anh học sinh tin rằng: Học hành vẫn chương, có thể khai hóa trí não, hầu trở nên người hữu dụng. Có lòng tin tưởng như thế, anh học sinh mới chịu khó: nấu sữ, xôi kinh.
- d. Nhà tu sĩ tin rằng: Nếu theo Đạo pháp tu hành thì ngày sau sẽ có kết quả, không thành Tiên, tác Phật thì cũng được hưởng phước lộc, bởi vì làm

lành thì phước trả lại.

Thế đủ hiểu rằng, người ta làm việc chi cũng nhờ có đức tin rọi đường và đôn đốc mình đi đến chỗ thành công, kết quả. Cái công dụng phi thường ấy đã có nhiều lời minh chứng như:

Triết học Tây phương nói: *“La foi transporte la montagne”*. Đức tin có thể dời non. Kinh Hoa Nghiêm (Kusumsutra) nói: *“Đức tin là gốc đạo; hay sanh hóa các công đức. Đức tin có thể nuôi lớn các căn lành. Đức tin có thể vượt khỏi đường ma, Đức tin có thể vào đặng chánh định. Đức tin có thể qua khỏi biển sanh tử. Đức tin có thể thành đạo Bồ Đề”*.

Ấy đó, đủ thấy cái công dụng của Đức tin có thể sai khiến phàm thân vượt khỏi những đoạn đường gian lao nữa. Tại sao? Bởi vì Tâm là chủ thể của thân; còn Đức tin vốn do tâm sanh ra, cho nên Đức tin có thể dẫn dắt phàm thân theo nó. Ấy vậy, kẻ tu sĩ phải thận trọng cho lắm, nếu nông nổi ngộ nhận và đặt Đức tin sai chỗ, thì lại thành ra mê tín. Nên biết rằng: Chánh tín có thể dẫn dắt phàm thân đến Bông lai Tiên cảnh, thì mê tín cũng có sức mạnh đưa người ta vào lối tà mị, si mê. Thế nên, kẻ tu sĩ phải phân biệt tinh tường: đâu là chánh tín; đâu là mê tín.

CHÁNH TÍN

Nói vắn tắt, chánh tín là tin tưởng theo Thiên lý, chớ không tin nhằm nhí theo tà thuyết, dị đoan. Tuy mới nghe qua thì dễ dàng; nhưng sự thật: Chánh tín là một việc rất khó. Duy có bậc chơn tu giải thoát Tâm linh ra ngoài vòng Thế tu, sanh sống theo Chơn như, bất sanh diệt; bất điên đảo và vượt lên trên sự nhận thức của giác

quan; cảm thông với Đức Chí Tôn thì mới có thể nhận định chơn lý toàn diện. Còn bậc tu sĩ thường như chúng ta, còn dùng kiến thức, để phân biệt chơn giả, thì chúng ta chỉ nhận thức chơn lý trong cõi tương đối mà thôi; nghĩa là chúng ta chỉ biết một khía cạnh nào đó, chớ chưa phải chơn lý toàn diện. Ấy vậy, chúng ta phải nhờ kinh cao, sách Thánh, đọc đi, đọc lại tìm hiểu và nhận định theo người xưa, để rồi lần bước theo đó mà vượt lên cõi tuyệt đối, là nơi chẳng có thời gian, không gian trở ngại nữa. Đến đó mới khỏi e sợ sự ngộ nhận. Còn ngay bây giờ, nếu chúng ta nghe người ta nói việc chi mà mình chưa hiểu rõ thì chớ vội tin, hướn lại, để có ngày giờ suy gẫm đáo để, rồi sẽ hay. Thận trọng và thận trọng nữa, nhiều thận trọng chừng nào hay chừng nấy. Phật Tổ dạy rằng: “*Các anh hãy tự mình đốt lấy đuốc cho sáng để đi*”.

MÊ TÍN

Mê tín là tin tưởng theo tà thuyết, dị đoan. Giả như có người nói: Trên ngọn cây có cá; dưới đáy biển có chim. Nếu chúng ta chẳng suy nghĩ kỹ càng và cứ tin liêu như thế thì chung cuộc, chúng ta sẽ thất bại nặng nề.

Thế kỷ hai mươi, trí thức người ta tiến đến một trình độ quá cao. Lý thuyết này; lý thuyết nọ, đua nhau truyền bá, mà hầu hết đều tự cho mình là cao cả, là chánh lý. Nếu như chúng ta nhẹ dạ, non lòng, nghe lầm, hiểu lộn, thì chẳng những lòng tu hành phải hoang mang mà đường thế sự cũng phải lạc vào nẻo quấy, đường tà. Ấy là chỗ mà chúng ta phải dè dặt cho lắm.

Nói tóm, kẻ tu hành phải cố gắng đặt mình ra ngoài vòng thế sự, vượt lên trên cõi thị phi, phóng quang cảm

ứng với Đức Từ Bi, để lập đức tin của mình theo chơn lý tuyệt đối kia, thì mới khỏi lầm. Trái lại, nếu chúng ta chưa đến trình độ ấy thì chúng ta phải lần theo kinh sách; theo chơn các vị Tiên Phật thời xưa, để tìm tòi chơn lý. Nói tở như chúng ta nghe theo lời của ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÃU NI, dặn Môn đồ của Ngài rằng: *“Các người đừng tin việc gì mà các người cho rằng không hợp Chơn lý, mặc dầu việc do nơi ông nào nói, hay biên chép trong kinh sách chi cũng vậy”*. Lời dặn này đang làm bài học kim cổ cho mọi người.

Có đức tin chơn chánh rồi lần hồi theo đó mà học tập cho hết sức mình, dầu cực nhọc, gian lao đến đâu cũng đừng thối chí; ngã lòng. Bền chí tu hành thì chúng ta có ngày thấy kết quả.

CHƯƠNG THỨ HAI BỐN THƯỢNG ĐỨC

NGƯỜN, HANH, LỢI VÀ TRINH

Thế theo Nho giáo: Trời có bốn Đức là: Ngươn, Hanh, Lợi và Trinh do cung Càn phát xuất. Nguyên cung Càn đứng đầu trong Bát Quái đồ thơ, thuần dương tượng trưng Trời sanh ra bốn Đức lớn, kể sơ lược như:

- **Ngươn** là cơ Tạo đoan định vị Trời Đất, hóa sanh vạn vật.
- **Hanh** là cái Đại lý suốt thông muôn vật, hợp với các vẻ đẹp.
- **Lợi** là lý định rõ các bộ phận trong cơ điều hòa.
- **Trinh** là lý chánh giữ vững mọi vật.

Tóm lại, Ngươn là Đạo biến hóa. Hanh, Lợi, và Trinh là ba phép giúp cho Đạo biến hóa thành tựu cơ sanh dục muôn loài, mà chẳng hề sai luật bình hành, trật tự của Trời Đất.

NHÂN, NGHĨA, LỄ VÀ TRÍ

Người có bốn Đức là: Nhân, Nghĩa, Lễ và Trí do Tâm phát xuất.

Đức Nhân vốn là một điểm lành của Trời phú cho mọi người, ai ai cũng có nó ở trong trung tâm điểm của mình. Thế nên, hễ muốn làm Nhân thì ai cũng có thể làm được. Nó đứng đầu trong các điều lành. Người ta cứ lập đức Nhân vững vàng viên mãn thì đủ làm người, cho nên cổ nhân nói: “*Nhân giả nhân dã*”. Nhân là Đạo làm người

vậy. Còn Nghĩa, Lễ và Trí là khuôn phép mực thước để đo lường cân độ mà làm Nhân.

Trời có bốn đức: Ngươn, Hanh, Lợi và Trinh. Người có bốn đức là Nhân, Nghĩa, Lễ và Trí. Đức Khổng Phu Tử giảng giải đức Trời, khai mở đức người là có ý giúp người biết đức Trời để làm theo. Bốn đức người nói đây, chúng tôi đã luận trong quyển ĐẠI ĐẠO GIÁO LÝ rồi. Đây, không nhắc lại mà chỉ góp thêm một vài ý kiến nữa, như sau:

Mạnh Tử nói rằng:

*“Trắc ẩn chi tâm, Nhân chi đoan dã;
Tứ ố chi tâm, Nghĩa chi đoan dã;
Từ nhượng chi tâm, Lễ chi đoan dã;
Thị phi chi tâm, Trí chi đoan dã”.*

Nghĩa là: Lòng thương xót là đầu mối của Nhân; lòng ghét bỏ là đầu mối của Nghĩa; lòng từ nhượng là đầu mối của Lễ; lòng thị phi là đầu mối của Trí.

Biết được đầu mối của bốn đức thường rồi, chúng ta theo đó mà tập rèn cho hết sức mình, làm cho nhập tâm, để rồi áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình. Mạnh Tử bảo rằng: *“Người sung mãn bốn đức ấy thì có thể giữ được bốn biển. Trái lại, kẻ mất bốn đức ấy, thì không đủ phụng sự cho cha mẹ nữa”.*

Sau đây, chúng tôi thể theo sách Đại học bàn thêm cái lý “*Minh Minh Đức*” để giúp công phu lập đức cho được rộng rãi thêm hơn.

MINH MINH ĐỨC

Minh minh đức nghĩa là khai sáng đức sáng. Nguyên

chúng ta sẵn có nơi mình một điểm đức sáng Trời ban phú cho, nó ở trong thâm tâm của mỗi người. Cái đức sáng ấy huyền diệu lắm, tự nhiên cảm thông biết mọi lẽ thiện ác một cách tinh tường, đến tận nguồn gốc tự nhiên, chớ không phải nhờ học hỏi khai mở. Ở nơi phàm nó không giảm bớt; ở nơi Thánh nó chẳng tăng thêm. Lúc nào nó cũng tự nhiên, nhi nhiên. Nhưng khi nhập thế, chúng ta bị nhiễm trần, tình dục tế tác bản Tâm làm cho Minh đức lu mờ, đó là một điểm đáng lo ngại cho thế nhơn.

Khai sáng đức sáng nói đây, không phải học tập theo khoa học hữu vi mà thật phải hồi hướng về nội giới Tâm linh; một mặt phải khám phá và loại trừ những thành kiến mê lầm, những tình dục quấy quá, một mặt khác phải tồn dưỡng tâm tánh. Hễ tâm tánh trở về nguyên bản rồi Minh đức sẽ xuất hiện.

Tại sao?

Bởi vì Minh đức ở tận trong cõi lòng vị phát chi trung (Tâm chưa dấy động) cho nên, hễ tâm tánh thanh tịnh vô vi, thì đức sáng sẽ xuất hiện cảm thông với sự vật mà biết lẽ Thiện Ác.

Vậy phải làm sao đặng khai sáng đức sáng?

Về phương pháp học tập, sách Đại học dạy rằng:

“Tri chi nhi hậu hữu định;

Định nhi hậu năng tĩnh;

Tĩnh nhi hậu năng an;

An nhi hậu năng lự;

Lự nhi hậu năng đắc.

Vật hữu bốn mặt, sự hữu chung thủy, tri sở

tiên hậu tắc cân đạo hi.”

Nghĩa là: Biết dừng chơn trước ngưỡng cửa nhân dục và đem tâm khuynh hướng về Thiên lý rồi sau tâm được định. Định được rồi sau mới hay tịnh; tịnh được mới hay an; an được rồi sau mới hay suy nghĩ; suy nghĩ được rồi sau mới tâm đặc.

Đại phạm, hễ vật thì có gốc ngọn, việc thì có chung thủy; ai biết được cái trước sau đó thì gần Đạo vậy.

Đại ý nói rằng, chúng ta phải hồi hướng về nội giới tâm linh, dịch hóa những tư tưởng phức tạp, lãng mạn của mình cho đến thuần nhất bất biến. Tâm đặc như thế giác ngộ được cái Minh đức của mình để làm căn bản cho tình cảm và lý trí.

Lập đức đến đây, nghĩa là Minh minh đức và khai thác bốn đức thường, rồi chúng ta cứ theo đó mà tư tưởng, mặc dầu chưa được chí thiện, nhưng cũng không đến đổi hệ lụy trần ai.

CHƯƠNG THỨ BA LẬP CÔNG

Lập công, nghĩa là kiến thiết cách hành động của mình nhằm vào mục đích đạo đức chí thiện. Mà muốn nhục thân hành động theo ý muốn của mình, chúng ta phải có một tâm hồn sáng suốt tự chủ. Ấy vậy, nên phép “*Lập công*” gồm có hai mặt là: Nhục thân phải thanh khiết, dễ khiến và có sức khỏe. Tinh thần phải cứng rắn đủ nghị lực điều khiển nhục thân tuân hành mạng lệnh của tâm hồn. Sau đây, là những kỷ luật phải thi hành để đạt được mục đích nói đây.

A. VỆ SINH TRONG SỰ ĂN UỐNG

Vấn đề chọn lựa thức ăn đã bàn cãi rất nhiều. Đạo học nói: dùng lê hoát⁽¹⁾ thích hợp vệ sinh. Khoa học nói ăn thịt bổ nhiều. Nhờ bàn qua, cãi lại, chúng ta hiểu rõ rằng: Ăn uống cốt để nuôi mạng sống, cho nên ngạn ngữ nói: “*Ăn để sống*”. Vậy, chúng ta nên chọn những thức ăn uống nào dễ tiêu hóa và có đủ khí chất bồi bổ tạng phủ, thanh nhuận khí huyết là được.

(1). **Lê hoát:** là hai thứ rau mà chốn thôn quê nhà nông thường dùng. Trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, Ôn Như Hầu viết rằng:

*“Miếng cao lâu phong lưu nhưng lượm,
Mùi lê hoát thanh đạm mà ngon”.*

Kinh nghiệm dạy chúng ta biết rằng ăn chay thích hợp với người già và bậc chơn tu, vì cơ quan tiêu hóa và bộ thần kinh của hạng người này rất mảnh khảnh, không đủ sức bài tiết vật nặng, như rượu thịt. Nhưng ăn chay

cũng phải tập luyện: ban đầu mỗi tháng 6 ngày, 10 ngày, 15 ngày rồi đến trường chay. Nếu đi mau quá thì tạng phủ chưa quen, có khi sẽ bị công phạt.

Ăn uống phải có tiết độ. Chúng ta chỉ ăn khi đói; uống khi khát, ăn uống phải có chừng độ. Vả lại, vật ăn vào tỳ vị, tiêu hóa ra khí huyết để bổ dưỡng vật lực và tinh thần; cho nên cách chọn lựa thức ăn phải lấy sự tiêu hóa làm đầu. Vật uống cũng nên chọn lựa kỹ càng. Rượu mạnh nên kiêng hẳn, cà phê, nước trà đậm không nên dùng nhiều. Nha phiến phải kiêng hẳn, cũng như rượu mạnh, thuốc lá chẳng khá dùng nhiều.

Khi ăn phải nhai vật ăn thật nhỏ như bột, rồi sẽ nuốt. Trong bộ phận tiêu hóa, miệng có phận sự quan trọng. Nhai vật ăn thật nhỏ trước khi nuốt, là bất miệng giúp công cho bộ phận tiêu hóa một phần nào.

B. VỆ SINH TRONG VIỆC LÀM HÀNG NGÀY

Nhục thân có tật ham ăn chơi; ham sung sướng, thành thử khi đứng trước việc làm khó nhọc thì nó hay tháo thứ. Chúng ta phải tận lực đánh đổ tật biếng nhác. Làm việc hằng ngày phải siêng năng nhậm lệ; kỹ càng châu đáo cũng có việc không làm, nhưng việc nào đã làm thì phải hết tâm hết sức châu tất; rồi còn phải kiểm soát lại nữa.

Phải có thời dụng biểu, chỉ định giờ làm việc, giờ ăn, giờ nghỉ rồi cứ theo đó mà thi hành triệt để, cầu có thói quen, vì thói quen là tánh tự nhiên thứ nhì.

Ngủ cũng phải có giờ, chẳng nên ngủ nhiều quá, mà cũng không nên lấy đêm làm ngày; lấy ngày làm đêm. Thức đêm nhiều tổn sức khỏe lắm.

Xác thân là khí cụ, hoặc là kẻ giúp việc ngoan ngoãn cho Tâm, hoặc tử như nó là cái nhà, để che chở Tâm, chúng ta không vì lẽ gì mà hủy hoại nó, hay hành hạ nó. Xác thân không phải vô tri, vô giác, nó là bộ máy sống, chúng ta phải khép nó vào khuôn khổ đạo pháp; phải thi hành trong trật tự, chẳng khá làm mất điều hòa tự nhiên của nó. Việc làm đừng quá vội vàng, đừng quá trì hoãn. Mục tiêu của chúng ta là di dưỡng sức khỏe và một thân hình dễ khiến, hầu nó có đủ tài năng phát biểu tư tưởng của mình, và chịu đựng những việc khó nhọc mà chúng ta phải cáng đáng.

Ban đầu tập làm việc dễ, quen rồi nhục thân sẽ hết trái chứng. Chúng ta phải nói với nó rằng: *“Người là con ngựa của ta cỡi. Ta có bốn phận săn sóc người. Người có bốn phận tuân lời ta. Người với ta phải tìm hiểu ý nhau, tương đắc nhau để đi trên đường ngàn dặm”*.

Bức bản đồ Tam kế của Đức Khổng Phu Tử có câu rằng:

1. Cái kế sanh trong một đời tại sự siêng năng
2. Cái kế sanh trong một năm tại mùa Xuân (Vì xuân là mùa thảo mộc sanh, nếu mùa xuân chẳng trồng tía, thì mùa thu lấy đâu mà gặt hái).
3. Cái kế sanh trong một ngày tại giờ Dần, tức là nói rằng: Bưng tương mà không bắt tay vào việc thì trọn ngày phải thất công.

Những lời châu ngọc của Thánh Hiền còn lưu lại, chúng ta nên biết và làm theo hằng ngày. Chúng ta tận lực làm bốn phận mình. Làm một cách tử tế, chính chắn, ăn uống phải có tiết độ; hình dung phải nghiêm trang mặc

áo, đội nón, phải chỉnh tề, đi đứng phải vững vàng, ăn ở phải đoan chính. Muốn khởi làm việc chi, trước phải suy nghĩ cùng lẽ, rồi sau sẽ hạ thủ thi hành. Đức độ mặc dầu chưa cao, song, cũng phải giữ còn và làm tăng thêm lên. Thấy người làm lành thì mình vui, cũng như mình đã làm được. Thấy người làm quấy thì mình buồn, cũng như mình bị đau ốm. Khi có việc vui thì vui, nhưng không kêu hãnh, khi có việc hoạn nạn thì lo, nhưng không phiền não.

Cổ ngữ có câu: “*Ngôn cố hành, hành cố ngôn*”. Nghĩa là lời nói đúng theo việc làm; việc làm đúng theo lời nói. Nói được mà chẳng làm được thì lời nói không bảo đảm. Đức độ cũng theo đó mà sút mẻ.

Chẳng khá bắt chước những kẻ hươu nguyệt. Hạng người nầy là giặc phá đức, chớ không phải kẻ tu đức. Họ vốn không trung tín, vốn không liêm khiết, mà cư xử giống như người liêm khiết. Mọi người đều đẹp lòng mà khen ngợi.

Mọi việc làm của mình chẳng những phải suy nghĩ trước mà khi làm xong rồi còn phải kiểm soát lại nữa. Ông Mạnh Tử nói: “*Xét lại thân tâm mình với một tấm lòng thành thật thì có cái vui nào lớn hơn*”.

C. THỂ DỤC

Tập thể thao: Chọn một môn thể thao nhẹ, vừa sức mình. Mỗi ngày nhơn ra hai chục phút, tập luyện thân thể với chủ đích là: thư cân, huyệt huyết và phát hạp, để bài tiết những cặn bã độc, còn lưu ẩn trong tạng phủ và lỗ chân lông. Chớ nên hiểu lầm sự thể thao nói đây với những cách thể thao du hí. Du hí tập thể thao cầu bắp thịt nở nang, gân cốt rắn rỏi, sức mình dồi dào, để thắng

đối phương, tức là vì người mà thể thao; còn thể thao nói đây có mục đích khác là đào luyện sức khỏe của mình, tức là vì mình mà thể thao.

Tập thể thao phải thực hành nơi thoáng khí, bởi vì trong thanh khí có sinh lực. Nhờ tập thể thao nơi thoáng khí, chúng ta đem được nhiều sinh lực vào trong tạng phủ. Sức khỏe sẽ nhờ đó mà được dồi dào, khí huyết nhờ đó mà được tươi nhuận.

Năng tắm gội, năng giặt giệm, áo quần sạch sẽ là phép vệ sinh thường thức. Cổ ngữ nói: “*Tận dục thân an*”. Nghĩa là năng tắm gội thì thân thể được an toàn.

Mục đích của chúng ta là tạo một cuộc đời sống thanh đạm, vô vật dục, chớ chẳng phải ép xác, mà cũng chẳng phải phóng túng theo vật chất. Ấy vậy, nên sự thể thao của chúng ta nhằm vào sự đào luyện một thân thể sức khỏe và lúc nào nó cũng tùng mạng lệnh của Thần lương tâm.

Chúng ta nên tập rèn thể nào cho gân cốt dẻo dai; bắp thịt cứng rắn, hầu có đủ sức lực cáng đáng việc cực nhọc. Nhưng, nên nhớ rằng sức người có hạn, cho nên trong khi làm việc và tập thể thao, chúng ta chẳng khá đòi hỏi quá sức của thân thể. Nếu quá lạm dụng, thì thân thể sẽ mất điều hòa mà cơ thể sanh bệnh tật.

Có điều khó là thân thể thuộc về vật chất, nó phải lệ thuộc dưới luật tự nhiên là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử. Thế nên, thân thể không thể nào tránh khỏi bệnh hoạn. Nói cùng, như chúng ta rủi đau ốm, thì phải dùng thuốc men để trị bệnh. Kẻ tu có khác với người thường là mình tự chủ, biết giữ vệ sinh, biết điều hòa khí huyết làm cho đời

sống ung dung theo luật tự nhiên.

D. CẤM DÂM DỤC

Tân luật Đại Đạo cấm tà dâm cho người học hạ thừa và khuyên người thượng thừa phải tuyệt dục. Cấm dâm dục: một là để tránh Luật Nhơn quả; hai là tránh sự tội phong bại tục; ba là tích tinh, dưỡng khí.

TRÁNH NGHIỆP QUẢ

THÁNH NGÔN: “*Vì sao tà dâm là trọng tội?*”

“Nguyên xác thân con người, tuy mắt phạm trông thấy như một, tựu trung chất chứa vàn vàn muôn muôn sanh vật. Sanh vật ấy cấu kết nhau thành tế bào. Nó có linh tánh. Chất dưỡng sanh nó là rau, củ, bông trái, lúa gạo. Thử hỏi, những lương thực nầy nếu chẳng có chất sanh và chẳng hàm chứa sinh lực thì thế nào tươi đặng. Hoặc giả, nếu nó khô rũ, thì nó phải chết; mà các con có ăn vật khô héo bao giờ? Còn như dùng lửa nấu, bắt quả tấy trước mà thôi; kỳ thật sanh vật bị nấu chưa hề chết.

Vật ăn vào tỳ vị tiêu hóa ra khí; khí biến ra huyết. Nó có thể hườn thành nhơn hình. Vì vậy môi có cơ sống, chết của chúng sanh. Một giọt máu là một khối Chơn linh, nếu các con dâm quá độ, tức là sát hại nhiều Chơn linh. Khi các con thoát xác, nó đến Nghiệt Cảnh Đài mà kiện thì các con chẳng hề chối tội đặng. Vậy, các con phải giữ giới cấm nầy cho lắm”.

Thánh Ngôn trên đây đã rõ lắm rồi, khỏi phải chú thích nữa.

TÔI PHONG BẠI TỤC

Luân lý cổ truyền của người Việt Nam trọng sự trinh tiết. Xã hội quở trách nặng nề những kẻ gian dâm, vô độ.

TÍCH TINH DƯỠNG KHÍ

Tinh là một chất hơi bàng bạc, lưu chuyển trong không gian. Mỗi sanh vật phải hàm dưỡng nơi thân mình một phần tinh ấy, thì mới sống và sinh hóa thêm ra. Đại khái như ở trong sanh vật: tinh là một mãnh lực hay sanh sản; ở trong thảo mộc: tinh là một sức mạnh đâm chồi, trở lá; ở trong thân thể người ta: tinh thường bốc lên một thứ hơi, mạng danh là khí. Công dụng của khí, chẳng những làm cho người có sức khỏe, mà còn di dưỡng Chơn thân được kiên cường, sáng suốt nữa. Người tu hành tránh sự dâm dục là vì những lẽ nói trên.

E. KIỀNG SÁT HẠI SANH MẠNG

Không biết tại sao: hễ người ta thấy một con súc vật như hươu, nai v.v... hay một con飞鸟 thú như: chim, cu, cò v.v... thì người ta có một ý muốn sát hại. Phải chăng, vì thường hay ăn thịt chúng nó, cho nên người ta có thói quen sát hại. Các nhà Tôn giáo cấm sát sanh, chỉ vì lòng bác ái, thương đều muôn vật. ĐỨC CHÍ TÔN giảng cơ dạy đại khái như vậy:

THÁNH NGÔN: *“Mạng sống của cả chúng sanh cũng như nhánh cây trong cội, (cả chúng sanh đều do Chí Tôn sanh ra, vậy nên Chí Tôn nói Đức Ngài cũng như cội cây, cả chúng sanh cũng như nhánh cây) phải có đủ ngày giờ Thấy định để nở bông; sanh trái, đặng trồng nữa, biến*

hóa thêm ra. Kẻ nào làm hại nửa chừng là sát hại một kiếp sanh, không cho biến hóa. Mỗi mạng sống đều hữu căn, hữu kiếp, đến thế nầy hoặc lâu, hoặc mau đều có định trước, nếu ai giết một mạng sống phải chịu quả báo. Mạng sống là Thầy. Mà giết Thầy không phải dễ. Các con răn dạy nhơn sanh điều ấy”.

Kẻ tu hành ăn chay: Một là vì lòng bác ái; hai là tránh những nghiệp quả, như Thánh giáo kể trên.

F. KIỀNG THAM LAM TRỘM CẤP

Chúng tôi xin chép bài Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn dạy về sự tham lam như sau:

THÁNH NGÔN: *“Ôi! Thấy sanh các con, Thấy yêu các con; Thấy cho các con đến thế nầy với một Thánh Thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống; không mặc mà lành. Các con không chịu, lại nghe lời cám dỗ, luyến ái hồng trần, ăn cho phải bị đầy; dâm cho phải bị đọa, rồi các con phải chịu dưới nạn áo cơm.*

Lợi, Thấy để dành cho các con chung hưởng, nhưng, vì lòng tham, đũa giứt nhiều, đũa phải chịu kém.

Quyên, Thấy ban cho các con, y như Thầy đã ban cho Thân, Thánh, Tiên, Phật, để cho các con có đủ phương tiện kiếm chẻ lẫn nhau đặng giữ vẹn Thánh Thể của Thầy. Thế mà cái quyên ấy thành một món lợi khí, buộc trói các con trong vòng tội lỗi. Ôi, cái thất vọng của Thầy rất nên đau đớn!

Các con có hiểu vì sao Nhơn sanh có lòng tham gian chăng? Thì cũng vì muốn có nhiều kẻ phục tùng dưới quyền lợi của mình. Vả lại, người đời cần nhứt là cơm với áo. Nay muốn có nhiều kẻ phục tùng không chi bằng nắm chặt quyền

phân phát áo cơm, phải dùng đủ mưu chước, qui quyết thâm đoạt, lợi lộc, quyền thế. Vì vậy, mà Đời trở nên trường hỗn độn, tranh đấu, giết giành; mạnh được, yếu thua, mất hẳn công bình; thiên nhiên Tạo hóa.

Ấy vậy, phải biết rằng: Tham lam vào Tâm, Tâm hết đạo đức. Tham lam vào nhà, nhà hết chánh giáo; tham lam vào nước, nước mất chơn trị. Tham lam lộng khắp Thế giới, Thế giới hết Thần Tiên. Lòng tham lam có thể giục các con lối đạo cùng Thấy”.

Thế thì không những chúng ta phải tuân hành Thánh ngôn trên đây để tránh sự tham lam, trộm cắp mà kinh nghiệm còn cho chúng ta biết rằng: người ta chết vì trúng thực thì nhiều, mà chết vì đói khát thì ít. Trời không sanh người vô lộc; Đất không sanh cỏ vô căn. Người ta cứ siêng năng làm lụng thì có ăn, chớ cần chi phải tham lam trộm cắp. Cổ nhơn nói: Giàu lớn là do mạng Trời, giàu nhỏ là nhờ siêng năng. Ở đời không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời, nếu chúng ta ở vào trường hợp thiếu thốn thì được phép vay mượn của người; nhưng, phải khu xử thế nào cho tài thượng phân minh, chớ khá tham lam trộm cắp.

G. GIAO THIỆP VỚI BẰNG HỮU

Cổ nhơn nói: *Người đàn bà, nếu chẳng có gương trong, để soi mặt thì làm sao biết mặt mình dơ, hay sạch. Kẻ sĩ nếu chẳng có bạn hiền, thì ai mách cho mình những lối lầm.* Theo đó thì sự giao thiệp với bằng hữu rất cần cho chúng ta. Nhưng kết bạn cần phải có người hiền. Cách chọn bạn của người xưa rất kỹ càng, họ thường bảo nhau rằng: *“Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen, gần người hiền thì tỏ, gần người tài thì sáng, gần kẻ dại thì ngậy, gần*

người lành thì có đức”. Trái lại, gần kẻ trộm thì sanh cắp, gần kẻ nịnh thì a dua. Lại nói rằng: “Kết bạn với người lành cũng như gần mùi thơm của cỏ chi, cỏ lan. Kết bạn với kẻ chẳng lành, cũng như người bồng con leo lên vách tường, một người rui sẩy chơn thì cả hai phải khốn hại. Ở chung với người tốt cũng như đi giữa đám sương mù, mặc dầu áo không ướt, nhưng thấm nhuộm mù sương. Ở chung với kẻ chẳng biết điều, cũng như ngồi giữa hàng cá ươn, mặc dầu không dơ áo, nhưng hẳn nghe mùi hôi.

Đại để phép trạch hữu như thế, chúng ta nên bắt chước. Còn khi đã kết bạn rồi, chúng ta phải một lòng thành thật, đối đãi với nhau. Lúc bạn có lầm lỗi thì nên lựa khi vắng vẻ, dùng lời nhỏ nhẹ khuyên can, với một tấm lòng chơn thành. Trong sự giao thiệp, chúng ta phải có lòng kính nhường lẫn nhau, để giữ niềm hòa ái, tương trợ, tương thân. Điều chi mình không muốn thì chớ làm cho người. Nếu có việc nào không vừa ý bạn, thì mình phải trở lại xét mình; chớ khá cường từ đoạt lý. Trong đức nghiệp, anh em phải khuyên nhau, giúp nhau; lỗi lầm phải sửa nhau; hoạn nạn phải thương nhau; nghèo nàn phải cứu trợ nhau.

Người trượng phu nên dung thứ người, mà chẳng khá để người dung thứ mình. Trời sanh người đã phú cho một lý tánh vững chắc. Người giữ được cái lý tánh vững chắc ấy thì có tự chủ. Chúng ta phải gát nó lên trên tất cả tình cảm và lý trí.

CHƯƠNG THỨ TƯ **LẬP NGÔN**

Lập ngôn nghĩa là trau dồi lời nói, hiền lành theo lẽ chí thiện. Mà lời nói vốn do khẩu căn phát xuất; thành thử, muốn thực hiện phép Lập ngôn, chúng ta phải làm chủ khẩu căn, để cho mình có đủ ngày giờ suy nghĩ, rồi sau sẽ thốt ra những lời mực thước, chơn thành. Đi sâu hơn nữa, chúng ta biết rằng lời nói là âm thanh, biểu dương tư tưởng, tình cảm ý kiến của người. Ấy vậy, chẳng những phải tịnh khẩu, mà chúng ta còn phải trau sửa tâm hồn, trí huệ nữa thì phép Lập ngôn mới có kết quả viên mãn. Nên biết rằng, thiên hạ lấy lời nói để đo trình độ tấn hóa của mình, còn đối với Luật Trời, một lời nói chẳng lành sẽ có họa trả lại. Vậy đủ hiểu lời nói trọng đại đến ngần nào. Sau đây chúng tôi sẽ lần lượt bàn phép “Lập ngôn”.

A. LỜI NÓI ĐỐI VỚI LUẬT NHƠN QUẢ

THÁNH NGÔN: *“Nơi thân phạm các con, Thầy cho một Chơn linh theo gìn giữ. Chơn linh ấy vốn vô tư, đặng phép giao thông cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt việc lành, việc dữ, đều có ghi, vậy nên một mảy không sai; lành dữ đều có trả.*

Lại nữa, Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, chẳng phải gìn giữ các con mà còn dạy dỗ nữa. Đời thường gọi lẫn là Lương tâm. Thánh nhơn xưa nói rằng: Khi nhơn tức khi tâm; khi tâm tức khi Thiên, khi Thiên đắc tội, hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã.

Như các con nói dối, điều ấy chưa đối đặng người, mà các con đã dối Lương tâm rồi. Một lời nói, tuy chưa thi hành,

song tội tình cũng đồng thể, như đã có làm. Thấy dặn các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh. Thà các con làm tội mà chịu tội cho đành, chẳng hơn nói tội mà phải tội tình đồng thể”.

Ngoài Thánh Ngôn trên đây, chúng ta thấy Kinh Dịch nói rằng: “*Xuất từ ngôn thiện, tắc Thiên lý chi ngoại ứng chi. Xuất kỳ ngôn bất thiện tắc Thiên lý chi ngoại di chi*”. Nghĩa là nói ra một lời lành, thì ngoài xa ngàn dặm ứng lành; nói ra một lời chẳng lành thì ngoài xa ngàn dặm đời đó, tức đời lành ra dữ.

Câu này, đại ý nói rằng: lời nói có sức mạnh làm chuyển động điện lực trong không gian và cảm thông với những tư tưởng đồng khí với nó để rồi cụ thể hòa lẫn nhau, cho đến thành một sự kiện hữu hiệu. Ấy vậy, nên nói lời chẳng lành, mặc dầu chưa thực hành, song tội tình cũng như việc đã thi thố rồi.

Huyền Trân nói rằng: “*Nhơn gian tư ngữ, Thiên văn như lời; ám thất khuy tâm, Thần mục như điện*”. Nghĩa là lời nói thâm của người; Trời nghe như sấm, những việc tà mị trong nhà kín, Thần thấy như điện.

Theo lẽ trên đây mà suy rộng ra thì lời nói của người ta, một khi thốt ra khỏi miệng rồi, nó có sức vang dội rất xa và nó sẽ có một cái phản lực rất mạnh. Lành thì người nói được phước, chẳng lành thì kẻ nói phải chịu tai họa. Lành dữ báo ứng một mảy không sai.

B. LỜI NÓI TRONG KHI XỬ KỶ, TIẾP VẬT.

Có bốn điều răn cấm mà kẻ tu sĩ phải triệt để áp dụng vào đời sống của mình.

1. *Cấm vọng ngữ, tức cấm nói dối.*

2. *Cấm lưỡng thiệt, tức cấm đem chuyện người này thuật lại với kẻ nọ, làm cho hai đảng cãi cọ.*
3. *Cấm ác khẩu, tức cấm nói lời hung dữ.*
4. *Cấm ý ngữ, tức dùng lời khôn khéo để gạt gẫm người ta sa vào tội lỗi.*

Lời nói chẳng lành do nhiều nguyên nhân và hình thức khác nhau như:

Vì ghen ghét mà nói xấu người, tự cao mà chê bai người, thù vợ; oán chạ, mà nói lời chẳng lành; tự tôn, tự đại, hống hách, nói càn, sanh ra tranh luận. Ấy vậy, nên chúng ta luôn luôn phải kiểm duyệt lời nói của mình trước khi thốt ra.

Ngoài sự trì giới trên đây, chúng tôi xin đề cập thêm một pháp môn nữa là “*Tịnh khẩu*”, tức kiểm chế khẩu căn vào cảnh thanh tịnh. Đành rằng lời nói do tâm mà sanh, ngược lại, lời nói cũng có ảnh hưởng đến tâm, cho nên kẻ nói nhiều thì bị loạn tâm; ít nói tâm được yên lặng.

Trong số vạn vật, duy có loài người biết nói, mà cũng vì biết nói, nên người ta sanh nhiều lời cãi cọ; nhiều việc tranh luận. Có một vài trường hợp, người ta đánh giết nhau cũng vì tiếng nói. Ấy vậy, nên sự Tịnh khẩu rất cần, nhứt là hàng tu sĩ cần Tịnh khẩu, để có ngày giờ suy nghĩ trước rồi sau sẽ nói.

Anh nên tập làm thinh; nhờ sự trầm lặng mà những quyền năng sâu kín sẽ tiết lộ; tư tưởng được ổn định. Anh phải theo chơn lý mà khai thông nó. Trong lúc hội đàm, anh nên lặng thinh và suy nghĩ những ý kiến của đối phương phát biểu. Đó là phương thức tạo sức mạnh, để rồi thốt lên những lời hòa giải, dung hợp tất cả ý kiến

của người và bàn luận trong bầu không khí vui tươi, thuận thảo.

Một mình anh không thể có đủ sáng kiến để giải quyết mọi vấn đề. Tại sao anh buộc người khác phải theo ý kiến của anh? Phải để cho người ta bàn luận, tìm rõ lẽ phải. Làm thính là cái gương thuyết giáo nhiều hơn lời nói. Đó là bước đầu tiên để đi đến chinh phục sức mạnh trong người mình và ở chung quanh mình.

Chúng ta phải làm chủ kỳ được khẩu căn. Chúng ta nói thật ít, càng ít càng hay. Chẳng những không nói hành; không nói xấu người, mà chuyện vô ích chúng ta cũng chẳng nên nói nữa.

Đức Lão Tử dạy chúng ta rằng: Ít nói thì mình theo được đạo tự nhiên. Rồi Ngài đặt thí dụ cho chúng ta hiểu. Ngài nói: «*Chiêu phong bất chung triêu; sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử dã? Thiên địa. Thiên địa, thượng bất năng cứu, nhi hướng ư nhơn hồ!*». (Đạo Đức Kinh chương 23). Nghĩa là trận gió lớn chẳng trọn buổi sáng; đám mưa to chẳng trọn cả ngày. Thử hỏi ai làm việc đó? Trời Đất. Thế thì Trời Đất còn không làm được việc lâu dài, huống chi người ta.

Đại ý bài này nói rằng: Kẻ tu sĩ ở vào hoàn cảnh nào, thì cứ an vui theo cảnh ấy. Ở với Đạo thì vui theo Đạo; ở với Đức thì vui theo Đức, ở với Nhân, Nghĩa, Lễ thì vui theo Nhân, Nghĩa và Lễ chớ cần chi phải vọng cầu vô ích.

Tuy thế mà chẳng lẽ chúng ta làm thính mãi, thành thử, phải nói, nhưng nói thật ít; càng ít càng hay.

Ở đời, có những tư tưởng biến đổi được lòng người, có những tư tưởng làm nên sự nghiệp. Những tư tưởng

ấy là ngọn đuốc thiêng dẫn dắt người ta vào cõi chí thiện. Chúng ta nên dùng lời nói của mình để phát biểu những tư tưởng giống như vậy. Trái lại, tư tưởng nào có tánh cách xoi bói người khác, hoặc làm hại người, hại vật, thì hẳn chúng ta không nên dùng lời nói của mình mà phát biểu nó ra ngoài.

Ông Mã Phục Ba nói: *«Nghe người lầm lỗi cũng như nói tên cha mẹ mình. Tai nghe nhưng không chịu lập lại. Ai nghe lời lành mà quì lạy, như Vua Võ; ai nghe điều quấy của mình mà vui mừng, như Thầy Tử Lộ. Hạng người như vậy quả thật là người có khí phách Thánh Hiền».*

Phải biết rằng lời nói chẳng lành chưa hại người mà nó đã hại mình, cũng như ngậm máu phun người, trước như miệng mình. Ở đời thường xảy ra nhiều chuyện đòi co là tại mình hay nói. Kẻ sĩ gặp nhau nên nói những lời hữu ích, cùng người già nên bàn lẽ dạy con em; cùng trẻ thơ nên nói lẽ thảo thật, cùng chúng nhơn nên bàn trung tín, tư tưởng. Cường ngôn đoạt lý sẽ có phương hại chánh nghĩa, một lời nói mịch lòng có thể phá hư Chơn đạo. Trang Tử nói: *“Nói một lời lành thì ấm áp, như mặc y phục bằng vải, bằng lụa. Nói một lời có hại như dao đâm mình. Người ở đời chẳng nên lấy sự nói nhiều làm hơn, chớ khá lấy sự vui cười làm điều hay. Một vết thương do dao đâm, dễ lành hơn lời nói dữ. Miệng là cái búa giết người; lời nói là cái dao cắt lưỡi, cho nên người nào giấu lưỡi thật kín thì thân được yên. Người ta trong lúc khốn cùng, nếu khéo dùng một lời nói lành thì có thể cởi mở người trên và để phúc hậu cho kẻ dưới”.*

Được nghe một lời phải cũng như được vàng ngọc. Nghe lời phải vui hơn nghe đồn cấm, đồn sát, cho nên lời

phải quý hơn văn chương, thi phú. Mình ít nói thì người ít bàn soạn đến mình, ít lòng dục thì giữ được Tâm. Thuộc hay đấng miệng, nhưng lợi cho bệnh; lời nói chánh nghe trái tai, nhưng lợi cho việc làm. Có lỗi mà không biết sửa, ấy là che lấp mình. Cũng vì nói mà bị oán thù. Ấy là tự làm cho mình mắc họa. Xảo ngôn thì loạn đức. Kẻ hay trách thiện người ta thì chẳng hay kết bạn vẹn toàn. Người nào hay dung túng mình thì người ấy không hay chữa lỗi lầm.

C. CẢN NGÔN

Một hôm, Đức Khổng Phu Tử vào Miếu đường nhà hậu tặc (trào nhà Châu). Ngài trông thấy một cốt tượng người bằng vàng. Nơi miệng có ba sợi dây buộc, lại thấy phía sau lưng có khắc chữ rằng: *“Đừng nói nhiều, vì nhiều lời nói thì nhiều lầm lỗi; ít bày việc thì ít lo sợ, lúc yên vui phải lo giữ gìn. Đừng tưởng không hại mà lầm. Cái hại nhỏ lần lần hóa ra to. Cũng đừng tưởng chẳng ai nghe mà chẳng sợ, vì lời nói thốt ra nó theo điển lực truyền đi rất xa. Phải giữ gìn khi chưa nói cũng như lửa, khi mới dập tắt, nếu để đến khi cháy bùng thì làm sao được, cũng như nước hồi còn ít phải lo ngăn đón, nếu để khi thành sông rồi thì làm sao được, cũng như cây, khi mới mọc thì phải lo nhổ, nếu để lớn rồi phải dùng rìu búa mà cắt. Cẩn thận là gốc của điều phước. Người quân tử biết thiên hạ không thể tránh hơn được, cho nên hạ mình ở chỗ thấp, biết kẻ chúng hơn chẳng chịu ở sau; cho nên người quân tử lui lại sau. Khiêm cung nhỏ nhẹ, thì người ta mến”*.

Khi về đến nhà, Đức Ngài bảo kẻ Môn đệ rằng: *“Các trò nên nhớ những điều này. Lời ấy quả là chơn ngôn”*.

Vàng ngàn lượng là quý, nhưng chưa bằng một lời

lành. Bởi vì ngàn vàng dễ kiếm, lời Thánh khó tìm. Cầu người tha lỗi, không bằng mình đừng phạm lỗi. Người trí xảo hay luận bàn, người quê dốt ít nói năng. Ai xảo trá nấy nặng nhọc; ai quê dốt được yên vui. Người xảo trá mất Thiên lương (Tánh Trời phú cho), người quê dốt hay giữ được bốn tánh, lành lợi gặp hung dữ; quê dốt gặp hiền lành. Ôi! Phải chi Thiên hạ quê dốt thì ĐẠO ĐỨC hoàng khai đạo để!

Tuy thế mặc dầu, nhưng gặp người đáng nói cũng phải nói. *“Khả dữ ngôn, nhi bất dữ nhi ngôn, thất nhơn. Bất khả dữ ngôn chi, nhi dữ chi ngôn, thất ngôn. Trí giả bất thất nhơn, diệc bất thất ngôn”*.

Nghĩa là gặp người đáng nói mà chẳng nói thì mất người, gặp người chẳng đáng nói mà nói thì mất lời. Kẻ trí không để mất người mà chẳng để mất lời. Đại ý bài này nói rằng tuy chúng ta cần ngôn, cần hạnh; nhưng gặp trường hợp đáng nói thì phải nói. Giữa đám đông người, nếu chúng ta nói ra một lời nói có lỗi thì mặt mày hổ thẹn. Bởi vậy, nên lời nói chẳng khá chẳng dè dặt. Miệng là cửa hại người, nên có câu nói: *“Họa tùy khẩu xuất”*.

D. NÓI HAI ĐẦU

Chuyện người mặc người lo, chúng ta chẳng nên đem việc người nầy học với kẻ nọ mà phải sanh đôi co, cãi cọ.

Giấu sự lành của người là che lấp người hiền, bày việc dữ của người là tiểu nhơn. Nói cái lành của người thì mình vui, như mình đã có điều lành ấy, nói cái dữ của người cũng như mình đã mang việc chẳng lành ấy. Khi người ta chê mình thì đừng nổi giận, khi nghe người ta khen mình thì chớ vội mừng. Khi nghe người ta nói điều

dữ của kẻ khác thì mình chớ vội chê. Trái lại, khi nghe người ta nói cái tốt của kẻ khác thì mình vui mừng hòa theo. Cổ thi có câu:

Chánh văn

*Lạc kiến thiện nhơn,
Lạc văn thiện sự,
Lạc Đạo thiện ngôn,
Lạc hành thiện hành.*

Thích nôm

*Vui thấy người hiền,
Vui nghe việc lành,
Vui nói lời lành,
Vui làm việc lành.*

Nghe việc xấu của người như mình đạp chông gai; nghe việc tốt của người cũng như mình mang bông lan huệ. Đức Khổng Phu Tử nói: “*Đem chuyện đầu này nói đầu kia là tự bỏ Đức mình vậy*”.

Trong sự giao du với bằng hữu, nên lấy điều ngay lành mà bảo thẳng; khéo tìm cách khuyên răn, nếu chẳng nghe thì thôi; chớ dùng chước lấy nhục. “*Trọng cáo nhi thiện Đạo chi, bất khả bất chỉ, vô tư nhục yên*”. (Luận Ngữ).

E. THỦ TÍN

Tránh lời dữ, nói lời lành và cũng phải nói nhỏ nhẹ, lễ phép. Còn khi nói ra rồi phải giữ lời nói của mình. Cổ nhơn nói: “*Nhơn vô tín bất lập*”. Nghĩa là người không được tín nhiệm thì không làm nên được. Lại nói: Người không đức tính cũng như xe không gọng kéo. Xem đó đủ biết thủ tín là quan trọng dường nào?

Đức Lão Quân nói: «*Người quân tử nói ra một lời bốn ngựa khó theo*». Thủ tín là một đức tánh quan trọng trên đường giao tế. Vua tôi thất tín thì nước chẳng yên; cha con thất tín thì nhà chẳng hòa; anh em thất tín thì xa nhau; bạn bè thất tín thì tình giao hảo phải đứt.

Những lời lẽ trên đây chúng ta nghiên ngẫm cho thành thói quen. Thói quen gọi là hạnh, hay hạ đức, rất cần khi xử sự tiếp vật.

TÓM LƯỢC

Trong cõi lòng chưa có vọng động, thì đã có sẵn một điểm Minh đức ngự trị. Nho giáo cho Minh đức là đức của Trời phú cho người. Nó sáng suốt viên thông, có thể cảm ứng với Trời Đất, quán triệt Càn Khôn, tinh thông vạn vật. Giá như người ta giữ được cái đức ấy, để làm ngọn đuốc thiêng, rọi đường cho mình hành động thì ắt người ta được trọn lành. Nhưng có điều khó khăn cho người ở thế gian là vì họ còn phải vật lộn với đời sống vật chất, và còn phải lo tròn những bốn phận làm người. Ấy vậy, nên chúng ta phải thực hiện bốn đức thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí đã kể trước kia, để thay thế cho Minh đức trong lúc đức này chưa xuất hiện hoàn toàn. Thực hiện nghĩa là phải học tập thể nào cho bốn đức thường biến thành hạnh kiểm của mình, và sẵn sàng ứng đối xử sự tiếp vật.

Thứ nữa, phải kiểm điểm lại cách hành động, nói năng và phải sửa lại, nếu có tật hư, nét xấu.

Ở đời, nếu dùng Minh đức để rọi Thiên lý cho mình làm theo cũng như chúng ta dùng một ngọn đèn Trời chiếu diệu từ trên từng lầu trên xuống tận đến đất; rồi thung dung theo đó mà tiến thoái, dầu chưa bằng bậc Chí thiện, song cũng khá vậy.

Nên giữ hành động của mình cho trúng tiết. Và lại, mỗi việc đều có mức thích đáng của nó. Hành động chưa đúng mức, thì việc làm ấy là sai; hoặc quá mức thì việc làm ấy cũng chẳng đúng. Đạo Trời chủ nơi sự điều hòa

của nhị khí Âm Dương. Nếu Dương thịnh quá thì nóng; còn Âm suy quá thì không đủ lạnh để chế ngự nóng, rồi muôn loài phải khô táo. Đạo người chủ nơi Nhân, Nghĩa. Nhân quá thì yếu, Nghĩa quá thì khắc, Nhân thiếu thì ác, Nghĩa thiếu thì bạc. Hành động hoặc thái quá, hoặc bất cập, không đúng mức, thì thiên lệch cả.

Ví dụ: Nấu nổi cơm.

Lấy chùng đó gạo, đổ bao nhiêu nước, chụm lửa bao lâu. Có khi phải nhiều lửa, có khi phải ít lửa. Trong những việc nói đây, nếu có một không đúng mức, thì nổi cơm: hoặc sống, hoặc cháy, hoặc nhão, hoặc khô.

Ví dụ nấu nổi cơm đây, có lẽ dễ hiểu lắm rồi.

Đạo Trời chi phối đời sống người ta bằng sự điều hòa, đúng mức, như đã nói trên. Ấy vậy, nên kẻ học luôn luôn giữ sự điều hòa nơi mình, tức điều hòa Tâm lý và Sanh lý; điều hòa với người nầy, kẻ nọ; từ gia đình ra ngoài xã hội, điều hòa thế nào cho giữ được thế quân bình cần thiết cho sự tấn hóa sanh tồn của mình và của vạn vật.

QUAN NIỆM SỰ TU THÂN

Chúng tôi thể theo sách Đại học: bàn sơ lược sự tu thân, âu cũng giúp một tia sáng vào phần «*Phương châm nhập thế*» của mình.

Cổ nhân rất chú trọng sự tu thân, họ thường bảo nhau: *Từ vì Thiên Tử tới kẻ thứ dân, hạng người nào cũng phải tu thân trước rồi sau mới biết đường làm những bốn phận khác như: Tề gia, trị quốc, và bình Thiên hạ. Sửa mình là gốc đạo làm người; nếu gốc đã loạn thì ngọn không bao giờ yên được.*

Thế mà tu thân là gì?

Phần “*Phương châm nhập thế*” đã nghị luận phép Tam lập (Lập đức, lập công và lập ngôn) cũng như trong sách Đại học nhắc thiên Khang cáo và thiên Thái giáp bảo rằng: “*Khắc mình tuấn đức, giai tự minh dã*”. Nghĩa là sáng cái đức lớn của mình là tự giác, tức tự tu, tự độ vậy.

Vậy chữ “*Lập đức*” đã nói trong phần “*Phương châm nhập thế*” tức là đã thực hành được bốn điều mục của sách Đại học là “*Cách vật, Trí tri, Thành ý và Chánh tâm*”. Công phu ấy, đại để là khám phá, tuyệt trừ nhơn dục, cầu cho bản tâm thanh tịnh vô vi. Hễ Tâm tịnh thì cái Minh đức cũng như lòng Nhân, ung dung phát triển sở năng tự nhiên của nó, chúng ta nương nó để thông cảm với Thiên lý, chủ trương đời sống của mình. Đó là thực hiện câu “*Nhơn dục tận tịnh, Thiên lý lưu hành*”, còn Lập công và Lập ngôn là pháp môn đào luyện Thân căn và Khẩu căn cho được thuần thực, để chúng nó phát biểu trọn vẹn tư tưởng của Minh đức. Làm được như thế tức Thân, Khẩu,

Ý đều khuynh hướng về Chí thiện vậy.

Về cách xử thế, Mạnh Tử bảo rằng: Ở thì nên ở chỗ quảng đại của thiên hạ, đứng thì nên đứng vào địa vị chánh đáng của thiên hạ, đi thì đi trên con đường lớn của thiên hạ. Khi đắc chí thì cùng như sanh noi theo Đạo cả; lúc không đắc chí thì một mình giữ lấy đạo nghĩa của mình. Giàu sang không thay lòng, nghèo hèn không đổi dạ. Sự lập thân hành đạo dầu gian nan cũng đừng thối chí.

Đạo Đức Kinh chương 8 chép lời Đức Lão Tử nói rằng: Bậc Thượng thiện tánh giống như nước. Nước thì hay làm lợi muôn vật mà không tranh. Ở chỗ mà người ta hay chê, tức chỗ thấp, lánh chỗ cao mà tìm chỗ thấp, để lấp đầy những cái gì còn thiếu trên mặt đất: cho nên nói rằng nước hay chọn chỗ thấp; hay chịu chỗ thâm sâu. Xử thế thì dùng lòng Nhân; nói thì trung tín không sai chạy mà làm việc thì hợp với tài năng, cử động thì hợp thời. Ôi! Vì không tranh cho nên không lỗi lầm.

Chúng ta nên biết rằng: *Trời muốn giáng một trách nhiệm lớn lao cho người nào, trước khiến cho khổ tâm chí (trí), mệt nhọc gân cốt, đói rét thể xác, cùng quần thân thể; hễ muốn làm việc gì thì hoàn cảnh khiến gặp điều nghịch lý trở ngại. Trời làm như thế, để kích thích tâm tánh kiên nhẫn của người ấy, hầu có đủ nghị lực xúc hành những việc chưa làm được.* (Cổ Thiên tương giáng đại nhiệm ư thị nhưn dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, nga kỳ thể phu, khống hạp kỳ thân, hành phận loạn kỳ sở vi. Sở dĩ động tâm nhẫn tánh tăng ích kỳ sở bất năng, Mạnh Tử).

Đạo thơ gọi đó là thử thách, cũng như học sinh, sau năm học rồi phải chịu khảo thí rồi mới ban cho cấp bằng.

PHẦN THỨ TƯ

PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ

- **PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ**
- **VẬT**
 - Ngũ uẩn | Danh từ của sự vật
- **THẦN TRÍ**
 - Khai trí
 - Dịch hóa tư tưởng lãng mạn và bài trừ dục tình thấp hèn | Học hành | Định trí
 - Dưỡng thần
 - Đường Triết học | Đường sùng đạo
- **TÂM Ý**
 - Thành ý
 - Ý thức | Mặt na thức | A lai da thức
 - Chánh tâm
 - Trai tâm tiêu cực | Trai tâm tích cực
- **TÁNH KHÍ**
 - Bốn tánh
 - Tồn tánh dưỡng khí
 - Trai giới | Công học | Tâm học
 - Hành động | Vọng động
 - Phép Dưỡng sanh

PHƯƠNG CHÂM XUẤT THỂ

Phương châm xuất thể chẳng phải trốn tránh xã hội loài người mà thật kiến tạo một cuộc sống tinh thần giải thoát ngoài vòng tục lụy, trần ai và chung qui cầu sự giải thoát linh hồn về cõi an nhàn tự tại. Nói tóm tắt là thân thể cũng sống với người và vật trong cõi trần hoàn, nhưng tinh thần đặt ra ngoài vòng tục lụy. Cái yếu điểm của Pháp môn này là Minh tâm, Kiến tánh; hoặc nói rõ ra là hồi hướng về nội giới tâm linh, khám phá những cái gì che khuất tâm linh, cầu cho Phật tánh xuất hiện và thung dung, làm chủ đời sống vật chất của mình. Mà muốn sáng lòng, thấy tánh, chúng ta cần biết tâm tánh ra sao, nhiên hậu sẽ theo đó mà thực tiễn. Chúng tôi thể theo Vương Dương Minh phân tách như sau:

TÂM { TÁNH
Ý
TRÍ
VẬT

Hoặc nói rõ ra là điểm tánh Trời phú cho người là bản thể của Tâm. Vậy Tánh với Tâm, tuy hai danh từ, song vốn một thể. Trong kinh sách Tam giáo có khi người ta gọi Tánh, có lúc người ta nói Tâm. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng Tâm với Tánh là một mà thôi. Cái thực thể ấy hàm xúc đủ mọi lẽ nhiệm mầu của Vô Trụ, nghĩa là nó vốn trọn lành, trọn sáng và biến hóa vô cùng. Nhưng khi người ta nhập thế cuộc, Tâm bị nhục thân lôi cuốn mà phải biến sinh nhiều trạng thái khác; cho nên Vương Dương Minh nói rằng: Tâm phát động, thì trạng thái ấy

là Ý; Trí là bản thể của Ý. Ý ngưng chỗ nào thì chỗ ấy là Vật. Vậy, Tâm là cái thống danh gồm tất cả Tánh, Ý, Trí, và Vật. Bốn chương sau đây sẽ giảng giải chi tiết rộng ra.

- I. VẬT
- II. THẦN TRÍ
- III. TÂM Ý
- IV. TÁNH KHÍ

CHƯƠNG THỨ NHỨT **VẬT**

Chữ Vật đây chỉ vào thân Ngũ uẩn: biết cảm giác; biết giao tiếp với sự vật ngoại cảnh liên đới quan hệ với đời sống của nó. Chính thân này phân biệt tốt, xấu, hơn kém, sướng, khổ và cũng chính cái cảm quan này xúi giục người ta tìm cái sướng và tránh cái khổ.

NGŨ UẨN

SẮC UẨN: Sắc uẩn chỉ về nhục thân có năng lực hay biết phân biệt tốt xấu, hơn kém, phải quấy. Vả lại, nhục thân thuộc về vật chất cho nên khi giao tiếp với sự vật bên ngoài thì nó ứng chịu, cho nên nói rằng: “*Sắc uẩn sanh thọ uẩn*”.

THỌ UẨN: Khi nhục thân ứng chịu sự vật, thì sanh Trí phân biệt, tư tưởng theo đó mà sanh, cho nên nói rằng: “*Thọ uẩn sanh Tưởng uẩn*”.

TƯỚNG UẨN: Có tư tưởng thì có động tác cho nên nói rằng: “*Tướng uẩn sanh Hành uẩn*”.

HÀNH UẨN: Hành uẩn chỉ về sự động tác, về tư tưởng, lời nói và việc làm, cho nên nói rằng: “*Hành uẩn sanh Thức uẩn*”.

THỨC UẨN: Thức uẩn chỉ sự cảm biết, mà hễ cảm biết thì có trí phân biệt. Lòng hiểu ở theo đó mà sanh, rồi thân Ngũ uẩn tùy duyên biến hiện thiên hình, vạn trạng. Đại loại như thất tình, lục dục. Tâm linh, Phật tánh sở dĩ bị lu mờ là vì cái loạn động của thân Ngũ uẩn đó vậy.

Tóm lại: Ngũ uẩn tuy chia làm năm thành phần,

nhưng lúc nào nó cũng liên đới, cấu hợp thành một cuộc sống...

Cái nhơn cách do thân nầy tạo ra gọi là cái “*Ta*”. Duy thức học cho là Giả ngã; bởi vì nó do các nhơn duyên cấu sanh, chớ chẳng có tánh thường trụ. Hễ nhơn duyên hiệp thì sanh, mà hễ nhơn duyên tan thì tử. Cái thuyết “*Vô ngã*” của Phật giáo do đây mà thành lập. Triết học Pháp có câu: “*Le moi est haïssable*”. Cái *Ta* là đáng ghét.

Tại sao cái “*Ta*” (Giả ngã) đáng ghét?

Bởi vì một khi người ta đã cố chấp cái “*Ta*” của mình thì đó đã chỉ riêng biệt một cá nhơn rồi. Cái ý niệm cá nhơn sanh lòng vị kỷ và muốn thân đoạt tất cả của quý, sắc đẹp, quyền cao, lộc cả về cho một mình. Và cũng cái ý niệm cá nhơn ấy, lôi cuốn người ta sống riêng, chớ không nghĩ đến Vô trụ, vạn vật. Đời sống ích kỷ chung quy phải bị loại ra ngoài vạn vật và đó là cái mầm nghiệp quả luân hồi.

Mặc dầu vậy, nhưng nhục thân rất cần cho kiếp hiện tại, để học hành đạo lý cho đến viên thông. Nó là cái võ chõ che Linh hồn, nó là tài liệu học tập trên đường tấn hóa. Trong giới tu hành người ta thường sánh nó cũng như ngựa, chúng ta là người cỡi ngựa. Chúng ta có bốn phận sản sóc nó, nuôi dưỡng nó với những vật ăn uống tinh khiết; áp dụng cho nó những phép vệ sanh cần thiết, ấn định trên nền tảng Đạo pháp. Trái lại, nó có bốn phận phải tuân lệnh của chúng ta. Người và ngựa biết ý nhau, tương đắc nhau thì cuộc hành trình mới được an toàn viên mãn. Các bậc Tiên Phật ngày xưa, cũng nương nhờ nhục thân để tu hành cho đến đắc thành chánh quả.

Nên hiểu rằng: chúng ta là một phần tử của Vô trụ;

chúng ta đã bám thò một sự sống của cái nguồn sống tràn ngập cả Trời Đất kia. Thế nên, lúc nào chúng ta cũng phải hướng về đó, nghĩa là chúng ta phải sống trong luật điều hòa của Trời Đất, mà muốn đi đến kết đích ấy, chúng ta phải điều hòa bản thân của mình trước rồi điều hòa với xã hội loài người, điều hòa với muôn loài vạn vật. Một phần tử của Võ trụ, chúng ta không có quyền sống riêng.

Còn một lẽ nữa là nhục thân thuộc về vật chất, nó phải chịu dưới hệ thống luật tự nhiên: Sanh, già, bệnh, tử. Ấy vậy, nên khi nào nhục thân, vì một lẽ chi mà thò bệnh, thì chúng ta phải tận lực cứu chữa cho kỳ được. Tinh thần sáng khoái chỉ ở tận một bản thân sức khỏe. Đó là nói về “*Giả ngã*”.

Giả pháp là sao?

Tất cả sự vật ở thế gian, Phật giáo cho là Pháp. Vậy thử hỏi vạn pháp từ đâu mà đến và chung qui nó về đâu?

Đạo học quan niệm rằng vạn vật đều do khí Âm Dương, Ngũ hành, cấu sanh hình thể. Khoa học chứng minh rằng: Điện âm, điện dương cấu thành nguyên tử. Nhiều nguyên tử cấu thành tế bào; nhiều tế bào cấu thành vật thể. Danh từ tuy khác, song tựu trung tất cả là một mà thôi, bởi vì tất cả đều do Thái cực sanh ra.

Vậy đủ hiểu mỗi vật đều do nhơn duyên cấu sanh và sống mãi đến lúc nào nhơn duyên tan rã thì chết. Mà hễ vật chết thì những nhơn duyên cấu sanh vật thể kia lại trở về với bản chất tự nhiên của nó, để rồi tùy duyên biến hiện vật thể khác nữa. Suy rộng ra nữa, chúng ta hiểu rằng vật chất vốn vô thường; chúng nó thoát có; thoát không, khi ẩn, lúc hiện, chẳng khác nào hình ảnh vạn

động trên màn chớp bóng. Duy thức học cho vật chất là Giả pháp, vật chất là giả tạm, cho nên chúng ta chỉ dùng nó tương đối với nhục thân, nghĩa là dùng nó để di dưỡng đời sống tạm và làm tài liệu học tập mà thôi; chớ chẳng khá làm nô lệ nó.

Cõi trần tử như một Huệ viên. Khách trần tử như con bướm bay lượn trong Huệ viên, để hút lấy nhụy hoa rồi bay đi, chớ chẳng khá hệ lụy vì kỳ hoa, dị thảo. Hoặc giả chư Pháp đối với kẻ tu hành cũng như chiếc thuyền đối với du khách sang sông. Đành rằng du khách phải cạy thuyền sang sông, nhưng khi sang sông rồi thuyền trở nên vô dụng.

Thì chư Pháp đối với kẻ học đạo cũng vậy, nghĩa là người ta phải dùng chư Pháp để sanh sống học tập, nhưng khi đã có kinh nghiệm rồi không nên chấp Pháp nữa. Bởi vì Ngã tướng và Pháp tướng là hai cái chướng ngại lớn trong khi thực thi Tâm pháp.

DANH TỪ CỦA SỰ VẬT

Danh từ của sự vật cũng là một món trở đương không nhỏ. Chúng ta cũng nên bàn qua cho rõ, để phá mê trong khi khải ngộ.

Nguyên lai mỗi vật có hệ thống của nó, nhưng người ta phân tách nó ra và ghép những mảnh vụn thành một hình thức khác rồi gán cho nó một quan niệm, một danh từ khô khan và cố chấp đó là sự thiệt, là lý chơn. Người đời hay cãi nhau cũng vì những ngại biện ấy.

Chúng tôi xin thể theo sách Phật, thuật chuyện nhà vua hội đàm với một ông Sư để minh chứng danh

từ của sự vật.

Nhà vua đến viếng ông Sư, ông Sư nói:

– *Tâu Kim Thượng, Ngài đến đây bằng chi?*

– *Bằng xe, nhà vua đáp.*

– *Tâu Kim Thượng, có phải thùng là xe không?*

– *Không phải, nhà vua đáp.*

– *Tâu Kim Thượng, hai bánh xe và cặp gong có phải xe không?*

– *Không phải, nhà vua trả lời nữa.*

– *Tâu Kim Thượng, nếu thùng, hai bánh và cặp gong chẳng phải xe, vậy vật chi gọi là xe? Tâu Kim Thượng, nếu phân tách ra, thì chiếc xe vốn do nhiều vật liệu hợp thành, chứ chiếc xe chẳng có thực thể, mà nếu chiếc xe chẳng có thực thể, thì cái danh từ chiếc xe là tiếng nói trống rỗng. Tâu Kim Thượng, những danh từ ở thế gian nguyên lai như thế cả, rồi người ta căn cứ vào sắc tướng mà đặt một cái tên, để phân biệt vật này với vật nọ mà thôi. Như chiếc xe này, nếu ngày nào những vật liệu như: bánh, ví, thùng, gong tan rã thì danh từ chiếc xe hết.*

Còn một thứ danh từ do luật tương đối sanh ra nữa, người tìm chơn lý cũng nên quan tâm suy xét, như Đức Lão Tử nói rằng: Phàm sự vật nào mà người ta nghe thấy, sờ đụng được và cho là đẹp, thì sự vật ấy đã mất hết một phần đẹp. Tại sao? Bởi vì cái đẹp ấy vốn do cái chẳng đẹp mà ra. Giả tỉ như cái “CÓ” với cái “KHÔNG” sanh lẫn nhau, cái “KHÓ” với cái “DỄ” lập thành lẫn nhau; cái “DÀI” với cái “NGẮN” so sánh lẫn nhau; cái “CAO” với cái “THẤP” khuyh đảo lẫn nhau. Hoặc ví dụ như: Ngồi

nhà đã cất rồi thì ngôi nhà phân biệt trước sân và sau hè. Nay như người ta phá ngôi nhà đi, thì cái danh từ trước sân và sau hè không còn nữa.

Vậy, những danh từ của sự vật như đã kể trên là giả danh. Cái giả danh ấy dùng để phân biệt vật này với sự nọ mà thôi, chớ học giả chẳng nên cố chấp.

Nói rút lại: Đến đây chúng ta đã rõ rằng thân Ngũ uẩn của mình, sự vật và danh từ của sự vật ở chung quanh chúng ta, không có tánh thường trụ. Nó hiện ra một thời gian nào đó, rồi nó lại ẩn đi, cho nên chúng ta chẳng khá cố chấp mà phải sa đọa vào chỗ giả tạm.

Cái thuyết Vô ngã, Vô thường của Phật giáo, là một bài thuốc trị bệnh mê chấp của chúng sanh. Chúng ta phải ý hội tận tường và cố vượt lên trên vật chất cảm thông với Đấng Toàn Tri, ngự trị trên ngôn Thái Cực và trong thâm tâm của mình, để lập thành nếp sống hiện tại, thì chung qui mới giải thoát được kiếp sanh tử.

Nhắc lại: «*Cái thuyết Vô ngã, Vô thường*» là một vị thuốc trị bệnh «*Mê chấp*». Khi có bệnh thì chúng ta dùng thuốc để trị. Khi bệnh hết rồi chúng ta cũng chẳng khá giữ thuốc lại, vì hết dùng rồi. Cũng như chúng ta đập gai thì dùng cây gai thứ nhì để lể cây gai thứ nhất. Khi lể được cây gai thứ nhất rồi cây gai thứ nhì cũng vô dụng. Chúng ta chẳng lể giữ vật vô dụng để làm gì?

Xin xem lại phần sách «*Phương châm nhập thế*» rất cần cho sự trau dồi thân Ngũ uẩn.

CHƯƠNG THỨ HAI THẦN TRÍ

Trong người chúng ta có hai quan năng “*Tri giác*” là Thần và Trí. Kinh Dịch nói rằng: “*Thần dĩ tri lai, trí dĩ tàng vãng*”. Nghĩa là Thần để biết việc chưa học; Trí để tích lũy kinh nghiệm. Đức Lão Tử nói rằng: “*Hai quan năng này do một gốc (Tâm) mà ra, nhưng khác tên là Thần và Trí. Cả hai đều huyền diệu, song cái diệu ở trên cái huyền kia là cửa sanh các lẽ nhiệm mầu. Cổ như vậy, nên Tâm thường vô dục (thanh tịnh) thì biết được cái diệu, tức Thần. Còn như Tâm có suy tư thì chỉ biết được cái kiến tức Trí.*” (Thử lưỡng giả đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền, huyền nhi hữu huyền chúng diệu chi môn. Cổ thường vô dục dĩ quan kỳ diệu, hữu dục dĩ quan kỳ kiến. (Đạo Đức Kinh chương 1).

Theo lẽ trên đây mà suy ra, chúng ta hiểu rằng trong người chúng ta có Thần và Trí, để hay biết. Cả hai đều do Tâm mà ra, nhưng chẳng những khác tên mà phương thức khai hóa cũng không giống nhau nữa. Đại để như muốn mở Trí thì phải học vấn, suy tư, tìm kiếm. Kiến văn càng nhiều càng hay; còn muốn tôn Thần thì phải giảm bớt sự học vấn, suy tư. Giảm bớt và giảm bớt nữa cho đến vô vi. Tâm thanh tịnh thì biết được Thần. Sau đây chúng tôi theo lẽ này để nghị luận hai phương thức khai trí và dưỡng thần.

KHAİ TRÍ

Khi người ta nhập thể cuộc, Trí hiệp với cái Thức của thân Ngũ uẩn, khuynh hướng về phạm trần, phóng

túng theo vật chất, mưu cầu sự thỏa thích cho nhục thân; nhưn đó, Trí thu thập những tư tưởng lãng mạn, những dục tình thấp hèn làm cho Thần phải lu mờ. Nay muốn khai trí thì một mặt phải loại trừ những dục tình thấp hèn, dịch hóa những tư tưởng lãng mạn thành một tâm niệm quang minh, chánh đại và một mặt nữa phải mở rộng sự học hành thâm thập đức tốt, hạnh lành thay thế cho những tật hư, nét xấu.

DỊCH HÓA TƯ TƯỞNG LÃNG MẠN VÀ BÀI TRỪ DỤC TÌNH THẤP HÈN

Tư tưởng lãng mạn và dục tình bất chánh do hai lối mà đến: Một là Trí nương theo Ngũ quan giao tiếp với sự vật bên ngoài; hai là Trí tự nó triêm nhiễm tư tưởng của người khác.

*** Về điểm thứ nhất:** Trí nương theo Ngũ quan giao tiếp với sự vật bên ngoài, chúng ta nhờ đó mà học hỏi được điều hay, lẽ phải. Nhưng nếu chúng ta chẳng tự chủ thì Trí thâm nhập tư tưởng lãng mạn, dục tình ích kỷ và chúng ta cứ theo đó trụ lạc vào vòng vật dục nữa.

*** Về điểm thứ hai:** Trí tự nó triêm nhiễm tư tưởng của người khác. Thử hỏi tư tưởng của người khác làm sao đến với chúng ta? Nó đến làm gì? Và phải làm thế nào để ngăn ngừa nó? Đây là cả một vấn đề mà kẻ học phải giải quyết; chúng tôi lần lượt kể như sau:

Kinh Dịch nói rằng: “*Xuất kỳ ngôn thiện, tắc thiên lý chi ngoại ứng chi, xuất kỳ ngôn bất thiện, tắc thiên lý chi ngoại di chi*”. Nghĩa là nói ra một lời lành thì ngoài xa ngàn dặm ứng lành; còn nói ra một lời chẳng lành thì ngoài xa ngàn dặm đối lành ra dữ.

Sở dĩ nói như vậy là vì trong không gian có điện lực tràn ngập cả Võ trụ. Phàm một tư tưởng gì, khi thoát ra khỏi người thì nó tích lũy trong điện lực ấy và tìm đến tư tưởng đồng loại với nó để rồi cụ thể hóa lẫn nhau, thành sự kiện hữu hình. Chính tư tưởng của kẻ khác cũng do điều kiện nầy mà xâm chiếm Trí mình. Nó đến chúng ta với một cách kỳ quặc. Nhiều khi, muốn xô nó, nhưng chúng ta bất lực, rốt cuộc đành để nó xâm phạm Tâm giới mình.

Nói đến đây, chúng tôi nhớ sách chép rằng: Các nhà luyện Trí tinh thuần, giao thiệp với nhau bằng tư tưởng; nghĩa là người nầy ở cách xa kẻ nọ mà họ thông truyền tin tức với nhau bằng tư tưởng. Phương pháp nầy gọi là: “*Thần giao cảm cách*”, hoặc “*Télépathie*” (truyền tâm). Vị Chơn Sư truyền giáo cho đệ tử cũng dùng lối nầy; nhưng có khác là cách thực hiện trong bầu “*Thượng thanh khí*”.

Những lẽ trên đây đủ minh chứng rằng: Tư tưởng của người nầy có thể truyền nhiễm cho kẻ nọ. Giả tỷ: những tư tưởng mà chúng ta nhận được có tinh thần đạo đức tốt lành thì đáng mừng và nên giữ nó lại, còn những tư tưởng chất chứa tinh thần trần tục thì nó kích thích Trí chúng ta sanh ra dục vọng. Dục vọng là điều mà kẻ học đạo phải lánh xa. Thế nên, những loại tư tưởng nầy, chúng ta phải đuổi nó đi. Bởi Trí hay truyền nhiễm tư tưởng bất chánh như vậy, cho nên có người dựa vào lẽ nầy mà cho Trí là một lực lượng phá hại Tâm đạo; nhưng, sự thật, nếu chúng ta biết điều độ biết thực hành trăm tư mặc tưởng thì Trí sẽ giúp chúng ta chẳng ít trên đường học tập.

Lọc lược tư tưởng, tức trừ bỏ tư tưởng bất chánh, những dục tình lãng mạn. Ấy vậy, nên trước khi thâm nạp một tư tưởng nào, hoặc do Ngũ quan đưa vào, hoặc do sự

truyền nhiễm của người khác, chúng ta phải suy nghĩ kỹ càng, xem tư tưởng ấy có ích cho mình, gia đình, xã hội và tất cả nhơn loại chăng? Nếu được như vậy, chúng ta giữ nó làm của mình. Trái lại, nếu tư tưởng chẳng lành thì nên đuổi nó đi xa, thật xa.

NÓI RÚT LẠI:

Trí vốn hay diên đảo; đảo diên, gia dĩ, từ trước nó đã bị triêm nhiễm những tư tưởng bất chánh, những đục tình lãng mạn, như đã kể trên, cho nên nó vốn vọng động thêm hơn. Bởi thế, nên khi chúng ta đang nghĩ việc này thì nó đã đâm ra nghĩ việc khác. Khi đang chăm chỉ làm việc thì nó lơ đãng. Ngạn ngữ gọi đó là “*Đãng trí*”. Khi chúng ta muốn tịnh, thì nó lại động. Thậm chí, trong đêm vắng canh khuya, cảnh vật êm đềm thân thể nghỉ an mà Trí cứ vu vơ tư tưởng. Nay muốn đem nó trở về chánh đạo, một mặt phải kiềm giữ nó ở trong cảnh tịnh; một mặt nữa, phải học hành đạo đức, thâm thập chơn lý, để thay thế cho những tư tưởng bất chánh, đục tình lãng mạn. Lấy cái hay thay thế cái dở, lần hồi Trí sẽ yên lặng đứng vững trong tinh thần đạo đức.

HỌC HÀNH

Học hành sâu rộng, thâm hoạch kiến văn càng nhiều, càng hay. Nên nhớ rằng chữ học hành gồm hai giai đoạn là: học và hành.

Học là quan sát, phân tách sự vật ra từng môn, từng loại, và tổng hợp thành một cái biết, có thống hệ, có mạch lạc. Phép học này gọi là La tập (Lý luận pháp). Cái hay biết gọi là lý trí.

Hành là làm. Học để biết, biết rồi phải làm cho cái biết ấy biến thành Tâm đức, để rồi nó phát xuất ra tư tưởng, lời nói và việc làm. Đó là kinh nghiệm.

Theo Nho giáo, kẻ học phải làm năm việc là: Học, vấn, tư, biện và hành.

- **Học:** Lấy sự tìm tòi làm cho giỏi các việc gọi là học.
- **Vấn:** Lấy sự tìm tòi giải rõ sự ngờ vực gọi là vấn.
- **Tư:** Lấy sự tìm tòi làm thông suốt các thuyết lý gọi là tư.
- **Biện:** Lấy sự tìm tòi làm tinh tường việc suy xét, để giảng giải lại cho rõ gọi là biện.
- **Hành:** Lấy sự tìm tòi hiểu biết làm ra sự việc gọi là hành.

Tuy chia ra năm việc làm, nhưng tổng hợp thì có một lẽ là: thể hợp tâm và lý.

Sự hay biết vốn do Tâm linh, chớ không phải do sự vật bên ngoài. Tâm linh là chủ thể của cái biết. Sự vật bất quá là cái bị biết mà thôi. Thế nên, sự học cần tu dưỡng trí não, nhứt là suy gẫm. Pháp môn này khai mở tâm tư được rộng rãi.

VÍ DỤ: Khi đọc sách, chúng ta thấy một tư tưởng nào đó thì phải gia công suy gẫm. Cách suy gẫm phải phân tách ra từng môn loại; từng khía cạnh, rồi mỗi mỗi đều phải dùng Trí suy gẫm đáo để. Phải tự hỏi, rồi tự trả lời, mãi đến khi nào cái biết ấy không còn cái vả nữa được mới thôi.

Mục đích học hành hoá cải tâm tánh, hầu trở nên thiện mỹ, chớ không phải tầm chương trích cú. Thế nên, kẻ học khi tìm được điều lành thì mạnh mẽ làm theo cho đến thành quả, hoặc chọn được điều chẳng lành thì phải

tận lực trừ khử cho thật sạch. Công phu lâu ngày thì Trí trở về cảnh chơn và sẽ cường kiện sáng suốt.

ĐỊNH TRÍ

Định trí là một công phu giúp cho sự học hành mau tiến. Và lại, Trí là một quan năng đứng ở giữa giác quan và Chơn thần. Bên trong vô vi thì nó thông công với Thần minh, để truyền Thiên lý ra ngoại giới. Bên ngoài nó trực tiếp với cái Thức của thân Ngũ uẩn, thành thử, Trí tuy bản thể «Chơn», nhưng nó cũng bị cảm nhiễm một phần «Vọng» của cái «Thức». Ấy vậy, nên chúng ta cần phải tịnh định làm cho Trí hườn nguyên bản thể thanh tịnh của nó. Phương pháp đó gọi là «*Định trí*» kể như sau:

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Định trí là chăm chú vào một vật nào đó, để rồi có thể phát họa vật bằng tư tưởng ở trong ký ức. Hoặc nói cách khác là tập trung tinh thần vào một quan niệm chi đó rồi giữ chặt nó.

Khi bắt đầu chế ngự Chơn trí, chúng ta cũng bắt đầu chạm trán với những chướng ngại vật ở trong tiềm thức.

Nguyên những tư tưởng và dục tình lãng mạn, như đã kể trên kia khi đã triêm nhiễm vào Trí thì Trí dùng bộ não và Thần kinh làm trường vận động để trực tiếp hoạt động với sự vật bên ngoài. Khi cơ duyên bên ngoài hết thì nó lặng vào trong tiềm thức ở ẩn, để rồi xuất hiện hoạt động nữa, nếu có cơ hội thích ý. Nhiều lần hành động như vậy thì trí não và thần kinh có thói quen «*vọng động*». Nay chúng ta thực hành phép định trí thì thói quen «*Vọng động*» này là một trở lực không nhỏ.

Chúng tôi xin đề cập ba pháp môn của Phật giáo là:

- Giới
- Định
- Huệ

GIỚI: Trì giới có nhiều bậc như: Ngũ giới, thập giới, cụ túc giới v.v... Trì giới nghiêm trang thì thân khẩu ý đứng vững trên đường Chánh đạo.

ĐỊNH: Làm chủ lục căn, lục trần, lục thức và hồi hướng về nội giới tâm linh khám phá, bài trừ phần Vọng; tôn dưỡng phần Chơn vững vàng, đó gọi là Định.

HUỆ: Suy gẫm đạo để sự lý ngoại giới Vô trụ và nội giới Tâm linh, tinh thần sáng suốt. Biết đâu là vọng, đâu là chơn, mỗi mỗi tánh tướng sự vật đều phân biệt tinh tường. Được cái biết vô ngại, chẳng còn mê chấp, ngộ nhận nữa, đó gọi là Huệ.

Tóm lại: Giới, Định, Huệ thành toàn lẫn nhau; nhưt là Định và Huệ tương liên rất mật thiết. Có Định mới có Huệ; có Huệ mới có Định. Định và Huệ tiến hành song song và điều hòa thì mới có thành công kết quả. Trái lại, nếu Định nhiều mà Huệ ít thì bị hôn trầm, còn Huệ nhiều mà Định ít thì sanh tán loạn.

Theo Phật học, công phu: Giới, Định, Huệ viên mãn thì Bát thức sẽ biến thành bốn Thánh trí như sau:

1. Thành sở tác trí: Ngũ thức, khi phóng túng theo vật chất thì sanh tư tưởng trần tục làm rối loạn Tâm linh, nay hành giả bỏ Vọng về Chơn thì nó phản bổn hoàn nguyên mà thành "*Thành sở tác trí*". Trí này hay giúp chúng ta làm tròn bổn phận mình, với một cách quang minh chánh đại.

2. Diệu quan sát trí: Ý thức vọng động sanh ra tình dục, nay hành giả hướng về Thiên lý bỏ Vọng, tồn Chơn thì ý thức trở về nguyên bản của nó và biến thành «*Diệu quan sát trí*». Trí này xem xét sự vật với cách tinh tường thấu đáo.

3. Bình đẳng tánh trí: Mạt Na thức ngoài nương ý thức; trong cây A Lại Da thức rồi ngấm ngấm, tư lương, phiền não. Nay trong ngoài đã an tịnh và những tư tưởng phiền não cũng đã tuyệt diệt thì Mạt Na Thức biến thành “*Bình đẳng tánh trí*”. Chúng ta nhờ trí này mà thực hiện được sự Từ bi, Bác ái, Công bình.

4. Đại viên cảnh trí: A Lại Da thức là cái kho tàng tích trữ những Tà kiến, Ác kiến, thành kiến hủ lậu. Những chướng ngại vật tế tắc Tâm linh làm cho chúng sanh lạc nẻo, lầm đường. Nay hành giả đã thâm nhập vào trong: khám phá và bài trừ những tâm tướng ấy thì A Lại Da thức biến thành “*Đại viên cảnh trí*”, là một năng lực Trực giác sáng suốt quang minh. Hễ sự vật đến thì nó cảm thông mà biết được sự vật toàn diện đến chỗ tinh vi. Đó là phép “THẦNHÓA” và là một trạng thái Huệ trí trong sạch viên dung đứng ở giữa Thiên lý và Nhơn dục.

Công phu định trí phải liên tục thực hành và tinh tiến. Nói tỉ như người kia có bệnh kinh niên, nay mới dùng một vài thang thuốc mà muốn mạnh cấp kỳ sao được? Phương pháp thực hành bất luận trường hợp nào cũng có thể làm được. Ngoài giờ Thiền định, trong khi làm việc hằng ngày, chúng ta đặt Trí chăm chỉ vào việc làm và cố gắng làm việc kỹ càng. Trong khi làm việc, nếu Trí xao lãng thì mau đem nó trở về chỗ nhứt định. Mặc dầu, làm việc, hay ở không, hay tham thiền, lúc nào cũng

giữ lòng bình tĩnh, an vui, tự chủ, không ưu phiền, không phóng túng mà cũng không khổ khắt.

Định trí là một phương thức ổn định Trí và dẫn dắt nó theo Đạo pháp, và từng lịnh Chơn ngã. Một khi tư tưởng được lọc lược, Trí được điều hòa thì Trí sẽ ứng dụng tiếp nhận Thiên lý và thực thi trong đời sống thực tế. Đó là thể hiện Thiên Đạo thành Nhơn Đạo.

Nên nhớ rằng công phu Định trí không phải cưỡng bách tinh thần và vật lực, mà trái lại, phải thả nhiên mà làm; không nên bó buộc hơi thở, không nên làm căng thẳng thần kinh; bởi vì làm như vậy là nhọc mệt thân thể và bế đường di chuyển Thân lực. Trong giờ tham thiền cũng như khi rảnh rang, lúc nào cũng nên thả lỏng gân cốt, thần kinh và Thần khí.

Khi mới bắt đầu tập Định trí không nên hành công quá 5 phút, đến khi quen rồi sẽ tiến lên 10 phút, 20 phút v.v... Tham thiền mà có nhức đầu là triệu chứng không tốt. Ấy vậy, chúng ta phải đề phòng. Chơn khí có liên đới quan hệ với Trí, nó luôn luôn thay đổi theo tánh cách của tư tưởng. Sự thay đổi ấy, nếu xảy đến mau chóng quá thì có hại sức khỏe. Thế nên, sự trầm tĩnh rất cần.

Lý trí tuy không lột trần được Chơn lý tuyệt đối; nhưng nó rất cần cho đời sống hiện tại, bởi vì sự hiểu biết của nó thực tế, như hai với hai là bốn, không hơn, không kém.

Theo luật Nhơn quả, ở thế gian chẳng có Quả nào mà không có Nhơn, mà cũng chẳng có Nhơn nào không Quả. Ấy vậy, nên công phu Định trí của chúng ta được bao nhiêu thì sự sáng sửa của chúng ta cũng được bấy nhiêu.

DƯỠNG THẦN

THẦN là một điểm Linh quang chí chân, chí thiện, chí mỹ, Trời phú cho người. Nhắc lại: Khi Đức Chí Tôn sanh hóa loài người thì Ngài phú cho mỗi người một điểm Linh quang ấy, ai cũng như ai: ở nơi Thánh, nó không thêm, ở nơi phàm, nó không bớt. Thế mà Thánh phàm khác nhau chỉ vì Thánh biết tôn dưỡng, còn phàm thì buông lung. Nay muốn đem Thần phản bốn, hườn nguyên bản thể tự nhiên, chúng tôi xin đề cập phép “*Dưỡng thần*” sau này.

Bây giờ, chúng ta nên bàn trước cho rõ chữ Thần rồi sau sẽ thực hành phép Tôn dưỡng.

Chữ Thần nói đây Vương Dương Minh gọi là Lương tri, rồi ông nói rằng: “*Tâm chi bản thể tức Thiên lý dã; Thiên lý chi chiêu minh linh giác sở vị Lương tri*”. Nghĩa là: Bản thể của Tâm là Thiên lý. Cái chiêu minh linh giác ở trong Thiên lý gọi là Lương tri.

Vậy Lương tri (Thần) ở trong Thiên lý tức là Tánh bản nhiên của người. Lúc nào nó cũng tự nhiên, tự tại, không tìm biết cái gì, nhưng cái gì cũng biết, “*Vô tri nhi vô bất tri*” cũng như mặt Nhật không định chiếu ở đâu, nhưng chỗ nào cũng sáng.

Phật giáo gọi cái Linh giác này là “*Trí bát nhã*” và giảng đại lược rằng: “*Trí bát nhã*” rộng lớn, châu biến khắp Pháp giới, dùng nó thì thông suốt mọi lẽ. Tất cả đều gồm về một mối, tới lui tự do chẳng hề ngưng trệ. Nó tiềm ẩn trong cảnh vô sắc, vô danh. Lý luận, ngôn ngữ không thể trạng tỏ cái bản thể nó được.

Nói rút lại Thần minh, Lương tri, Trí bát nhã là một Linh giác tự nhiên mà có, chớ chẳng phải nhờ học vấn,

suy luận để khai mở như trí thức, nó cảm thông, quán xuyên Càn khôn, vạn vật. Cái biết ấy cũng như Trực giác của khoa Triết học cận kim; tức là cái biết tổng quát, toàn diện, không phân biệt khách quan, và chủ quan, không phân biệt năng tri và sở tri, không phân biệt chủ thể của cái biết và vật bị biết. Cái biết ấy nếu thêm thì thừa; bớt thì thiếu, thật là cái biết tròn trịa, vẹn toàn không khuyết điểm. Cái Linh giác ấy lúc nào cũng ngự trị trong cõi lòng thanh tịnh, tức chưa có mừng, giận, thương, vui phát động. Tâm trạng ấy, Nho giáo gọi là Trung. Còn khi có tư duy mà trúng tiết thì trạng thái ấy gọi là Trí ở trong cảnh hòa. Trung là gốc lớn trong thiên hạ, Hòa là con đường thông suốt đại lý trong thiên hạ. Hoặc nói cách khác: Tâm tịnh thì Thần chủ trương Thiên lý; còn Tâm động thì Trí suy gẫm tìm hiểu Thiên lý lẫn lộn trong Nhơn dục và đem cái biết ấy về với Thần. Thế đủ biết Thần và Trí chủ trương hai lãnh vực khác nhau là vô vi và hữu vi. Chúng tôi đề cập hai đường tu sau đây:

- A. Đường Triết học
- B. Đường sùng đạo

A. ĐƯỜNG TRIẾT HỌC

Theo đường Triết học, kẻ học phải không còn giận ghét; không còn ham muốn vật chất, trừ bỏ mọi sự ưa thích, mọi sự luyến ái. Bỏ tất cả việc giả tạm mà khuynh hướng theo cái bất diệt, như linh hồn bất sanh, bất tử chẳng hạn. Cố vượt lên cõi tuyệt đối tìm Chơn lý toàn diện; không nên cố chấp việc nhỏ mọn, hẹp hòi. Tâm hồn luôn luôn tự nhiên, tự tại, không điêu đảo, không ủy mị. Lo lắng giúp đời; vì lòng Từ bi, chớ chẳng phải vì

lòng ích kỷ, tư lợi. Không mong hưởng kết quả việc mình làm; giúp người chẳng cầu trả ơn. Lấy đức báo oán, lấy lễ hòa người. Không quan tâm đến sự buồn vui, vinh nhục, mà luôn luôn hồi hướng về nội giới tâm linh tìm kiếm bổ khuyết, những cái gì mình còn thiếu. Cửa lòng khép chặt, Tâm thần bình tĩnh, cũng như ngọn đèn, tránh khỏi trận cuồng phong.

Tinh thần luôn luôn đặt vào lòng Thượng Đế và thể theo Đức háo sanh của Trời mà thương yêu muôn loài, vạn vật và tùy phương tiện chở che giúp đỡ chúng nó theo nguyên tắc “*bóa dục quần sinh*” của Đức Thái Cực Thánh Hoàng, tức Thượng Đế.

B. ĐƯỜNG SÙNG ĐẠO

Ở đây, thay vì loại trừ tư tưởng lãng mạn, chúng ta lại tập trung tinh thần về một mối và chiêm ngưỡng Đấng Thiêng Liêng mà chúng ta đã sùng bái. Ví dụ người Tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mắt cứ nhìn thẳng vào Thánh tượng Thiên Nhân và lòng cứ tưởng niệm danh hiệu Đức “CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ”, hoặc tưởng niệm danh hiệu của một vị Phật, vị Tiên, hay vị Thánh nào. Người Tín đồ tưởng niệm vị Giáo chủ lâu ngày thì họ sẽ hái được hai kết quả một lượt:

Kết quả thứ nhất: Danh hiệu mặc niệm kia làm chữ thoai đầu định trí lâu ngày nó biến thành một tâm niệm rõ ràng, ngự trị trong lòng rồi những Tà niệm không có chỗ xen vào được. Thế là Tâm được yên lặng.

Kết quả thứ hai: Người đệ tử thường thông công với Đức Thầy mình, lần hồi linh hồn sẽ dần dĩ, để rồi lãnh hội sự cảm hóa và sự truyền thọ ở giữa Thầy và Trò

được dễ dàng hơn.

Con đường sùng đạo rất tiện cho người học, nhưng nó đòi hỏi phải có đức tin sâu xa, vững chắc và công phu liên tục. Bởi vì thay vì loại trừ dục vọng, chúng ta đem lòng tín ngưỡng thay thế. Công phu có lẽ dễ hơn nhưng nó đòi hỏi nhiều ngày giờ.

Dẫu theo đường Triết lý hay Sùng đạo, đến công viên thì cái thành quả đều như nhau.

Đạo Đức Kinh chương 1 nói rằng: «*Thường vô dục dĩ quan kỳ diệu*», nghĩa là không động Tâm thì thấy được cái diệu, tức Thần. Đại khái nói rằng: muốn đến nơi Thần ngự trị thì phải giữ lòng thanh tịnh tức vô dục.

Sau đây, chúng tôi thể theo Phật giáo giảng giải sơ lược một câu “*Bát nhã Tâm kinh*” âu cũng giúp thêm một ánh sáng về Tâm Vô dục:

Ngày xưa, có một vị Bồ Tát tọa thiền, trong khi ông tự tại quán tưởng được lâu lâu rồi ông giác ngộ cái lý Chơn không trong Thần sắc và Cảnh sắc.

Thế mà Sắc thân và Sắc cảnh là gì. Và lý Chơn không ở trong Sắc thân và Sắc cảnh ra sao?

Sắc thân: Sắc thân chỉ về thân Ngũ uẩn. Tuy thân ấy có hình thể, nhưng nó vốn do tinh cha, huyết mẹ và cái Thức của mình cấu sanh. Cổ nhơn gọi nó là thân “*Trần cấu*” tức nó do nhơn duyên ở cõi Trần cấu sanh. Nhơn duyên hiệp thì nó sanh. Nhơn duyên tan thì nó tử. Sanh ký tử qui, chớ chẳng có tánh thường trụ. Bồ Tát quán tự tại giác ngộ cái lý Chơn không là lẽ như vậy.

Sắc cảnh: Sắc cảnh chỉ về sự vật ở đời (Pháp), nó

có hình tướng màu sắc là do Tứ đại (Địa, Thủy, Hỏa, Phong) cấu sanh, cho đến ngày nào Nhơn duyên ấy tan rã thì hình tướng màu sắc của Pháp trần cũng hết, chớ Sắc cảnh chẳng có tánh thường trụ; Bồ Tát quán tự tại giác ngộ cái lý Chơn không cũng vì lẽ như vậy.

Sắc thân và Sắc cảnh là không. Chính cái lý “*Vô thường*” và “*Vô ngã*”⁽¹⁾ ấy là vị thuốc trị bịnh mê chấp của chúng sanh. Nay hành giả biết phép Chỉ quán như vị Bồ Tát đã nói trên thì hành giả sẽ không còn cố chấp “*Ngã tướng, Nhơn tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng*” nữa.

(1). **Phật giáo dùng các lý Vô thường, Vô ngã** để đánh thức lòng mê chấp của chúng sanh, nhưng sự thật thì đối với chúng sanh “*Sắc thân và Sắc cảnh*” còn hữu dụng trong kiếp hiện tại để học tập trên đường Tấn hóa. Vậy, Vô thường và Vô ngã là vị thuốc trị mê chấp. Hễ có bịnh thì dùng thuốc, khi bịnh tiêu tan rồi cũng không nên giữ thuốc lại, bởi vì «*vô*» và «*hữu*» là tương đối lưỡng biên, chớ không phải Trung Đạo của Phật giáo.

Ngoài phép Quán tưởng, để đả phá những tướng mê chấp ở trong chỗ sâu kín, mà ngay bây giờ học giả cũng phải tịnh tâm nữa. Tại sao? Bởi vì Thần ở trong cõi lòng vị phát chi trung, nghĩa là chưa có mừng, giận, thương, vui phát động. Mà muốn Tâm tịnh chúng ta phải điều chỉnh nếp sống của mình, nghĩa là thay vì ham mê vật chất, tranh đua hơn thiệt trên đường danh lợi, chúng ta nên xem Thế giá bên ngoài là giả tạm, xóa bỏ đời sống vật chất, hồi hướng về nội giới tâm linh, thực hiện cái thuyết vô ngã; vô thường để trừ hẳn tật ích kỷ, hẹp hòi, mở rộng lòng vị tha, bác ái, bắt ý thức hệ của mình vào trong nguyên lý “*Thiên Địa chi Đại đức viết sinh*” để thực hành, thực nghiệm và thực hiện. Hễ Tâm tịnh thì Thần an.

Tuy nói rằng: *Kẻ học phải đặt mình vào cảnh Chơn không để dưỡng Thần; nhưng Chơn không đầy chẳng phải khô khan như cây, như đá; mà thật phải có cái Chiêu minh Linh giác tức Thần, chủ trương bên trong.* Thần ở trong Tâm thanh tịnh vô vi cũng như ông chủ nhà ngự trị trong căn nhà bằng pha ly lau chùi, tắm tước sạch sẽ.

Nếu có kẻ gian đến thì người chủ nhà trông thấy liền, thì Thần ở trong Tâm thanh tịnh vô vi cũng vậy. Nếu có Tà kiến, Ác kiến manh nha thì nó biết và ngăn ngay, chớ không cho phát hiện hình tướng. Đơn kinh bảo rằng: Thần phải rình Vọng thức cũng như mèo rình chuột. Chuột đến thì mèo bắt, cũng như Vọng thức manh nha thì Thần phải ngăn liền.

Mặc, mặc, mặc, vô lượng Thần Tiên từng thử đắc; nhưng chúng ta còn cần phải khai thông đường Tấn hóa của mình. Ấy vậy, nên chúng ta cũng cần dùng Chơn trí mà tìm tòi Thiên lý còn lẫn lộn trong Nhơn dục, để bồi bổ cái biết của mình cho đến toàn giác, toàn tri.

Nhưng cách hoạt động của Chơn trí lúc nào cũng phải lấy Thần làm chủ động, dùng Đạo pháp làm phương châm, khiến cho Thần Trí điều hòa cũng như máy Âm Dương Trời Đất. Hễ động thì nứt bốn tán vạn thù, hễ tịnh thì vạn thù phục ư nứt bốn. Phải chăng đây là cái lý “*Nứt dĩ quán chi*” của Đức Thánh Sư Khổng Phu Tử.

CHƯƠNG THỨ BA **TÂM Ý**

Tâm là chủ thể của thân thể; Tâm muốn hành động thì thân thể phải tuân theo. Thế mà Tâm ra sao? Tâm vốn tịnh là Tánh Trời phú cho. Nhưng khi người ta nhập thế cuộc, thân cảm nhiễm vật chất rồi thân lôi cuốn Tâm làm cho Tâm phải động; mà Tâm động thì trạng thái ấy gọi là Ý. (Tâm chỉ phát động tịnh thị Ý – Vương Dương Minh). Ý hiệp với cái Thức của Thân ngũ uẩn để tạo một nếp sống hiện tại thì Ý khuynh hướng về phàm trần, phóng túng theo vật chất mưu cầu sự thỏa thích Nhân thân thì Ý sanh dục vọng. Đó là mối loạn Tâm đó vậy. Phép “*Thành ý và Chánh tâm*” sau đây sẽ giải quyết vấn đề ấy.

I. THÀNH Ý

Ý khi hòa hợp với cái Thức của Thân ngũ uẩn thì nó khuynh hướng về phàm trần, phóng túng theo vật chất, mưu cầu sự ích lợi cho nhục thân; như đó mà Ý sanh vọng động và ham muốn vật chất. Tình dục sôi nổi làm loạn Tâm cũng vì Ý vọng động đó. Thành ý nghĩa là sửa ý trở nên Chơn thật. Bởi chữ Thành nghĩa là vô dục, tức trừ tuyệt sự ham muốn vọng động của Ý gọi là Thành Ý, và cũng vì thế nên chữ Thành Ý cũng có nghĩa là cảm hóa Ý trở về với Tâm thanh tịnh vô vi.

Ý tuy có một danh từ, nhưng sự động tác của nó có bảy thức khác công đồng hiệp tác, thành ra Bát thức là: Nhân thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Ý thức, Mạt na thức và A lai da thức. Muốn được dễ bề giảng luận, chúng tôi xin tạm chia ba đoạn như sau:

- Ý thức
- Mạt na thức
- A lai da thức

Ý THỨC LÀ THỨC THỨ SÁU

Ý thức sở dĩ phát sanh là do năm thức ngoài thông truyền Pháp trần (sự vật ngoại giới) vào nó. Ý thức chấp lấy Pháp trần ấy rồi phân biệt tốt xấu, hơn kém, lành dữ. Lòng hiếu ố theo đó mà sanh. Lòng hiếu ố, nếu người ta không kềm hãm được thì ý thức chạy rong ra ngoài, khiến người hóa theo vật, nghĩa là lúc bấy giờ người ta cứ theo lòng hiếu ố mà hành động. Xin xem ví dụ kể đây:

Ví dụ thứ nhất: Khi người ta gặp cảnh không vừa ý thì hờn giận, oán ghét, buồn khổ và lo tránh xa cảnh ấy.

Ví dụ thứ hai: Khi gặp sự vật thích ý thì ham muốn, triu mến, rồi lo làm thế nào cho sự vật ấy về tay mình. Nếu được thì vui mừng và sợ mất, sợ hư mà phải gìn giữ, săn sóc. Trái lại, nếu thất vọng thì đâm ra thù hiểm, oán giận. Những tưởng lượng lực này biến hóa thiên hình vạn trạng kể không xiết. Kinh Phật gọi tóm tắt là Thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét và muốn) và Lục dục (muốn sắc, muốn thanh, muốn hương, muốn vị, muốn xúc và muốn pháp).

Thất tình và lục dục tùy bên ngoài mà hiện sinh, như chúng ta thấy có người đương vui mà bỗng nhiên buồn; đương giận mà bỗng nhiên thương; đương yêu mà bỗng nhiên ghét. Những tư tưởng ấy hoạt động sôi nổi đến khi hết cơ duyên bên ngoài, thì nó tạm yên và biến thành những dấu vết tinh vi và theo *Truyền thống thức*

là thức thứ bảy, vào ấn não trong *Hàm tàng thức* là thức thứ tám, và chờ cơ duyên khác dạng xuất hiện, tác động nữa và cứ thế mãi mãi.

MẠT NA THỨC LÀ THỨC THỨ BẢY

Mạt na thức cũng có tên là ý căn. Bởi vì ý thức dựa vào nó mà hiện sanh. Duy thức học bài số năm chép rằng:

Thử dĩ nhị năng biến.

Thị thức danh vi Mạt na.

Y chỉ chuyển duyên hi.

Tư lường vi tánh tướng.

Nghĩa là cái năng lực biến hóa thứ hai tên là Mạt na thức, nó mượn thức thứ tám làm đối tượng để suy nghĩ. Tư lường là tánh tướng của nó. Phạm sự của nó là thông truyền chánh niệm của Tâm linh ra sáu thức ngoài để thực hiện đạo đức và nó cũng có phạm sự khác là truyền tống những Tà kiến, Ác kiến ở ngoài vào trong Hàm tàng thức để cất kín. Nó vốn ý lại vào thức thứ tám, cho nên nó cố chấp cái thân của A lai da thức, tức thân Ngũ uẩn, làm chơn thật và trường tồn để tư lường.

Duy thức học bài số 6 chép rằng:

Tứ thường não thường câu.

Vị ngã si, ngã kiến.

Tịnh ngã mạn, ngã ái.

Cập dữ xúc đẳng câu.

Nghĩa là bốn căn phiền não thường vấn vít lẫn nhau, là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái cùng với các sự xúc động khác như: tham, oán, si, ái nối tiếp lẫn nhau mà làm rối

loạn Tâm linh. Tham, sân, si, ái đã nghị luận rồi, bây giờ chúng tôi xin bàn bốn căn phiền não.

1. Ngã si: Ngã si nghĩa là mê muội, không biết bốn tánh chơn thật của mình, rồi nhận cái giả làm cái chơn, và đối với lẽ Đạo: không biết Vô trụ, Nhơn sanh là gì mà bướng bỉnh cho là quán thông Chơn lý.

2. Ngã kiến: Ngã kiến nghĩa là chấp lấy ý kiến của mình là Chí thiện, rồi chẳng học hỏi chi nữa. Kinh Phật chép chuyện bọn người mù xem voi: Người thứ nhất sờ đuôi voi, rồi bảo rằng voi giống cây chổi; người thứ hai sờ chân voi, rồi bảo rằng voi giống cây cột, mỗi người quả quyết cái biết của họ là đúng chớ không sai lầm nữa, người sáng nghe thấy bọn mù thì buồn cười. Thế mà họ hiu hiu tự đắc. Người đời, nếu căn cứ theo cái mê lầm của Mạt Na thức để nhận định sự vật (Chư Pháp) thì chẳng khác nào nhóm người mù biết voi.

3. Ngã mạn: Ngã mạn, nghĩa là bướng bỉnh, khoe khoang tự cho mình là tài trời, hơn tất cả mọi người.

4. Ngã ái: Ngã ái nghĩa là chỉ biết có mình là quý trọng, tài cao, đức rộng, không ai sánh bằng và muốn mình được tôn sùng và sống mãi.

Nói rút lại, Mạt Na thức có tánh si mê, bướng bỉnh, nó chấp lấy nhục thân là cái Ngã chơn thật rồi theo đó mà hoạt động nói tỉ như khi thức nó bắt chúng ta chạy tẩn, chạy sở cầu sự ích lợi, thỏa mãn nhục thân. Còn khi chúng ta ngủ, nó lại bắt chúng ta mê tít đi, mặc dầu, thân thể này còn nằm trên giường ngủ, nhưng nó bắt chúng ta làm thân khác. Nếu mộng làm thân giàu sang thì lên xe, xuống ngựa và sống một cuộc đời Vương giả. Còn như

mộng làm thân nghèo hèn thì rách rưới lang thang đi theo đầu làng xóm chợ. Ông Trang Tử thuật lại rằng: *Xưa kia ông nằm mộng thấy ông là bướm. Lúc bấy giờ, ông hơn hờ làm bướm với một cách thích thú. Mãi đến khi bừng tỉnh dậy mới hay rằng nhục thân của ông vẫn còn nằm trên giường ngủ. Ông tự nghĩ: Không biết Trang Tử mộng ra bướm, hay bướm mộng ra Trang Tử.*

Thật Mạt Na thức khiến người ta ngộ nhận cái giả làm cái chơn. Nếu người ta không nghĩ lại thì cái ngộ nhận ấy sẽ xô người ta vào trong phép Luân hồi chuyển kiếp vô cùng tận.

A LAI DA THỨC LÀ THỨC THỨ TÁM

A lai da thức là biến thể của Tâm linh, thành thử, khi còn thanh tịnh thì nó sáng suốt. Phật học thí dụ nó cũng như biển giác, một màu trong sạch, toàn thể viên minh. Lúc bấy giờ nó ra lệnh cho nhục thân hành động theo Thiên lý. Nhưng về sau, nghĩa là thân Ngũ uẩn bị nhiễm trần, lôi cuốn nó biến thành một trạng thái khác, mang danh là thức thứ tám. Nó là căn bản của bảy thức kia và chung qui nó vẫn giữ cất kín những vọng thức ở ngoài truyền vào, cho nên nó cũng có tên là Hàm tàng thức.

Sự hàm chứa của A lai da thức như vậy: Nguyên những tư tưởng ở trong ý thức, tùy cơ duyên bên ngoài mà động tác, mãi đến khi hết cơ duyên bên ngoài thì nó biến thành những dấu vết cực nhỏ, cực vi và theo Mạt na thức vào ở ẩn trong A lai da thức, chờ cơ duyên khác động phát xuất động tác nữa. Mà mỗi một lần xuất hiện động tác rồi, lúc trở vào thì những dấu vết cực vi, cực nhỏ ấy lại thâm thập thêm một phần sức mạnh nữa. Tích thiếu

thành đa, cho nên từ muôn vàn kiếp quá khứ đến nay, những hạt giống Vọng thức tích lũy trong thức thứ tám không biết đâu mà kể cho hết. Cũng vì lẽ ấy nên A lai da thức cũng có tên là Chủng tử tạng, tức cái tạng chứa đủ các thứ hạt giống để sanh hóa.

Nên hiểu rằng: Hạt giống nói đây không phải vật chất như hạt đậu, hạt mè, mà thật là một sức mạnh vô hình có đủ cơ năng tùy duyên biến hiện. Sức mạnh này khi người ta còn sống thì nó ở ẩn trong Trạng chủng tử và tùy cơ hội sanh hoạt, cầu sự ích lợi cho thân Ngũ uẩn. Còn khi tử hậu nó là hạt giống sanh thân Ngũ uẩn cho kiếp vị lai và cứ thế mãi, cho nên gọi nó là hạt giống sanh kiếp luân hồi.

Nay muốn giải thoát kiếp luân hồi thì phải tuyệt diệt cái nguyên nhân sanh nó là nghiệp “*Vô minh*”. Khi nào hết si mê thì chúng ta không còn ham mến việc phi đạo nữa. Như thế thì tình dục không có chỗ nương để sanh. Đó là chỗ mà sách Đại học bảo rằng: *Muốn Chánh tâm phải Thành ý trước*.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Thành ý cốt yếu phải làm chủ được Lục căn, Lục trần, Lục thức. Làm chủ được 18 sở này, tức là hàng phục được ý thức. Rồi chúng ta còn phải hồi quang phản chiếu về nội giới, để bứng gốc, bứng rễ những Vọng chấp ở trong thức thứ bảy và thức tám như: tật hờ, nét xấu, thành kiến hủ lậu, nhưt là “*Ngã tướng*” và “*Pháp tướng*” còn ẩn núp trong Tiềm thức giới.

Về phương pháp thực hành, mời quý ngài cùng chúng tôi tham khảo học lý truyền thông từ xưa như sau:

Đạo Đức Kinh chương 15 nói rằng:

*Năm màu sắc làm chóa mắt người ta,
Năm âm thanh làm điếc tai người ta,
Năm vị ăn làm tê tái lưỡi người ta;
Sự dung rủi sẵn bản làm loạn lòng người ta.*

Báu vật mắc tiền khiến người ta hành động trái đạo đức.

Lẽ như vậy, nên Thánh hơn theo Tâm mà chẳng theo nhĩ mục.

Đức Khổng Phu Tử bảo: “*Khắc kỷ phục lễ*” nghĩa là ép mình theo lễ đạo như:

*Mắt đừng xem hình sắc của vật phi lễ;
Tai đừng nghe lời phi lễ;
Thân thể tứ chi đừng hành động phi lễ;
Miệng đừng ăn nói phi lễ.*

Quả thật vậy, nếu ngũ quan không vượt theo sự vật phi lễ thì ý sẽ được thanh tịnh.

Phật giáo dạy: “*Bất tùy phân biệt*”. Thật vậy, nếu ngũ quan chẳng chạy theo vật chất để phân biệt tốt xấu hơn kém thì ngũ thức không chỗ nương để sanh. Thế là Ý thanh tịnh. Đệ lục giác quan là chỗ sanh lục thức; nay giác quan ấy đã thanh tịnh thì phép Thành ý chẳng còn khó khăn nữa.

Đức Lão Tử nói rằng:

*Danh sánh với thân bên nào trọng hơn?
Thân sánh với tiền của cái nào quý hơn?
Đặng sánh với thất cái nào khổ hơn?*

Ta (Đức Lão Tử) sợ dĩ có họa nạn là tại ta cố chấp nhục thân là trường tồn, bất diệt, rồi quanh năm cứ làm thỏa mãn nó. Nay chúng ta cứ quên nó đi, thì chúng ta có họa nạn gì đâu?

So sánh lợi với hại rồi Ngài khuyên chúng ta nên vi vô vi, vị vô vị. Nghĩa là làm việc khi việc chưa đến, còn ăn thì không cần miếng ngon, vật lạ. Hai câu này cắt nghĩa như sau:

1. Vi vô vi đại ý như vậy: Chúng ta đã biết làm dữ thì họa trả lại. Biết như thế rồi chúng ta không làm dữ. Hoặc nói rõ ra là chúng ta biết làm dữ thì họa trả lại. Lánh dữ tức tránh họa khi chưa đến. Thế làm việc khi chưa đến.

2. Vị vô vị đại ý nói rằng: Người ta ăn để sống, vậy ăn thế nào đủ sống là được, chớ không cần cao lương mỹ vị.

Ở đời phải biết tri túc, nghĩa là biết đủ ăn, đủ mặc, đủ sống thì thôi. Tri túc thì Tâm không vọng cầu, không phóng túng. “*Vi họa mạc đại ư bất tri túc, vi cứu mạc đại ư dục đắc; cố tri túc chi túc thường túc hĩ*”. (Đạo Đức Kinh). Nghĩa là nói về việc tai họa thì chẳng có tại họa nào lớn bằng “*chẳng biết đủ*”. Nói về nguy hại thì chẳng có nguy hại nào lớn hơn lòng “*muốn đặng*”. Cho nên biết đủ trong cái đủ thì luôn luôn được đủ.

Nói rút lại, phép Thành ý khởi đầu từ sự ngăn ngừa Lục căn không cho phóng túng theo vật chất. Còn bên ngoài thì xem Lục trần như giả tạm, không quá ham muốn; không quá luyến ái. Lục căn không giao tiếp với Lục trần thì Lục thức chẳng có chỗ nương để sanh. Thế là ý thức trở về chơn, nghĩa là ý thức không còn sôi nổi làm loạn Tâm linh nữa.

Phép Thành ý là thế, còn cái bí quyết của nó, sách Đại học nói rằng: “*Sở vị thành kỳ ý già, vô tự khi dã*”. Nghĩa là cái mà gọi là sửa ý ra chơn thật kia cốt yếu không tự khinh.

Thử hỏi từ trước đến giờ chúng ta thất tín với mình mấy lần? Chắc hẳn là không ít. Giả tử như lúc ấu xuân, chúng ta hứa với mình: Cố gắng học hành cho trở nên người hữu dụng. Thế mà ít lâu lại thối chí ngã lòng. Đó là tại chúng ta tự khinh mình vậy.

Phép Thành ý phải cương quyết thực hành. Nói tử như khi chọn được điều lành thì tận lực làm theo, hoặc chọn được việc chẳng lành thì thật tình lánh xa. Làm lành lánh dữ phải thực hiện rõ ràng, cũng như người ta ưa cái đẹp, ghét mùi hôi kia vậy. Hễ ý thành thì Tâm sẽ chánh.

Để kết luận phép Thành ý, chúng tôi xin nhắc câu sách “*Nhạc ký*” nói rằng:

“Người ta sanh ra lúc ban đầu thì tịnh; ấy là tánh Trời phú cho người, đến chừng cảm vật chất mà vọng động là tại sự ham muốn của Tánh. Vật đến thì người ta cảm biết; lòng hiếu ố theo đó mà sanh. Lòng hiếu ố, nếu chẳng kèm hãm được bên trong thì sự hay biết chạy rong ra ngoài và nếu không thu liễm được thì Thiên lý bị tiêu diệt hết. Và lại, vật cảm dỗ người ta thì vô cùng, nếu không tiết chế được lòng hiếu ố, thì lúc bấy giờ người ta bị hóa theo vật. Mà hễ người ta bị hóa theo vật thì Thiên lý bị mất rồi nên người sống theo Nhơn dục”.⁽²⁾

-
- (2). Nhơn sanh chi tịnh Thiên chi Tánh, cảm ư vật nhi động Tánh chi dục dã. Vật chí trai, tri nhiên hậu hiếu ố hình yên. Hiếu ố vô tiết ư nội. Trí dụ ư ngoại, bất năng phản cung, Thiên lý diệt hĩ. Phù vật chi cảm nhơn vô cùng nhi nhơn chi hiếu ố vô tiết, tác thị vật chí; nhi

nhơn hóa vật dã. Nhơn hóa vật dã, diệt Thiên lý nhi
cùng Nhơn dục dã. (Nhạc ký)

Vậy Tâm tịnh là Tánh Trời phú cho người ta, cho nên hễ chúng ta giữ được Tâm tịnh thì Thiên lý xuất hiện làm chủ Nhục thân hành động theo Đạo tự nhiên. Trái lại, để cho Tâm động thì Tâm lúc bấy giờ biến thành Ý. Ý thì khuynh hướng về phàm trần ham muốn vật chất cầu thỏa mãn Nhục thân. Đó gọi là Nhơn dục. Mà hễ Nhơn dục càng thịnh hành thì Thiên lý càng lu mờ. Sự khổ não theo đó mà sanh.

Vậy phép Thành ý tóm tắt là bỏ vọng tồn chơn, hoặc bỏ động về tịnh. Mà hễ Nhơn dục tận tịnh thì Thiên lý lưu hành.

II. CHÁNH TÂM

Tâm là Thần minh, tiếng thông thường gọi là Thần Lương Tâm. Sở dĩ Tâm linh thiêng như thế là vì bản thể của Tâm là điểm Tánh Trời phú cho người. Nho giáo gọi Tánh ấy là Thiên lý và cái Chiêu minh linh giác, ở trong Thiên lý ấy Vương Dương Minh gọi là Lương tri mà chúng tôi đã giải bày trong chương Thân Trí. Nhưng có điều khó cho người thể nhơn là Tâm vốn hư hư thiệt thiệt, khi hiện, khi ẩn, thoạt có, thoạt không. Trí phàm khó nhận thức. Đức Khổng Phu Tử nói rằng: “*Tháo tắc tồn, xả tắc vong, xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hướng*”. Nghĩa là giữ thì còn, bỏ thì mất; ra vào chẳng có giờ khắc, không như định ở chỗ nào.

Theo lẽ này mà suy ra, thì tâm người ta đáng lẽ chỉ thiện, chỉ mỹ; vì bản thể của nó là một điểm Tánh Trời ban phú cho người. Thế mà tại sao chúng ta phải thực

hành phép Chánh tâm, cấu Tâm được ngay lành?

Ấy đó, chỉ vì khi người ta nhiễm trần, Tâm bị Nhục thân lôi cuốn mà phải thất chánh. Xem sách Đại học bảo rằng: *“Tâm nếu có nóng giận thì thất chánh; nếu có sợ sệt thì thất chánh. Mà hễ Tâm thất chánh, thì mắt xem mà chẳng nhận biết; tai lắng nghe mà e chẳng nhận nghe; miệng ăn mà chẳng nhận biết mùi. Tình dục đã làm loạn Tâm như vậy, nay chúng ta đã thực hiện phép Thành ý; tức đem vọng về chơn, thì Tâm được cởi mở một phần nào, để rồi phục hồi chơn tướng của nó”*.

Bây giờ nói đến phép Chánh Tâm, phép này có hai mặt: bên ngoài thì lo ngăn chặn khi quan, bên trong phải thâm nhập vào nội giới, khám phá và tuyệt trừ những cái mê chấp như: ngã tướng, pháp tướng chẳng hạn.

Nên hiểu rằng muốn bài trừ Tâm động thì không phải đứng bên ngoài dòm ngó, mà trái lại phải thâm nhập vào nội giới, dùng Tâm biết Tâm; dùng Tâm trị Tâm. Về phương pháp thực hành chúng tôi đề cập phép Trai tâm như sau:

Trai tâm là gì?

Trai tâm là một phương thức đem Tâm về cõi thanh tịnh vô vi và đối mài, trau sửa cho nó phục hồi trạng thái Thiên nhiên của nó.

Phép Trai tâm gồm có hai mặt là:

- Trai tâm tiêu cực
- Trai tâm tích cực

TRAI TÂM TIÊU CỰC

Đối với sự vật bên ngoài, hành giả phải giữ thái độ thụ động, nghĩa là xem sự vật như không quan hệ đến mình. Tuy có giao tiếp, có hành động, nhưng không vướng mắc. Chúng ta nên tưởng mình như một người ngoại quốc mới đến xứ lạ, người không quen. Ở hoàn cảnh ấy, chúng ta có đường chúng ta, sự vật có đường của nó. Huệ Năng Lục Tổ bảo rằng: «*Kẻ hành giả nên đặt mình vào cảnh không, cần cho Tâm được không*». Chỗ này Đức Lão Tử bảo rằng: “*Chúng ta nên giữ lòng lặng lẽ như đứa hài nhi chưa biết cười*”. Trang Tử bảo chúng ta nên quên. Đại khái như quên việc trần lao, tục lự, quên tất cả những cái gì đã làm mê lòng. Quên ngoài, quên trong, quên đến cả thực tại của mình. Pháp tọa vong này thực thi cho đến cùng cực. Lúc bấy giờ trong thâm tâm chỉ còn có một cái toàn thể duy nhất và, theo Trang Tử, trong cảnh đại tịnh ấy thành linh phát xuất một ánh sáng trong suốt có thể cảm thông với Đức CHÍ TÔN là nguồn sanh hóa vạn vật.

TRAI TÂM TÍCH CỰC

Thực thi phép trai tâm tiêu cực, tức như phép tọa vong thì chúng ta đã ngăn được ngọn gió bát phong⁽³⁾. Lòng chúng ta tạm yên trong cảnh bình tĩnh; nhưng những Tâm tế tướng như: Ngã tướng, Pháp tướng chẳng hạn vẫn còn tiềm tàng trong chỗ sâu kín, thành thử chúng ta phải thi hành phép Trai tâm tích cực nữa, tức phép “*Tinh sát*” để tuyệt diệt đến căn bản của nó, thì Tâm mới được sáng tỏ viên dung.

(3). **Bát phong là tám ngọn gió:** Lợi, suy, khổ, lời khen và lời chê trước mặt, lời khen và lời chê sau lưng. Tâm

món này thường loạn Tâm.

Công phu “*Tĩnh sát*” có động tác. Nhưng động tác nói đây không phải vọng động theo ý thức; không phải phóng Tâm theo ngoại giới như phàm phu, mà thật phải hồi quang phản chiếu vào Tâm giới, khám phá những mê chấp. Đại khái như trong khi tọa vong, chúng ta thấy có một vọng niệm mạnh nha tức thì chặn nó lại và cố tìm ra nguyên nhân của nó, rồi dùng cách quán tưởng, làm cho Tâm sanh nhàm chán để cởi mở cho hết vọng chấp.

Ví dụ: Chúng ta có tật nông nổi.

Chúng ta nên dùng lễ trầm tĩnh để quán tưởng, nghĩa là cứ nhớ mãi trầm tĩnh thì nông nổi chẳng có chỗ xen vào. Công phu quán tưởng lâu lâu trầm tĩnh mới thành thói quen rồi nó sẽ thay thế cho tật nông nổi. Thói quen là tánh tự nhiên thứ nhì. Chúng ta nên biết điều ấy.

Sau đây, chúng tôi xin trích vài chuyện của người xưa học hỏi với nhau, để minh xác công phu tu hành:

a. Khiết Khuyết hỏi Đạo nơi Bị Vi:

Bị Vi nói rằng: “*Xác ông giữ thật chính, mắt ông nhìn thật chuyên nhứt. Lâu lâu thì hòa khí sẽ đến với ông. Thu liễm trí lại, giữ thân tâm điều hòa rồi Thần linh sẽ đến với ông. Đức sẽ biến thành vẻ đẹp của ông, Đạo sẽ biến thành nhà của ông*”.

Bị Vi nói chưa dứt lời thì Khiết Khuyết đã ngủ khì. Thật lòng người ấy như tro nguội; xác người ấy như xương khô.

Đại để phép Tọa vong là thế.

Tuy thân tâm như thế, nhưng người ấy có một cái

biết lạ lùng. Cái biết ấy cảm thông từ lớp trí thức, từng lớp ý thức và thâm nhập vào trong bản thể của Võ trụ mà chúng ta không đủ văn từ để mô tả.⁽⁴⁾

(4). Thể theo sách “*Lịch sử trích học Đông phương*” của cụ Nguyễn Đăng Thục.

b. Nhan Hồi hỏi Phu Tử về phép Trai tâm:

Nhan Hồi nói: – *Nhà Hồi nghèo, không rượu để uống, Hồi lại không ăn hành, tôi; thế có phải chay tịnh không?*

Đức Trọng Ni đáp: – *Đó là chay tịnh để tế lễ, chứ không phải Trai tâm.*

Dám hỏi: – *Thế nào là Trai tâm?*

– *Hãy chuyên nhứt trí người, không nên nghe bằng tai, mà phải nghe bằng Tâm; tiến lên nữa, không nên nghe bằng Tâm mà phải nghe bằng Khí.*

Nếu dùng tai để nghe thì nó ở ngoài, nếu dùng Tâm để nghe thì nó ngưng ở chỗ hợp. Khí là vật hư không, chỉ có hư không mới điều hòa với Đạo.

Thế thì Trai tâm cốt yếu cầu Tâm được hư không, nhưng, ở đây dùng danh từ hư không để đánh đổ bệnh rối loạn, chớ sự thật thì Tâm có một điểm Chơn thần ở trong cõi lòng vị phát chi trung. Cái linh giác nầy nếu biết hàm dưỡng theo phép Chánh định, thì lâu lâu nó sẽ biến thành một tinh thần cường kiện, sáng suốt, có thể làm chủ Nhục thân; tiến hóa theo Đạo tự nhiên.

Nên hiểu rằng: Đó chẳng phải là một năng lực nào khác mà vốn thật là một trạng thái Tâm linh tấn hóa đến một trình độ cao siêu, mạng danh là «*Chơn ngã*» mà cũng là điểm Tánh của Đức CHÍ TÔN chia cho mỗi

người. Nay chúng ta đem tánh Thiên nhiên của mình trở về với nguồn cội của nó, tức nó trở về với Đức CHÍ TÔN, rồi nó sẽ hòa mình với Đạo tự nhiên và vạn vật mà sanh sống trong Võ trụ. Thế nên chúng ta tạm gọi là Võ trụ hóa Tâm linh hoặc nói cách khác là sửa mình sanh sống theo Đạo Trời, và lúc bấy giờ trong Tâm thanh tịnh kia chỉ có một điểm Chơn thần vi chủ cảm ứng mà biết mọi lẽ; cho nên Đức Lão Tử nói rằng: *“Không dòm ra cửa sổ mà biết Đạo Trời, không ra khỏi ngõ mà thông suốt việc Thiên hạ”*.

CHƯƠNG THỨ TƯ TÁNH KHÍ

Theo Chu Hối Am: Trong khoảng Trời Đất có Lý, có Khí. Lý là cái Đạo thuộc về Hình nhi thượng, cái gốc sự sanh ra vật. Khí là cái Khí cụ thuộc về Hình nhi hạ, cái đồ để sinh ra vật. Bởi thế nên người với vật sanh ra, ắt là bẩm cái Lý ấy rồi mới có Tánh; ắt là bẩm cái Khí ấy rồi mới có hình.

(Thiên địa chi gian, hữu Lý hữu Khí. Lý giả giả, Hình nhi thượng chi Đạo giả, sinh vật chi bản giả. Khí giả giả, Hình nhi hạ chi khí giả, sanh vật chi cụ giả. Thị dĩ nhơn vật chi sanh, tất bẩm thử Lý, nhiên hậu hữu Tánh, tất bẩm thử Khí, nhiên hậu hữu hình). (Nho giáo – Trần Trọng Kim quyển hạ trang 157).

Theo lời lẽ trên đây, chúng ta hiểu rằng người ta sanh ra ngoài cái lẽ hình hòa của Cha mẹ, người ta còn bẩm thọ của CHÍ TÔN một điểm tánh để làm tự tánh của mình, mà Chu Hối Am gọi là Lý, như đã nói trên và một phần Khí của Võ trụ để làm hình thể của mình. Tánh và Khí (Hồn xác) liên hệ nhau như một thể, cho nên nói rằng: Chẳng có Tánh nào mà không Khí, và cũng chẳng có Khí nào mà không Tánh.

Nhắc lại, khi bốn tánh người ta lìa khỏi cội sanh nó là Đức CHÍ TÔN, thì nó lưu hành khắp Võ trụ, mà hễ đến đâu thì nó theo luật “*Đồng khí tương cầu*” thu hút khí chất của Võ trụ để tạo nên hình thể của mình. Thế nên Tánh Khí không phân biệt vật nào trước, vật nào sau. Cũng như lẽ này, mà Cổ nhơn cho thân người là bầu Trời Đất nhỏ, hàm xúc đủ mọi khí Thái cực, Âm Dương, Ngũ

hành và các lễ mầu nhiệm của Trời Đất, và cũng như lễ này, mà sách Lễ ký nói rằng: “*Nhơn giã kỳ vi, Thiên địa chi đức, Âm Dương chi giao, Quỷ thần chi hội, Ngũ hành chi tú khí dã*”. Nghĩa là người ta là đức Trời Đất, chỗ giao cảm khí Âm Dương, chỗ tụ hội của Quỷ thần, và những tú khí Ngũ hành.

Đến đây chúng ta hiểu rằng, chúng ta do Đạo mà sanh thành, nhưng khi đã trót sanh thành rồi, chúng ta cũng phải hàm dưỡng kỳ được lý Đạo nơi mình thì mới sanh sống và tấn hóa. Đạo Đức Kinh chương 39 nói rằng:

Trời được Một (Đạo) thì trong,
Đất được Một thì yên,
Thần được Một thì linh,
Vạn vật được Một thì sanh sống.
Đến như số Một (Đạo) nói đây:

Nếu Trời chẳng có nó để trong thì e Trời phải liệt;
Đất chẳng có nó để yên thì e Đất phải lở; Thần chẳng có nó để Linh thì e Thần phải hiệt. Muôn loài chẳng có nó để sanh sống thì e muôn loài phải diệt.

*“Thiên đắc nhất dĩ thanh,
Địa đắc nhất dĩ ninh,
Thần đắc nhất dĩ linh,
Vạn vật đắc nhất dĩ sinh,
Kỳ trí chi nhất giã,
Thiên vô dĩ vi thanh tương khủng liệt,
Địa vô dĩ vi ninh tương khủng phế,
Thần vô dĩ vi linh tương khủng hiệt,*

Vạn vật vô dĩ vi sanh tương khủng diệt”.

Vậy đủ hiểu rằng chúng ta là một phần tử của Võ trụ, chẳng những chúng ta phải sanh sống theo cái lối nhịp nhàng của Đại toàn thể Võ trụ mà còn phải sống chung với muôn loài nữa. Đạo giáo có câu: “*Giữ Thiên Địa đồng sanh, giữ vạn vật đồng thể*”. Có sở dĩ nhiên, nên chúng ta hằng thấy người nào gần Đạo thì hưởng nhiều hạnh phúc. Trái lại, kẻ càng xa Đạo thì càng chịu nhiều thống khổ. Xem như Đạo Đức Kinh chương 39 nói rằng: “*Vạn vật được Đạo thì sanh, còn hề thất Đạo thì diệt*”. Vậy người ta là một loài trong số vạn vật thì người ta cũng chẳng ngoài công lệ ấy; nghĩa là người ta phải lập đức theo lẽ Chí thiện và phải ăn ở thế nào để bảo tồn hai khí Âm Dương luôn luôn điều hòa bên trong nội giới. Theo Y học Đông phương nếu hai khí Âm Dương bị thiên thắng thì mất điều hòa, mà mất điều hòa thì thân thể mất sức khỏe và sẽ đi lần đến diệt vong.

Đến đây chúng ta đã hiểu đời sống của mình can hệ với Đạo tự nhiên thế nào rồi. Bây giờ, chúng ta nên tìm biết Tánh Khí của mình, thay đổi, đổi thay làm sao. Tự biết mình, tự biết Đạo tự nhiên rồi lần hồi theo đó mà học tập cầu cho Tánh Khí đồng hóa với Đạo tự nhiên. Thiết tưởng sự sanh hoạt của mình đã theo được cái hòa điệu của động lực nguyên thủy Võ trụ, thì đó gọi là chúng ta đặt đời sống của mình ra ngoài không gian, thời gian, nhơn quả. Mà hề không gây Nhơn quả tiện thị là giải thoát kiếp luân hồi vậy.

BỐN TÁNH

Như Thánh Ngôn đã chép trước kia rằng: Tánh

người là một điểm tánh Trời phú cho; cũng như sách Trung Dung chép “*Mạng Trời là Tánh người*”. Còn khi ở nơi người Tánh là bản thể của Tâm. Thế nên muốn thấy Tánh trước phải khai sáng Tâm mình. Phật dạy: “*Minh Tâm kiến tánh*” là lẽ như vậy. Phép Minh Tâm Kiến Tánh tuy không nói về Khí, nhưng chúng ta phải hiểu rằng Tâm Tánh phản bốn hườn nguyên, thì Khí sẽ theo đến vậy.

Nhắc lại: Tánh ấy vốn của Trời ban cho người, thành thử nó huyền diệu vô cùng, hễ tịnh thì nó thu tàng những lẽ nhiệm mầu Thiêng liêng của Võ trụ, còn hễ động thì nó ứng hóa khắp cả Càn khôn. Tánh ấy vốn có một, nhưng mạng nhiều tên khác nhau như:

Phật giáo gọi Phật tánh, Đạo giáo gọi Linh quang, Nho giáo gọi Bản tánh, tiếng thông thường gọi Linh hồn. Chúng ta chớ khá lắm lẫn danh từ mà phải sai lạc nguyên tắc tu hành. Về sự quan sát nhận định Tánh ấy, ông Duy Ma Cật nói rằng: *Phật Tánh không nhiễm, không tịnh, không nhiều, không ít, không trước, không sau, không nhứt định ở đâu, nhưng chỗ nào cũng thấy nó đến. Nó ngự trên Lục nhập (sáu giác quan) sống ngoài Tam giới (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới). Nó không phải vô vi và cũng chẳng phải hữu vi. Bản thể của Tánh vốn nhiên ngôn ngữ của người ta không thể bàn luận, không thể so sánh, suy lường được. Thế mà vạn pháp ở thế gian đều qui về Tánh.*

Quả thật Tánh ấy tùy thời ẩn hiện, chủ trương hành động của người theo Đạo tự nhiên. Nhưng nếu người ta không biết giữ gìn cái bản thể thanh tịnh của nó và để cho Nhục thân trước nhiễm vật chất kích thích tâm động thì lúc bấy giờ Tánh bị biến ra một trạng thái khác mạng danh là Tánh Khí chất.

Tánh Khí chất

Theo danh từ mà định nghĩa thì Tánh này do Khí chất mà sanh. Nó hay khuynh hướng về phàm trần, mưu cầu sự khoái lạc vật chất. Lòng nhờn dục theo đó mà sanh. Theo Phật giáo hễ lòng người có tham thì tham sanh ra sân; rồi sân lại sanh ra si. Đó là cái đại hoạn nạn của chúng sanh. Vậy phải làm sao để tránh cái hoạn nạn ấy. Chúng ta nên thực hành phép Tôn tánh Dưỡng khí.

TÔN TÁNH DƯỠNG KHÍ

Tôn tánh nghĩa là giữ gìn nguyên vẹn tánh bốn nhiên Trời phú cho người, nghĩa là Tánh ấy luôn luôn phải thuận nhiên Thiên lý và tự tại trong tâm tâm, để chủ trương sự hành động của phàm thân. **Dưỡng khí** nghĩa là nuôi dưỡng cái Khí của thân thể được kiện cường và lọc lọc nó trở nên thanh khiết, như khí Thái hư của Võ trụ, để rồi Khí và Tánh hiệp thành một pháp thân, sanh sống và giải thoát ra ngoài vòng Nhơn quả, Luân hồi.

Tánh và Khí tuy có hai danh từ, nhưng về sự động tác, chúng nó có một thể mà thôi. Như chúng ta thấy: chẳng có Tánh nào mà không Khí và cũng chẳng có Khí nào mà không Tánh. Tánh Khí dung hòa thì mạng sống mới hoàn bị, tư tưởng và tình cảm mới cụ thể. Lẽ ấy chẳng khác nào khí Âm, khí Dương của Trời Đất lưỡng hiệp thành Đạo biến hóa: Sanh dục vạn vật.

Cái cố dĩ nhiên, cho nên phép Tôn tánh Dưỡng khí phải thực hành song song, khiến cả hai Tánh Khí nương nhau đồng tiến trên đường Tấn hóa. Lữ Tổ, một danh nhân trong Đạo giáo nói rằng: *Tu mạng* (Dưỡng khí) *mà không tu tánh, phép tu hành ấy đê nhứt bịnh, Còn*

tu tánh mà không tu mạng thì vạn kiếp Âm linh, chớ khó nhập Thánh.

Tuy vậy mặc dầu, nhưng tu tánh chiếm phần ưu tiên, bởi vì Tánh là Tướng soái của Khí. Tánh đến trước thì Khí sẽ theo sau; cũng như vị Tướng soái ở đầu thì ba quân di chuyển đến trụ sở ấy; cho nên có câu nói rằng: “*Công phu tu tánh trước thiết là một phép tu mạng đáo để vậy*”.

Về phương pháp thực hành chúng tôi đề cập ba đề tài như sau:

- Trai giới.
- Công học.
- Tâm học.

TRAI GIỚI

TỨC LÀ ĂN CHAY VÀ GIỮ GIỚI.

ĂN CHAY: Kẻ tu hành ăn chay, mục đích cầu sự nhẹ nhàng Tánh khí; bởi vì vật thực vào thì tiêu hóa ra khí huyết mà khí huyết có sở dụng quan trọng trong sự linh động của Tánh khí (xem lại bài «*Ăn chay*» trong quyển Đại Đạo Giáo Lý trang 64).

TRÌ GIỚI: Tâm không nghĩ đến tham lam trộm cắp; Tâm không nghĩ đến dâm dục; Tâm không nghĩ đến sát sanh. Giữ giới nói đây thuộc về Tâm học, cho nên hành giả phải tự chủ mới giữ được. Ba giới này là hột giống gây nghiệp quả luân hồi.

CÔNG HỌC

Về phần công truyền, tồn tánh, dưỡng khí tức là trau dồi Tánh khí chất và đem nó trở về với Tánh thiên nhiên. Ở đây, chúng ta nên tụng kinh, đọc sách, tìm hiểu lẽ phải để làm theo, chủ yếu là ngăn ngừa dục vọng, bài trừ tật hư, nét xấu v.v...

Quyển Đại Đạo Giáo Lý và phần Phương châm Nhập thế trước kia đã cống hiến một vài bài học nhỏ mọn về phương diện công truyền.

Ở đây tuy chẳng nói Dưỡng khí, nhưng đồng thời với sự tu tánh, chúng ta phải lưu tâm đến sự dưỡng khí, đừng để khí hao tán vô lối.

TÂM HỌC

Đến đây, chúng ta thực hành câu: «*Thành Tánh tồn tồn đạo nghĩa chi môn*». Đại ý là hàm dưỡng tánh bốn nhiên của mình trở nên thuần nhiên Thiên lý và cố giữ gìn cho nó tự tại mãi trong thâm tâm, đó là bước đầu vào cửa Đạo nghĩa.

Có điều nên nhớ là Tánh và Khí không xa nhau cho nên nói Tồn tánh tức đã có hàm súc cái nghĩa Dưỡng khí rồi vậy.

Ở đây, chúng tôi theo danh từ riêng của Mạnh Tử mà gọi Chí và Khí hạo nhiên, thay vì dùng chữ Tánh và Khí. Chúng ta nên hiểu rằng chữ Chí nói đây cũng là Tánh, nhưng dùng về mặt «*tích cực*» để điều Khí; chớ không phải Chí với Tánh là hai vật.

Nay như hỏi Chí và Khí hạo nhiên ra sao? Thì Mạnh Tử nói rằng:

CHÍ: Tâm linh ngưng chỗ nào thì trạng thái ấy gọi là Chí. Vậy Chí cũng là Tánh, như đã nói ở trên.

KHÍ HẠO NHIÊN: Khí này là nguyên là Khí lưu hành trong Trời Đất mà người ta đã bấp thọ một phần ở trong thân thể của mình cho nên Mạnh Tử nói rằng:

“Kỳ vi Khí giả Chí đại, Chí cường, dĩ trực dưỡng nhi vô hại tác tác hồ Thiên địa chi gian”. Đại ý nói rằng: Bản thể của Khí hao nhiên là Khí Thái hư của Trời Đất, nó rất lớn, rất mạnh, nếu người ta biết hàm dưỡng mà chẳng xâm hại thì nó có thể tràn ngập cả không gian.

Nên hiểu rằng: Chí Khí tuy hai danh từ, nhưng sự tác động vốn một. Một bên là thể, một bên là dụng. Thể và dụng hợp thành một linh động ở trong thân thể, cho nên hễ Chí chuyên nhứt tắc động Khí. Khí chuyên nhứt tắc động Chí. Bằng có là khi người ta vấp té, hay chạy mau, thuộc về Khí, nhưng cũng động đến Tâm.

Về mặt thực hành, Mạnh Tử bảo rằng: *“Thi tập nghĩa sở sanh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi dã”*. Nghĩa là thực hành đạo đức rồi khí theo đó mà sanh, chớ không phải dùng sức mạnh để chụp lấy.

Đại ý câu này nói: Kẻ hành giả luôn luôn làm việc hợp đạo nghĩa và cứ tự nhiên thi hành đạo đức châu tất: Không xao lãng, không bỏ dỡ và cũng không mong chóng thành. Làm như thế thì Khí càng ngày càng tăng trưởng.

Công phu lâu ngày, học giả sẽ cảm thấy ấn chứng *«Khí trường»*. *Tất hữu sự yên, nhi vật chánh, tâm vật vong, vật trợ trường dã*. (Mạnh Tử). Nghĩa là ắt có việc vậy (tức ám chỉ vào khí sanh trưởng), nhưng chớ cho là được. Tâm chớ quên mà cũng chẳng nên trợ mau lớn. Mạnh Tử còn

nêu gương người nước Tống trồng lúa cho chúng ta hội ý mà hiểu phép Dưỡng khí.

Người nước Tống trồng lúa, anh ta muốn lúa mau lớn; rồi ra đồng nhóm gốc lúa. Làm như vậy là anh ta có ý muốn cho lúa mau cao, nhưng sự thật anh ta làm lúa chết. Nói rút lại phép trồng lúa đại để người ta cứ nhỏ cỏ bón phân, rồi lúa theo thời tiết mà lớn. Phép Dưỡng khí cũng như thuật trồng lúa vậy. Kẻ học cứ ung dung thực tiễn Đạo đạo ung dung tịnh dưỡng tinh thần rồi Khí theo đó mà sanh trưởng, chớ chẳng khá bức bách giục thúc cho Khí chóng mạnh.

Sau đây chúng tôi xin đề cập vài phép tu tập, mặc dù nhỏ mọn, song để mở màn suy gẫm, tìm học. Đại để phép Tôn tánh Dưỡng khí là tịnh tâm. Nhưng tịnh tâm nói đây không phải không làm việc, bởi vì chúng ta sống, lẽ tất nhiên phải hành động, nhưng hành động chớ chẳng khá vọng động.

HÀNH ĐỘNG

Hành động là làm bốn phận mình như làm dân, làm quan, làm con, làm cha, hoặc làm lãnh lính dữ. Hành động thì có chương trình, có mục đích và nhứt cử, nhứt động đều có Thần Lương Tâm kiểm soát, tức từ việc lo nghĩ, nói năng đến làm lụng mỗi mỗi đều có ý thức rõ ràng, rồi theo đó mà làm. Hành động đúng theo đạo nghĩa thì Khí hợp mà sanh. Hành động như thế thì không động Tâm, nhờ Tâm tịnh mà Khí sanh.

VỌNG ĐỘNG

Vọng động khác hành động, nó không được sắp đặt

có trật tự, không có chí hướng, không nhắm vào một kết quả nào. Nó chỉ do một sự ham muốn lật vật, một nhiệt hừng nhứt thời bộc phát trong lòng như: Mừng, giận, thương, yêu, ghét, sợ. Vọng động có hại đến Tánh khí.

Chúng ta nên biết rằng: Tâm động, mặc dầu mạnh hay yếu, đều có động đến Khí; cho nên phép Dưỡng khí phải thận trọng gìn giữ bản tâm của mình, chẳng những thận trọng gìn giữ chỗ thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, mà nơi vắng vẻ một mình cũng cần thận gìn giữ.

Kẻ Dưỡng khí cũng như người thợ bòn vàng. Thợ bòn vàng lượm từng chút, bòn từng hột, không bỏ lỡ một cơ hội nào, thì kẻ Dưỡng khí cũng vậy. Nó luôn luôn phải tự chủ, luôn luôn phải trầm mặc, không để tam bành, lục tặc nhiễu loạn Tâm linh, nghĩa là nó chẳng có một ý niệm bất chánh, một tư tưởng vô ích, một dục vọng thừa thãi, một tình cảm vụ lợi phát động. Và công phu phải liên tục tinh tấn. Sách Đại học chép rằng: Vua Thang khắc trên bốn tấm máy chữ rằng: “*Cầu nhứt tâm, nhứt nhứt tâm, hựu nhứt tâm*”. Chỗ này vua Thang có thâm ý nhắc nhở rằng: Nhục thân thì mỗi ngày phải tắm một lần để giữ sức khỏe; còn tâm hồn cũng cần phải tĩnh sát luôn luôn, ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới. Và cứ làm mới mãi như thế đừng để vật dục làm tế tắc Tâm linh.

Tóm lại, phép Tồn tánh Dưỡng khí là một Pháp môn chẳng những Tồn tâm Dưỡng tánh mà còn phải thực hành phép vệ sinh nữa, nghĩa là cầu cho một thân thể sức khỏe, dễ khiến và biết phục vụ. Nhứt là phải thiển định để khám phá và bứng gốc bứng rễ những cái mê chấp trong tiềm thức như: Ngã tướng, Pháp tướng chẳng hạn.

Thứ nữa là trừ bỏ tật hư, nốt xấu, hun đúc đúc tốt

hạnh lành, trừ bỏ những tật tham lam ích kỷ, mở rộng lòng thương bao la để đối xử với người đồng loại cũng như các vật khác, nghĩa là chúng ta thể theo Đức háo sanh của THƯỢNG ĐẾ mà thương yêu giúp đỡ vạn vật trên đường sanh sống và tấn hóa.

Tâm thân thanh tịnh tự tại thì Tánh khí sẽ theo đó mà xuất hiện. Có người hỏi Mạnh Tử học hỏi cách nào mà được suốt thông sự vật, thì ông đáp rằng: Ta chỉ Tôn tâm và Dưỡng khí hạo nhiên mà được vậy. Sau đây chúng tôi trích một bài học “*Phép Dưỡng sanh*” của người xưa, âu cũng thêm một ý kiến học hành.

PHÉP DƯỠNG SANH

Phép Dưỡng sanh tức là phép nuôi sống.

Hiện nay, tài liệu về phép môn vệ sanh truyền bá từ Tây phương sang Đông phương rất nhiều và mỗi mỗi đều thuần thực nhiệm mầu. Chúng ta nên tìm những phép nào thích nghi với thể chất của mình rồi tận lực áp dụng; cầu một sức khỏe vô tỷ. Một thân thể thanh khiết, kiên toàn rất cần cho cái “*Thể khí vô vi*”.

Đạo Đức Kinh chương 10:

*Tải doanh phách bảo nhất,
Năng vô lý hồ.
Chuyên khí trí nhu,
Năng anh nhi hồ.
Địch trừ huyền lãm,
Năng vô tỷ hồ.*

Chú giải:

1. Kẻ học làm cho hỗn phách (hỗn xác) của mình hiệp một thể và giữ gìn cho xa lìa. Làm như thế có thể được chăng?

Hỗn xác hiệp một tức là giữ Tâm tự tại luôn luôn ở trong thân thể. Tức thể hiện phép Tôn tâm Dưỡng tánh cầu Nhục thân bảo giữ được sức khỏe. Làm như thế có thể được chăng?

2. Chuyên một lòng tinh luyện phần “KHÍ” cho đến trạng thái mềm dẻo, ôn nhu như thân thể đứa trẻ năm sáu tháng. Làm như thế có thể được chăng?

Vả lại, Khí là hơi, mà hơi thì khó cầm giữ. Đức Lão Tử lưu ý kẻ học phải chăm nom về Khí; bởi vì “KHÍ” là nhiên liệu cấu sanh vật thể. Dưỡng khí tức là di dưỡng vật thể được cương cường và cũng là giúp tinh thần được thông minh sáng suốt.

Tận lực dịch hóa tâm lý, sanh lý từ chỗ lãng mạn, phức tạp cho đến thuần nhứt; nghĩa là gọi rửa cho thật sạch những dấu vết tinh vi của tư tưởng hỗn tạp còn ẩn núp trong chỗ sâu kín, khiến cho tánh bản nhiên của mình được tự do xuất hiện, làm chủ đời sống của mình. Làm như thế có thể được chăng?

Theo thiển kiến, mỗi người có một thể chất riêng biệt, nhưn đó mà phép “*Dưỡng sanh*” không giống nhau. Đức Lão Tử không thành lập phương tu mà đặt một vài vấn đề cốt yếu để mỗi người tự tìm, tự học, tự hành.

Có lẽ cũng vì ý kiến này, cho nên về sau, phái luyện đơn (một Giáo phái ở trong Đạo học tách ra) chú giải rộng ra thành một học lý thâm sâu.

Đại để như câu: “*Chuyên khí trí nhu năng anh nhi hồ*”. Người sau chia sự hô hấp ra hai giai đoạn để thực hành.

1. Điều tức: Nghĩa là làm chủ hơi thở và bắt nó phải tùng lịnh của người.

2. Định tức: Nghĩa là ngừng thở ra ngoài mũi, mà chỉ thở trong tạng phế. Chỗ này cũng gọi là nội tức.

Thấy sách Ấn Độ chép chuyện tu hành của người Pha-khia; đại khái họ cũng đạt được phép nội tức nơi đây. Nghe nói: Có người nằm trong cái hòm Pha ly cả tháng không thở mà không thương tổn tánh mạng.

Có điều nên biết là phép này rất khó thực hành. Chúng ta không nên mạo hiểm, nếu không có thầy dạy. Ở đây, chúng tôi chỉ nhắc cho rõ sự tu hành của người xưa mà thôi, chớ chúng tôi cũng không có kinh nghiệm về mục này nữa.

Theo Mạnh Tử người nào tồn dưỡng chí khí viên mãn thì họ sẽ đồng nhứt với Võ trụ. Họ có khí phách cao sang, thoát tục. Ông nói: “*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di*”. Nghĩa là đứng trước cảnh giàu sang chẳng si mê; đứng trước cảnh nghèo hèn không dời đổi. Thật quả vậy, nếu người nào thực hành đến trạng thái này thì con người ấy tự chủ được, mà hễ tự chủ được khi có thể gọi là thành. Có thành mới có minh, thành là Đạo Trời, minh là Đạo người. Minh thành tức là bất chước Đạo Trời mà sửa nên Đạo người.

TÓM TẮT

Người tu đến đây thì Tâm linh của họ đã vào cảnh: “*Hư vô tịch chiếu*”. Nghĩa là lúc nào Tâm của họ cũng không

không, nhưng trong cái không ấy có một viên giác tròn trịa, sáng suốt, cũng như gương trong, hễ vật đến thì phản chiếu vào trong mà chẳng hề che khuất một mây may nào.

Nhưng đó là người đã hoàn toàn xuất thế; còn như chúng ta còn phải giao tiếp với người và vật ở chung quanh mình thì chúng ta lúc nào cũng phải lấy sự đại tịnh làm căn bản, nghĩa là lúc nào cũng bình tĩnh, trầm lặng, mực thước và luôn luôn tự chủ, mặc dầu có làm muôn công, ngàn việc cũng vậy.

Đoạn kết sau đây chúng tôi sẽ bàn đến cử chỉ xử thế và cách giác tha.

PHẦN TỔNG KẾT

- **HỌC LÝ**
 - Giáo lý để học
 - Phương pháp thực hành Đạo đức theo Ngũ chi Đại Đạo
 - Đốc hành
- **TAM ĐẠT ĐỨC**
 - Nhân, Trí, Dũng.
 - Bi, Trí, Dũng
 - Huệ, Ái và Công bình
- **GIÁC THA**
 - Công truyền
 - Tâm truyền

HỌC LÝ

Học lý chép thành quyển sách nhỏ này.

Trên đường Tấn hóa chúng tôi nhắc đến sự hiện hữu của Đấng Tạo Hóa, Luật Nhơn quả Luân hồi, Võ trụ Dịch lý; ấy chỉ về quan niệm Võ trụ. Còn về Nhơn Sanh Quan, chúng tôi đề cập đến sự học Đạo Trời để làm qui củ mà sửa Đạo người cho đến mức chí nhơn, chí thiện, chí, chí mỹ. Sự học hành chúng tôi chia ra hai giai đoạn Nhập thế và Xuất thế.

Nhập thế: Trong đoạn “*Phương châm nhập thế*” chúng tôi giảng diễn phép “*Tam lập*” (Lập đức, Lập công, Lập ngôn) mục đích trau sửa, đổi mài thân, khẩu, ý, làm cho mình có tư tưởng, việc làm và lời nói đúng theo lẽ chí thiện. Kết quả là đào tạo cho mình một nhơn cách có đủ khả năng làm tròn những bổn phận làm người như: sửa đạo nhà, làm bổn phận công dân và góp công vào cuộc xây dựng hòa bình thế giới, cũng như trình tự học hành của Nho giáo là: Tề gia, trị quốc, và bình thiên hạ.

Xuất thế: Khi Nhơn đạo rảnh rỗi, chúng ta bắt đầu thực hành giai đoạn xuất thế. Tuy nói xuất thế, nhưng không phải lẩn tránh xã hội, hay ẩn trốn trong rừng sâu, núi thẳm, mà thật ra đặt đời sống tinh thần ra ngoài vòng tục lụy trần ai và chung qui cầu sự giải thoát kiếp luân hồi; mặc dầu thân vẫn còn sanh sống trong cõi trần gian, như muôn vàn người khác.

Tóm lại hai giai đoạn đường học tập này góp thành một học thuật Nhơn sanh Triết lý. Công phu học tập căn cứ theo Đạo tự nhiên và bắt đầu từ Hữu vi học đến Vô

vi pháp. Mỗi học lý cố gắng làm tận lực mình đem lại sự kinh nghiệm thuần túy, để rồi áp dụng nó vào đời sống thực tế hàng ngày.

Vả lại, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nền tảng là Qui nguyên Tam giáo thành một Giáo lý đại đồng; cho nên về bài học, chúng tôi chiết trong Tam giáo, tham bác với Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn giảng cơ dạy. Có điều chúng ta nên nhớ là: Học hành đạo đức chẳng phải đọc sách suông như học văn chương mà thật phải tham thiên, nhập định và suy gẫm, tìm hiểu và thực hành cho cái biết biến thành tâm đức của mình.

GIÁO LÝ ĐỂ HỌC

Chúng tôi tham bác Thánh ngôn của Đức Chí Tôn giảng cơ dạy, với Giáo lý Tam giáo thấu hẹp kể như vậy:

Nho giáo: Nho giáo dạy chúng ta tìm Thiên lý lưu hành trong thế giới vạn hữu để làm căn bản sự học hành. Nho giáo cung cấp cho chúng ta những bài học xử thế và thể hiện một khoa luân lý học căn bản là Đạo Trời; phương tiện là Nhân nghĩa; kết quả là cầu một sự sống an vui, hòa thuận trong gia đình, xã hội và khắp cả nhân loại ở Năm châu, chung qui, người trọn lành được siêu thoát về Trời, châu bên tả bên hữu Thượng đế, như cổ nhơn đã quan niệm. Nói rút lại Nho giáo dạy chúng ta tìm đường giải thoát trong lãnh vực hữu vi.

Đạo giáo: Đạo giáo dạy tu chơn, nghĩa là bỏ phía sau lưng mình những sự vật hảo huyền của Thế gian và cố thâm nhập vào bản thân, tự tìm biết mình và hoá cái thân tâm cho thuần nhiên thanh khiết có thể đồng hòa với Đạo tự nhiên Trời Đất. Khi sanh tiền thì sống một

cuộc đời «*Cái thân ngoại vật là Tiên trong đời*», và chung qui siêu thoát về Bồng lai Tiên cảnh.

Phật giáo: Phật giáo dạy chúng ta giải thoát rồi đem cái sở đắc của mình giúp chúng sanh giải thoát. Muốn thể hiện lý này, kẻ hành giả phải đặt mình vào cảnh “*Hư vô tịch diệt*” và cố gắng đi thẳng vào cảnh Niết bàn tự tại sống với một cuộc đời bình thản an nhiên; không vướng mắt bụi trần, không hệ lụy trần ai và không mê chấp ảo ảnh. Rồi đem cái sở đắc của mình cứu độ chúng sanh đặng giải thoát như mình.

Vậy Phật giáo dạy chúng ta tự giác rồi phải giác tha nữa để hoàn thành sứ mạng kẻ đệ tử.

Tóm lại, Nho giáo dạy thực hành Nhơn đạo để rồi sẽ giải thoát. Đạo giáo đưa chúng ta đi ngay trên đường giải thoát trong kiếp hiện tại tức đương giải thoát. Phật giáo thì giúp chúng ta giải thoát rồi. Ba giai đoạn tấn hóa: (Sẽ giải thoát, đương giải thoát, và đã giải thoát rồi) hiệp thành một con đường độc đạo giải thoát kiếp luân hồi ra ngoài vòng sanh tử.

Thể theo Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn: Vả lại, Tam giáo, mỗi Đạo đều có một Giáo lý riêng, kinh sách riêng. Nay Qui nguyên Tam giáo thành một Giáo lý đại đồng thì cái biến pháp bao la kia, kinh sách thống nhất thành một “*Tàng thơ viện*” rộng lớn không biết đầu mà kể cho hết. Kẻ nông cạn như chúng tôi, nếu không người dìu dẫn, thì vị tất đã ra khỏi Tàng thơ viện ấy.

May thay! Đức Thầy chúng tôi (Thượng Đế) giảng cơ dạy phải học thể này, bỏ thể kia, giải nghĩa chữ khó hiểu, bớt câu thừa, thêm ý thiếu. Nhờ sự cởi mở ấy, chúng

tôi ra khỏi sự khó khăn để sưu tầm chơn lý học hành và chép thành quyển sách nhỏ này.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH ĐẠO ĐỨC THEO NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO

Học để biết Thiên lý, Hành để làm cho Thiên lý biến thành tâm đức để rồi nó sẽ phát biểu nơi tư tưởng, lời nói và cử chỉ hành vi của mình. Phép thực hành đạo đức, chúng ta nên theo cấp bậc Ngũ chi Đại Đạo, như: mới nhập môn thì học hành Nhơn đạo, rồi tiến lên Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, và Phật đạo.

Quan niệm tri hành hiệp nhưt

Tri hành hiệp nhưt, chia ra hai mặt: Ngoại giới và Nội giới.

Ngoại giới: Tống Nho chia Tri hành ra làm hai là: Biết và làm.

Ban đầu kẻ học quan sát sự vật bên ngoài, tìm biết rồi đem áp dụng vào thực tế. Họ bảo nhau rằng: Biết mà không làm cũng như chưa biết.

Nội giới: Về phương diện Tâm học, Vương Dương Minh bảo rằng: Tâm và Lý là một thể, cũng như Tri và Hành không thể chia đôi. Ông nói: Tìm hiểu Lý ở trong Tâm, phân tách cho rõ ràng từng chi tiết và thống hiệp những chi tiết ấy thành một cái biết có đầu đuôi mạch lạc. Thế là Tri và Hành hiệp một rồi vậy.

ĐỐC HÀNH

Trong trang trước chúng tôi có chép chuyện vua Thang có khắc trên bốn tấm của người mấy chữ: “*Cầu nhưt tân, nhưt nhưt tân, hựu nhưt tân*”. Thân ý vua Thang

làm như vậy để nhắc nhở rằng mỗi ngày nhục thân dơ thì phải tắm cho sạch để bảo tồn cho sức khỏe. Tâm cũng vậy mỗi ngày phải canh tân, chớ đừng để vật dục triêm nhiễm. Câu này đủ đánh thức lòng tin của chúng ta vậy.

Tóm lại, những học lý chép trong quyển sách nhỏ này tuy không là bao; nhưng thiết tưởng nó cũng nhắc nhở cho kẻ học một phần nào.

TAM ĐẠT ĐỨC

Tam là ba, Đạt là thông suốt, còn đạo lý đã học tập có tâm đắc rồi gọi là Đức. Tóm lại, Tam đạt đức là ba cái Đức thông suốt để ứng dụng khi xử kỷ tiếp vật.

Và lại, sau thời kỳ “*Minh tâm Kiến tánh*” thì đức của người ta sáng tỏ trong cõi lòng vị phát chi trung và nó sẽ ứng dụng thiên hình vạn tượng khi hữu sự. Đây chúng ta nói tóm tắt Tam đạt đức. Vậy Tam đạt đức là gì?

Nho giáo có: Nhân, Trí, Dũng.

Phật giáo có: Bi, Trí, Dũng.

Đại Đạo có: Ái, Huệ, Công Bình.

Kể như sau:

Nhân: Là lòng thương yêu của người ta, nó là một điểm Đức Háo sanh của Trời phú cho mỗi người. Thế nên ai cũng có sẵn nó ở trong lòng. Nói tỉ: Khi trông thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng thì ai cũng chạnh lòng thương. Chính lòng thương ấy là Nhân vậy. Có Nhân trong lòng mà tại sao có người không làm Nhân được? Chỉ vì vật dục làm lu mờ đức Nhân, cũng như búa rìu chặt hết nhánh lá mà cây phải trơ trọi.

Nay đã biết chướng ngại đức Nhân là vật dục, thì chúng ta cứ trừ ngay vật dục cho thật sạch thì tự nhiên đức Nhân tỏ rạng rồi chúng ta sẽ biết thương người mến vật và giúp cho người và vật được tương thân, tương ái, tương trợ.

Trí: Trí là năng lực biết rõ sự phải quấy; tốt xấu.

Nhân là thương yêu, nhưng cần phải có Trí xét đoán để phân biệt chỗ nào đáng thương yêu, trường hợp nào đáng giúp đỡ, có phân biệt sự phải quấy thì sự thương yêu mới thích hợp với lẽ phải.

Dũng: Đức Dũng là tinh thần quả cảm. Có Nhân để biết thương yêu, có Trí để biết xét đoán lẽ phải quấy, rồi cần phải có đức Dũng để đôn đốc chúng ta thực hiện sự thương yêu.

Ví dụ: Chúng ta gặp người khốn cùng thì đức Nhân bảo chúng ta phải thương người ấy và nhờ Trí mà chúng ta biết rằng tình trạng người ấy đáng giúp đỡ; nhưng nếu chúng ta không có đức Dũng thì chúng ta chẳng hề thực hiện được lòng Nhân. Tại sao? Bởi vì thiếu tinh thần quả cảm để đôn đốc thì có khi chúng ta tiếc tiền, có lúc lại sợ nhọc công. Thế nên nói rằng: *Có Nhân, có Trí, mà thiếu Dũng cũng không thực hiện được lòng thương.*

Phật giáo có Bi, Trí, Dũng. Đại Đạo có Ái, Huệ và Công bình.

Bi tức Từ bi, Bác ái. Chữ Nhân nghĩa là thương yêu, nhưng có giai cấp, tức thương người khác hơn yêu vật. Từ bi Bác ái cũng có nghĩa là thương yêu, nhưng không phân biệt gần xa. Đối với người đồng loại thì một màu bình đẳng, không phân biệt kẻ thân người sơ. Đối với thảo mộc côn trùng, thú cầm thì xem chúng nó như đoàn em còn lạc hậu trên đường Tấn hóa, hằng ngày, tùy phương tiện che chở, giúp đỡ và làm lợi sanh cho chúng nó.

Từ bi, Bác ái dạy chúng ta phải tôn trọng tất cả sanh mạng, dầu một vật nhỏ mọn như con ong, con kiến cũng vậy. Người nào giết một mạng sống phải chịu quả báo trả

lại. Luật báo ứng lành dữ phước họa một mảy không sai chạy.

Về mặt siêu hình, Từ bi Bác ái là một sức mạnh thiêng liêng Trời phú cho mỗi vật đều có nơi mình. Nhờ đó mà các vì tinh tú, các quả địa cầu luôn luôn vận hành chung quanh nhau mà chẳng hề xâm lấn lẫn nhau. Còn ở nơi các loài sanh vật, sức mạnh siêu hình ấy quyến rũ giống đực, giống cái gần gũi nhau, yêu thương nhau với một cách mật thiết.

Muôn vật biết tương thân, tương ái, tương trợ và mỗi vật chung qui đều hướng về trung tâm điểm của Vô trụ là Thái cực Thánh Hoàng. Tại sao? Bởi vì Từ bi Bác ái vốn là điểm háo sanh Trời ban cho người. Chính đức ấy kết chặt vạn vật với cội sanh nó là Trời. Ấy vậy nên người nào thực hiện được đức Từ bi Bác ái thì họ đồng hóa với cái nguyên thủy động lực của Vô trụ mà thực hành cái lý: *«Dữ vạn vật đồng thể»*.

Nhưng Từ bi Bác ái cũng cần có Trí xét đoán phải quấy thì mới tránh cái vạ tự ti và cũng phải có đức Dũng để đôn đốc thực hiện mới được, cũng như Nhân phải có Trí và Dũng thì mới hoàn thành được lòng thương yêu.

Chúng tôi xin chép bài Thánh ngôn của Bà BÁT NƯƠNG NỮ PHẬT – ĐIỀU TRỊ CUNG dạy về Huệ, Ái và Công bình như sau:

THÁNH NGÔN:

*“Trí là mẫn huệ,
Tâm là thương yêu;
Thông đạt cả huệ ái là Đạo.*

Huệ ái là gì?

Người đời hiểu lầm Từ bi, Bác ái là rộng thương, rồi thương đũa, thương cùn, thương không phân biệt phải quấy, thế mà cũng gọi là Bác ái, Từ bi. Sự thật lòng bác ái phải thế với Đức Háo sanh của Đại Từ Phụ là cha sự sống. Ngài muốn sự sống của chúng sanh còn mãi mãi “sống đẹp vị Thiêng liêng, sống chung tâm, hòa trí, sống yên vui, thảo thuận, nói chung là sống với Bác ái, Công bình”.

Thế mà ở đời nhiều trở ngại: Khôn còn, dại mất, người hiền lánh mặt, đũa ngu khoe mình, trên chẳng thuận, dưới chẳng hòa, ẩn yếm che đậy, tốt khoe, xấu che, rồi thương không nở đan tâm sửa trị. Việc phải việc quấy lẫn lộn. Thử hỏi đó là thương hay ghét?

Phải biết dùng Trí tìm tòi phân định, phải biết dùng luật thương yêu xử quyết: Hư nên rõ mặt, chánh tà biệt phân. Rồi dùng cái Đại hòa điệu của Đạo làm phương châm hàng sống để sửa mình độ người. Vậy mới phải Bác ái, hay nói cho đúng hơn là hiệp trí, hòa tâm tạo thành Huệ ái định vũng cơ sanh tôn”.

Xem đó đủ hiểu, có Huệ, có Ái, rồi cần phải có Công bình nữa, thì mới hoàn thành tinh thần đạo đức.

Nghĩa là phải có khí phách của người chánh chơn quân tử thì mới tự thắng mình, và vượt khỏi sự cám dỗ vật chất. Mạnh Tử nói: “Đứng trước cảnh giàu sang chẳng si mê; đứng trước cảnh nghèo hèn không dè dối. Đó là thái độ của người có Tam đạt đức, cũng như lư trầm có ba chân đứng vững và nhã hương ngào ngọt khắp vùng phụ cận”.

GIÁC THA

Đến đây kẻ hành giả đã thể hiện được pháp môn «*Tự biết mình*» (Tự giác) nghĩa là biết toàn diện tâm lý và sanh lý của mình. Biết cơ sanh tồn vật thể, cơ sanh tồn tinh thần và lãnh hội đến sự sống động tâm linh của Phật tánh, nói rút lại, là Minh tâm, Kiến tánh. Mà hễ tự biết được mình thì mình biết được vạn vật. Mạnh Tử bảo rằng: «*Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành*» (Muôn vật đều có đủ nơi ta, ta quay về bản thân mà tìm thì sẽ thành công). Biết mình, biết người, biết vật rồi tùy thời đem cái sở đắc ấy giúp người và vật được giác ngộ như mình. Đó gọi là Giác tha. Thể hiện sự Tự giác, Giác tha là bốn phận của kẻ học.

Chúng tôi tạm chia sự Giác tha ra làm hai phương diện là:

- Công truyền và
- Tâm truyền.

CÔNG TRUYỀN

Công truyền là phần truyền giáo cho phần đông trong xã hội. Về phương diện này, chúng ta nên dùng tất cả thính âm, sắc tướng để thức tỉnh xã hội khuynh hướng về đạo đức. Đại loại như: phô trương nghi tiết phượng thờ tế tự, tụng kinh làm đám, dùng văn chương ngôn ngữ giảng đạo thuyết pháp tức dùng phương thức hữu vi phổ truyền Giáo lý để cảm hóa người đời nghe hiểu và thực tiến. Phật bảo rằng: Kẻ học phải bố thí hoặc thí tài, hoặc thí pháp v.v... Bố thí hết sức mình, tùy thời phổ

hóa quần sinh.

Luận về thanh âm, sắc tướng, nó cũng có sức mạnh tinh thần và có thể cảm kích lòng người đến chỗ sâu xa. Xem như khi chúng ta vào chùa miếu trông thấy cốt tượng thì chúng ta bàng khuâng về sự tín ngưỡng, còn trông thấy đám tang, hoặc mồ mã thì lòng ngậm ngùi thương xót, nhứt âm thanh lễ nhạc có sức mạnh khiến chúng ta yên lặng và hoà bì vào việc xa xôi.

Thế đủ hiểu phần Công truyền Giáo lý cũng quan trọng lắm vậy thay.

TÂM TRUYỀN

Tâm truyền là người nầy truyền thọ cho kẻ nọ Giáo lý về mặt Tâm pháp. Ở đây không dùng thanh âm, sắc tướng mà phải thể hiện những lẽ đạo kinh nghiệm tâm đắc của mình ra nơi hành vi, lời nói và tư tưởng để cho người khác xem gương mà làm theo. Chỗ nầy ông Giáo sư Khoa học Thực nghiệm bảo rằng: *“Anh hãy làm theo những cái tôi nói, chớ đừng làm theo những cái tôi làm”*. Trái lại, về Đạo học, kẻ hành giả phải noi gương vị Giáo sư mà đồ theo, Phật giáo dạy cái lý Tam Qui (Qui Y Phật, Qui Y Pháp, Qui Y Tăng) là lẽ như vậy.

Vả lại, Vô vi Pháp môn không thể dùng văn tự, ngôn ngữ để mô tả được, cho nên kẻ truyền giáo phải có tâm đắc trước rồi sau sẽ truyền giáo; nghĩa là phải học Đạo lý, thực hành thế nào cho Đạo lý biến thành Tâm đức của mình để rồi nó biểu dương ra cử chỉ, hành vi, lời nói và tư tưởng. Trái lại nếu chúng ta chưa có kinh nghiệm đạo đức mà truyền đạo đức thì chúng ta chỉ nói được hình dáng của Chân lý, chớ không phải Chơn lý thực tại.

Trong lòng có đạo đức thì đạo đức phát biểu ra ngoài mà người khác trông thấy rõ ràng. *Hữu u trung hình u ngoại* là lẽ hằng và đó gọi là *bất ngôn chi giáo* (truyền giáo bằng cách không nói ra lời).

Tóm lại chúng ta nên biết rằng sự học Đạo đức hành Đạo đức của chúng ta liên đới ba đời. Đối với đời quá khứ, chúng ta phải tìm học hành những học lý truyền dạy của các vị Thánh Hiền thời xưa. Còn đối với đời hiện tại và đời vị lai chúng ta phải lưu lại cái gì mà chúng ta đã kinh nghiệm để cho người sau noi theo.

HẾT

Viết xong tại:

TÒA THÁNH TÂY NINH
(Tiết lập Xuân năm Quý Mão)

– 1963 –

Soạn giả

Tiếp Pháp TRƯƠNG VĂN TRÀNG

TRÊN ĐƯỜNG TÂN HÓA

SOẠN GIẢ: TIẾP PHÁP TRƯƠNG VĂN TRÀNG